

CÔNG TY TNHH PB TÍN PHÁT

----- ❖ -----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI
TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

**“NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÁN DẪM GỖ CÔNG
SUẤT 1.500.000 M²/NĂM”**

**Địa chỉ: Số 53, Đường ĐH 509, Tổ 4, Ấp 3, xã Tân Hiệp, huyện Phú
Giáo, tỉnh Bình Dương**

Bình Dương, tháng 03 năm 2024

CÔNG TY TNHH PB TÍN PHÁT

----- ✦ ✧ ✨ -----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI
TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

**“NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÁN DẪM GỖ CÔNG
SUẤT 1.500.000 M²/NĂM”**

**Địa chỉ: Số 53, Đường ĐH 509, Tổ 4, Ấp 3, xã Tân Hiệp, huyện Phú
Giáo, tỉnh Bình Dương**

Chủ đầu tư

**CÔNG TY TNHH PB
TÍN PHÁT**



NGUYỄN VĂN HIỆP

Đơn vị tư vấn

**CÔNG TY TNHH TM & DV
HƯỚNG XANH**



ĐẶNG THANH HẢI

Bình Dương, tháng 03 năm 2024

Nguyễn Văn Hiệp

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	1
1. Tên chủ cơ sở.....	1
2. Tên cơ sở đầu tư	1
2.1. Địa điểm thực hiện	1
2.2. Quy mô của cơ sở đầu tư	3
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	4
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	4
3.2. Công nghệ sản xuất, vận hành	4
3.3. Sản phẩm của dự án.....	12
4.2. Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở	13
4.3. Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở	14
4.5. Nhiên liệu khác	14
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	15
5.1. Tiến độ thực hiện cơ sở	15
5.2. Tổ chức quản lý và thực hiện cơ sở	15
5.3. Nhu cầu lao động	16
5.4. Hạng mục công trình cơ sở	16
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	18
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	18
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	18
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP	20
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	20
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	20
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	20
1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	20
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	23
2.1. Xử lý khí thải	23
2.2. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	29
2.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	31
2.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	33
2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	33
2.5.1. Sự cố của bể tự hoại.....	33
2.5.2. Sự cố của hệ thống xử lý khí thải	33
2.5.3. Sự cố của kho lưu giữ chất thải rắn	34
2.5.4. Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước:	34

2.5.5. Sự cố cháy nổ.....	35
2.5.6. Tai nạn lao động	36
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	38
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	38
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	39
2.1. Nguồn phát sinh, lưu lượng xả khí thải	39
2.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải	39
2.3. Phương thức xả thải và vị trí xả thải.....	40
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn.....	40
3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn.....	40
3.2. Giá trị giới đối với tiếng ồn, độ rung:.....	41
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	42
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải	42
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải	42
3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo.....	42
CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	45
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	45
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	45
2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật.....	46
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	46
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	47
CHƯƠNG VII. CAM KẾT CỦA CƠ SỞ	48

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. 1. Vị trí cơ sở (ảnh chụp từ Google Map)	2
Hình 1. 2. Vị trí cơ sở đến các đối tượng xung quanh.....	3
Hình 1.3. Quy trình sản xuất ván dăm.....	5
Hình 1.4. Máy chà cho nhẵn bề mặt tấm ván	8
Hình 1.5. Máy rải dăm và ép thành tấm	8
Hình 1.6. Sản phẩm ván dăm.....	9
Hình 1.7. Sơ đồ quản lý và thực hiện của cơ sở	15
Hình 3.1. Bể tự hoại 03 ngăn.....	20
Hình 3.2. Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải.....	22
Hình 3.3. Quy trình xử lý khí thải lò sấy	24
Hình 3.4. Quy trình xử lý khí thải lò hơi.....	25
Hình 4.1. Vị trí xả khí thải.....	40

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. 1. Tọa độ vị trí khu vực cơ sở	1
Bảng 1. 2. Công suất sản xuất của cơ sở	4
Bảng 1.3. Danh mục trang thiết bị giai đoạn hoạt động	9
Bảng 1. 4. Sản phẩm của cơ sở.....	12
Bảng 1.5. Nguyên,nhiên liệu sử dụng trong 1 năm của dự án	13
Bảng 1.6. Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở	14
Bảng 1.7. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu hàng năm của cơ sở.....	15
Bảng 1.8. Tiến độ thực hiện cơ sở.....	15
Bảng 1.9. Các hạng mục công trình của cơ sở	16
Bảng 3.1. Kích thước bể tự hoại của cơ sở.....	21
Bảng 3.2. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải.....	29
Bảng 3.3. Khối lượng chất thải công nghiệp không nguy hại phát sinh	30
Bảng 3.4. Thành phần và khối lượng chất thải nguy hại.....	31
Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải	38
Bảng 4.2. Nguồn phát sinh khí thải và lưu lượng xả thải.....	39
Bảng 4.3. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải.....	39
Bảng 4.4. Phương thức xả thải và vị trí xả thải	40
Bảng 4.5. Giá trị cho phép về tiếng ồn phát sinh	41
Bảng 4.6. Giá trị giới hạn cho phép về độ rung.....	41
Bảng 5.1. Vị trí lấy mẫu của cơ sở	42
Bảng 5. 2. Kết quả chất lượng khí thải	43
Bảng 5.3. Chất lượng nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải	44
Bảng 6.1. Danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải	45
Bảng 6.2. Kinh phí giám sát môi trường giai đoạn hoạt động	47

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD ₅	Nhu cầu oxy sinh hóa đo ở 20 °C - đo trong 5 ngày.
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường.
BVMT	Bảo vệ môi trường.
BYT	Bộ Y tế.
BTCT	Bê tông cốt thép.
COD	Nhu cầu oxy hóa học.
CTNH	Chất thải nguy hại.
CTR	Chất thải rắn.
DO	Oxy hòa tan.
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường.
KVA	Kilô Volt Ampe.
NTSH	Nước thải sinh hoạt.
PCCC	Phòng cháy chữa cháy.
QLMT	Quản lý môi trường.
QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam.
TDS	Tổng chất rắn hoà tan.
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn.
TT	Thông tư.
TXLNT	Trạm xử lý nước thải
TSS	Tổng chất rắn lơ lửng.
XLNT	Xử lý nước thải.
UBND	Ủy ban nhân dân.

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Chủ cơ sở: CÔNG TY TNHH PB TÍN PHÁT
- Trụ sở chính: Số 53, Đường ĐH 509, Tổ 4, Ấp 3, xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: (Ông) Nguyễn Văn Hiệp
- Chức vụ: Giám đốc
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CCCD: 075072008624 Ngày cấp: 18/08/2022
- Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về Trật tự xã hội
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 95/13, Hưng Đạo Vương, phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- Chỗ ở hiện tại: 95/13, Hưng Đạo Vương, phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702422551 đăng ký lần đầu ngày 11/12/2015 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 16/01/2024, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp
- Mã số thuế: 3702422551

2. Tên cơ sở đầu tư

“NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÁN DẪM GỖ CÔNG SUẤT 1.500.000 m²/năm”

2.1. Địa điểm thực hiện

Địa điểm cơ sở hiện hữu: Số 53, Đường ĐH 509, Tổ 4, Ấp 3, xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Cơ sở có ranh giới tứ cận như sau:

- Phía Bắc: Giáp đường ĐH 509.
- Phía Nam: Giáp rẫy cao su của người dân
- Phía Đông: Giáp đường đất và suối Nước Trong.
- Phía Tây: Giáp rẫy cao su của người dân

Tọa độ góc ranh của công ty như sau:

Bảng 1. 1. Tọa độ vị trí khu vực cơ sở

Vị trí tiếp giáp	Tọa độ	
	X (m)	Y (m)
1	1251540.610	607621.971
2	1251209.228	607765.325
3	1251207.102	607772.610
4	1251190.526	607777.822

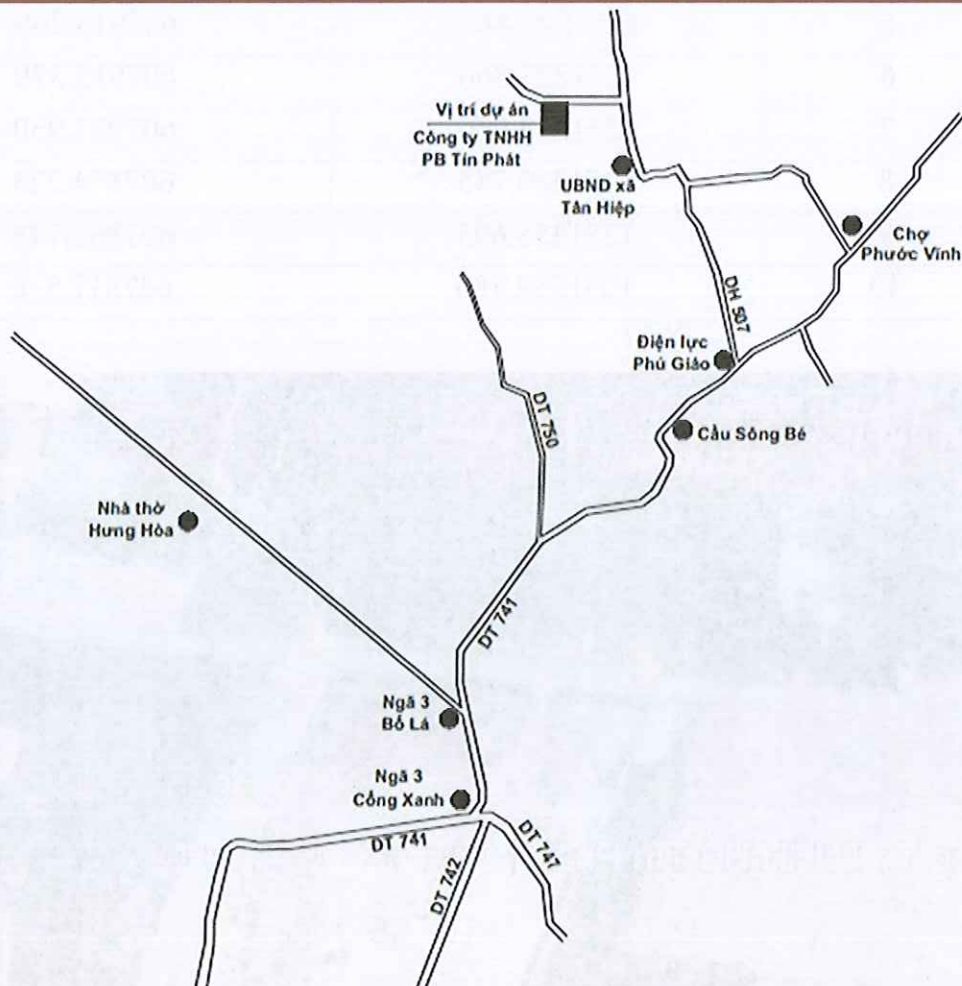
BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

5	1251223.865	607913.269
6	1251227.866	607915.379
7	1251272.090	607907.950
8	1251380.755	607874.223
9	1251455.693	607862.748
10	1251558.480	607817.516



Hình 1. 1. Vị trí cơ sở (ảnh chụp từ Google Map)

[Signature]



Hình 1. 2. Vị trí cơ sở đến các đối tượng xung quanh

❖ **Vị trí thực hiện Cơ sở với các đối tượng xung quanh sau:**

- Xung quanh cơ sở chủ yếu là đất trồng cây cao su, nhà máy sản xuất
- Vị trí cơ sở cách đường DT 741 khoảng 7 km về phía Đông Nam
- Vị trí cơ sở cách đường DH 507 khoảng 1,2 km về phía Đông
- Vị trí cơ sở cách Suối Nước Trong khoảng 10 m về phía Đông
- Cách UBND xã Tân Hiệp khoảng 1,2 km

2.2. Quy mô của cơ sở đầu tư

Quy mô của dự án đầu tư: Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án có tổng mức đầu tư là 60.000.000.000 đồng và thuộc lĩnh vực công nghiệp. Căn cứ vào tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, dự án thuộc dự án nhóm A (theo Khoản 4 Điều 8 Luật đầu tư công). Dự án đầu tư không thuộc loại hình gây ô nhiễm môi trường theo phụ lục II Nghị định 08/2022/NĐ-CP do đó dự án đầu tư thuộc phân loại nhóm II tại Mục số 2 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

Căn cứ theo Khoản 3 Điều 41 của Luật Bảo vệ Môi trường 2020, cơ quan có thẩm quyền cấp phép giấy phép môi trường cho Công ty là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Bảng 1. 2. Công suất sản xuất của cơ sở

STT	Sản phẩm	Đơn vị	Công suất	Quy cách sản phẩm
1	Ván dăm	m ² /năm	1.500.000	- Kích thước: 1.220 mm x 2.440 mm - Dày: 9 mm → 25 mm Khối lượng: 650 kg/m ³ -750 kg/m ³

(Nguồn: Công ty TNHH PB Tín Phát, 2023)

Ghi chú :

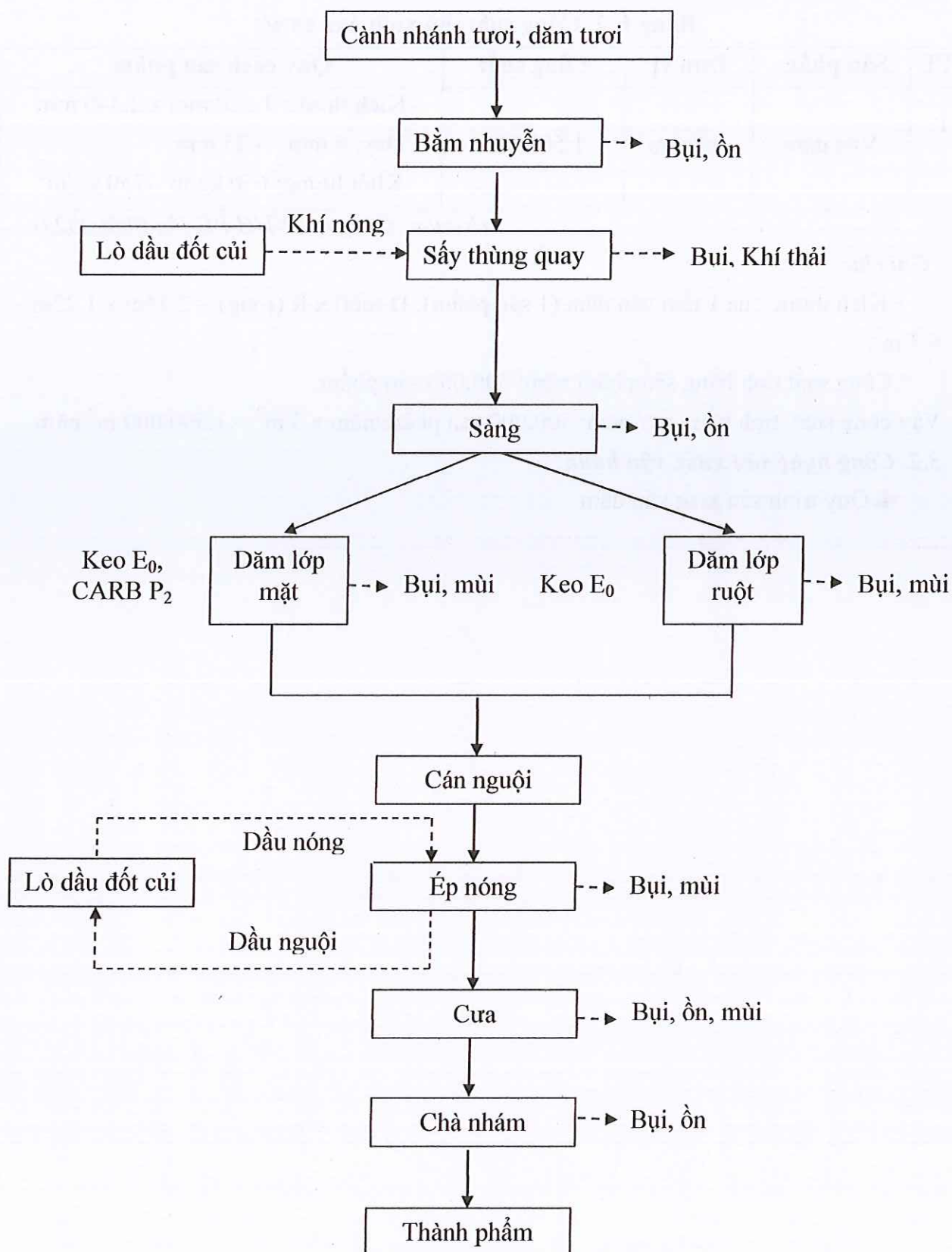
+ Kích thước của 1 tấm ván dăm (1 sản phẩm): D (dài) x R (rộng) = 2,44m x 1,22m = 3 m².

+ Công suất tính bằng sản phẩm/năm: 500.000 sản phẩm.

Vậy công suất tính bằng m²/ năm: 500.000 sản phẩm/năm x 3 m² = 1.500.000 m²/năm

3.2. Công nghệ sản xuất, vận hành

🔧 Quy trình sản xuất ván dăm



Hình 1.3. Quy trình sản xuất ván dăm

Thuyết minh quy trình

Nguyên liệu sản xuất ván dăm là cành nhánh tươi và dăm tươi được mua về.

❖ *Đối với cành nhánh tươi*

Bầm

Cành nhánh tươi được mua về có kích lớn và đưa vào máy băm để băm nhỏ thành dăm thô tươi thông qua máy băm và chuyển vào kho chứa bằng xe tải. Khi sử dụng, dăm tươi trong kho chứa nhờ quạt hút và vít tải liệu nạp vào máy băm nhuyễn. Tại đây, dăm thô sẽ được băm nhuyễn tương tự như băm nhuyễn gỗ vụn. Sau khi băm nhuyễn, dăm tươi theo băng tải từ cửa ra của máy băm đưa qua phễu nạp liệu của máy sấy.

Sấy

Lò sấy sử dụng là lò sấy 3 khoang đốt trực tiếp, có công suất sấy là 4 tấn dăm/giờ, nguyên liệu đốt là bột chà nhám phát sinh từ quá trình sản xuất ván ép và ván dăm bào. Cấu tạo của lò sấy bao gồm 1 buồng đốt, 1 thùng quay khuấy đảo gồm 3 khoang để sấy khô nguyên liệu, các quạt hút khí, bộ phận xử lý khí thải. Bột chà nhám sẽ được cấp vào buồng đốt (50 % nhiệt lượng từ nhiệt dư từ lò dầu tải nhiệt), khí nóng sinh ra trong quá trình đốt có nhiệt độ khoảng 300-400⁰ C sẽ được quạt hút và quạt đẩy đưa vào thùng quay. Thùng quay đặt ngang, bên trong có các cánh đảo hoạt động nên nguyên liệu được đảo đều trong thùng quay, khi gặp khí nóng hơi nước tự động tách ra khỏi nguyên liệu. Trong suốt quá trình đảo và sấy như vậy, nguyên liệu được dịch chuyển từ phía đầu thùng quay qua lần lượt 3 khoang tới phía cuối thùng đạt độ ẩm cần thiết (độ ẩm từ 50-80% giảm xuống còn 5-8%) và nhiệt độ cũng giảm xuống so với ban đầu. Nguyên liệu cùng dòng khí chứa hơi nước được thoát ra ngoài qua bộ phân phối liệu ra, theo đường ống dài vào cyclon để thu hồi nguyên liệu (tại đây nhiệt độ của dòng khí đã giảm xuống 50- 60⁰C). Nguyên liệu rơi xuống đáy cyclon sẽ được đưa qua silo chứa để chuyển đến các công đoạn sản xuất tiếp theo. Dòng khí chứa hơi nước có lẫn bụi tro sẽ thoát ra ngoài và đi qua hệ thống xử lý bụi bunker để xử lý bụi.

Sàng

Các dăm bào trong silo chứa được đưa vào máy sàng để tách thành dăm lớp mặt và dăm lớp ruột. Cấu tạo máy sàng gồm bộ phận nạp liệu, 2 tầng lưới có kích cỡ mặt lưới khác nhau (tầng trên có kích cỡ mặt lưới đường kính 8 mm, tầng dưới có kích cỡ mặt lưới đường kính 1 mm), 3 cửa ra liệu, 2 hệ thống băng tải liệu. Máy sàng được thiết kế bọc kín (hạn chế phát tán bụi) và hoạt động theo nguyên lý sàng rung.

Trong máy sàng rung, dăm có kích thước lớn hơn 8 mm vướng lại ở tầng trên và theo cửa ra liệu trên cùng rơi vào thùng chứa, và được đưa trở lại máy băm để băm nhuyễn lại. Các dăm có kích thước nhỏ hơn 8 mm rơi xuống tầng dưới, dăm lớp ruột có kích thước từ 1- 8mm sẽ được giữ lại trên tầng này và theo cửa ra liệu rơi xuống băng tải chuyển đến máy trộn keo dành cho dăm lớp ruột. Dăm lớp mặt có kích thước nhỏ hơn 1 mm từ tầng sàng dưới rơi xuống đáy máy sàng và theo cửa ra liệu dưới cùng rơi xuống băng tải chuyển đến máy trộn keo dành cho dăm lớp mặt.

Tại cửa nạp liệu và cửa ra liệu, được lắp các thiết bị che chắn để hạn chế phát tán bụi vào môi trường do quá trình rơi xuống của dăm.

Trộn keo: Công đoạn phối trộn dăm bào với keo của dăm lớp mặt và dăm lớp ruột được thực hiện tương tự nhau và bằng máy trộn tự động có thiết kế thùng kín nằm ngang như hình bên dưới để tránh gây phát tán bụi gỗ ra môi trường. Nguyên lý hoạt động của máy là trộn cơ khí hỗn hợp keo với chất rắn (dăm bào): Trước tiên thì các hạt chất rắn nằm ở đáy thùng. Khi cánh khuấy bắt đầu quay thì chúng bắt đầu được phân bố vào chất lỏng. Vì dưới ảnh hưởng của lực ly tâm, hỗn hợp chuyển động theo hướng xoắn ốc và phân tán vào cả thể tích thùng, đồng thời chất rắn được chất lỏng thấm ướt. Dự án sẽ đầu tư máy trộn guồng xoắn có thùng chứa nằm ngang vì máy có chế độ làm việc liên tục, trộn được khối lượng lớn, tiếng ồn thấp. Bộ phận làm việc là những guồng xoắn văng hay vít đẩy quay trên những trục nằm ngang. Dăm sẽ được băng tải chuyển đến hòng nạp liệu nằm ở một đầu thùng. Keo E₀ sẽ được chứa trong bồn chứa bằng nhựa, được định lượng rồi bơm phun vào thùng trộn tự động. Hỗn hợp dăm đã được trộn đều với keo được guồng xoắn đẩy đến cuối thùng, đến cửa xuất thì hỗn hợp được băng tải tự động chuyển đến máy trải chuẩn bị ép thành ván. Tỷ lệ keo phối trộn là 10-12% khối lượng hỗn hợp. Tại hòng nạp liệu được lắp đặt chụp hút để thu gom bụi phát sinh về thiết bị túi vải.

Keo E₀: keo được cung cấp bởi các nhà sản xuất keo chuyên nghiệp (AICA Đồng Nai và Techem Đồng Nai) công nghệ Nhật Bản cho ra dòng keo E₀ đạt phát thải Formaldehyde < 0,09ppm đạt tiêu chuẩn EPA và CABP P₂ Tiêu chuẩn quốc tế Hoa Kỳ, được tổ chức SGS Hồng Kong chứng nhận và theo dõi đánh giá định kỳ (3 tháng/lần).

➤ Phát thải khí không mùi qua khâu phối trộn và ép nóng là đạt yêu cầu (không có phát thải) → Không có hệ thống khử mùi bằng than hoạt tính tại khâu ép máy.

Cán nguội: Dăm lớp mặt và dăm lớp ruột sẽ theo băng tải chuyển qua hệ thống máy trải để phân thành các lớp mặt, ruột. Sau đó đưa qua máy cán để ép sơ bộ định hình. Sau đó đưa vào máy ép nóng thủy lực chuyên dụng.

Ép nóng: Tại đây, áp lực được bơm lên cao nhờ bơm thủy lực và nhiệt độ từ lò dầu (sử dụng dầu gia nhiệt) tạo ra khoảng 100-120⁰C. Sau một thời gian ép nóng khoảng 12 phút/mẻ thì vật liệu kết dính với nhau và tạo ra sản phẩm có đủ độ cứng và độ bền gọi là ván dăm. Tại máy ép nóng thủy lực, có trang bị chụp hút để hút hơi keo tỏa ra dẫn về hệ thống xử lý hơi keo.

Cưa, cắt: Các tấm ván sẽ theo băng chuyền tự động chạy qua dây chuyền cắt tự động để cắt biên ván tạo thành các tấm theo đúng kích thước đã quy định. Tại các lưỡi cắt có lắp đặt các chụp hút để thu gom bụi phát sinh về thiết bị túi vải.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Chà nhám: Các tấm ván sau khi được cắt theo kích thước quy định, sẽ được chuyển qua máy chà nhám để tạo độ nhẵn cho bề mặt ván. Máy chà nhám được thiết kế kín có lắp đặt chụp hút để thu gom bụi về túi vải. Cuối cùng, ván dăm thành phẩm được lưu kho.

Các sản phẩm tạo thành sẽ được kiểm tra chất lượng, mẫu mã trước khi chuyển giao cho khách hàng.



Hình 1.4. Máy chà cho nhẵn bề mặt tấm ván



Hình 1.5. Máy rải dăm và ép thành tấm



Hình 1.6. Sản phẩm ván dăm

❖ **Danh mục máy móc, thiết bị chính**

Các loại máy móc sử dụng cho quá trình sản xuất của dự án trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.3. Danh mục trang thiết bị giai đoạn hoạt động

TT	Tên máy móc, thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Nguồn gốc	Tình trạng thiết bị
Dây Chuyền Ép Ván Dăm					
1	Máy băm	- Motor chính: 200 HP/máy - Công suất: 10-15 tấn gỗ/giờ/máy - Kích thước dao băm: 260×120×12mm - Kích thước cửa nạp: 250×250 mm - Trong lượng 1 máy: 3,2tấn	01	Trung Quốc	Mới 100%
2	Máy tạo sợi dăm	- Công suất quạt hút: 100 HP	02	Trung Quốc	Mới 100%
3	Quạt hút dăm gỗ	- Motor: 30 HP/máy - Lưu lượng: 1.200 - 30.000m³/h - Áp suất: 1200 – 4400 Pa - Nhiệt độ dòng khí cho phép: 0-150°C	02	Việt Nam	Mới 100%

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4	Quạt hút dầm (bụi)	- Motor: 3 HP/máy - Vật liệu cấu tạo: thép hoặc inox - Công suất vít tải: 30-50 tấn/giờ	12	Việt Nam	Mới 100%
5	Hệ thống xử lý hút bụi (bunker dạng túi vải) công suất 40.000 m ³ /giờ	- Quạt hút: 20 HP - Công suất: 40.000 m³/giờ - Túi lọc: 400 cái (đường kính 100 mm, chiều dài 1,5 m) - Quạt rũ bụi: 2 HP	01	Việt Nam	Mới 100%
6	Máy sàng liệu	- Motor: 15 HP - Kích thước lỗ rây: Ø8- Ø1 - Vật liệu cấu tạo: thép không gỉ SUS-304 - Công suất sàng: 6-8 tấn/giờ	01	Trung Quốc	Mới 100%
7	Máy bơm, máy trộn keo	- Motor bơm, trộn: 42 HP - Công suất trộn: 6-8 tấn/giờ	02	Trung Quốc	Mới 100%
8	Máy trải dầm	- Motor: 33 HP	01	Trung Quốc	Mới 100%
9	Máy cán	- Motor: 37 HP - Trọng lượng: 3 tấn	01	Trung Quốc	Mới 100%
10	Hệ thống ép nóng thủy lực	- Motor: 133 HP - Số khe ép: 30 khe - Lực ép: 1.000 tấn - Nhiệt độ làm việc tối đa: 200°C	01	Trung Quốc	Mới 100%
11	Băng tải các loại	- Công suất: 30 HP	9	Trung Quốc	Mới 100%
12	Máy cửa tự động	- Công suất: 37 HP - Đường kính lưỡi cửa: 250-400 mm - Tốc độ lưỡi cửa: 4000-6000 vòng/phút	04	Việt Nam	Mới 100%
13	Máy nén khí	- Công suất: 75 HP	01	Đài Loan	Mới 100%

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

14	Trung tâm năng lượng tích hợp Lò dầu 2,4 Tấn/giờ	- Motor: 30 HP - Môi chất tải nhiệt: dầu truyền nhiệt - Công suất cấp nhiệt: 2.400.000 kcal/giờ - Nhiệt độ môi chất cấp đi: 200^oC - Nhiệt độ môi chất hồi: 100- 110^oC - Nhiên liệu đốt: bột gỗ chà nhám, củi gỗ - 18.000 m³/giờ - Quạt cấp gió: 16.000 m³/giờ	01	Trung Quốc	Mới 100%
15	Lò sấy trực tiếp	- Motor: 33 HP - Công suất: 4 tấn gỗ/giờ - Tốc độ vòng quay: 0,6- 6 vòng/phút - Góc nghiêng lắp đặt: 3-5^o - Nhiên liệu đốt: bột gỗ chà nhám, củi gỗ - Trọng lượng máy: 19 tấn	01	Trung Quốc	Mới 100%
Dây Chuyên Cưa Thành Phẩm					
16	Hệ thống cưa tự động	- Motor: 62 HP - Đường kính lưỡi cưa: 250- 400 mm - Tốc độ lưỡi cưa: 4.000- 6.000 vòng/phút	01	Việt Nam	Mới 100%
17	Hệ thống xử lý bụi (Bunker dạng túi vải) công suất 3.000 m ³ /giờ	- Quạt hút: 2,7 HP - Công suất: 3.000 m³/giờ - Túi lọc: 100 cái (đường kính 100 mm, chiều dài 1,5 m) - Quạt rũ bụi: 1 HP	01	Việt Nam	Mới 97%
Dây Chuyên Chà Nhám Thành Phẩm					

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

18	Máy chà nhám 2 đầu	- Motor: 200 HP - Tốc độ đưa ván: 5-15 m/phút - Khí nén: 6 kg/cm³ - Kích thước băng nhám: 1,3×2,2 mm - Lưu lượng thoát bụi: 10.000 m³/giờ	01	Trung Quốc	Mới 100%
19	Máy chà nhám 4 đầu (dùng chung chà ván ép)	- Motor: 233 HP - Tốc độ đưa ván: 5-15 m/phút - Khí nén: 6 kg/cm³ - Kích thước băng nhám: 1,3×2,2 mm - Lưu lượng thoát bụi: 10.000 m³/giờ	01	Trung Quốc	Mới 100%
20	Hệ thống xử lý bụi (Bunker dạng túi vải) công suất 30.000 m ³ /giờ	- Quạt hút: 30 HP - Công suất: 30.000 m³/giờ - Túi lọc: 100 cái (đường kính 100 mm, chiều dài 1,5 m) - Quạt rũ bụi: 1 HP	01	Việt Nam	Mới 100%

3.3. Sản phẩm của dự án

Bảng 1. 3. Sản phẩm của cơ sở

STT	Sản phẩm	Khối lượng m ² /sản phẩm	Số lượng sản phẩm/năm
1	Ván dăm	3	500.000

4. Nhu cầu nguyên, nhiên, vật liệu đầu vào và các sản phẩm đầu ra của cơ sở

4.1. Nhu cầu về nguyên liệu, nhiên liệu sử dụng:

❖ Nhu cầu nguyên liệu

Nguyên vật liệu sử dụng cho hoạt động sản xuất của dự án các loại như bảng sau:

Bảng 1.5. Nguyên, nhiên liệu sử dụng trong 1 năm của dự án

TT	Tên nguyên vật liệu	Tính chất	Đơn vị	Số lượng	Nguồn cung cấp
1	Cành nhánh tươi, dăm tươi	Thành phần: Xenluloze	Tấn	120.000	Trong nước
2	Keo E ₀ (Ure Formandehyde 65%)	- Thành phần: formandehyde (CH₂O) - Dung dịch không màu có mùi hăng - Là chất dễ cháy và nguy hiểm khi tiếp xúc ở nồng độ cao - Chứa trong bồn kín bằng kim loại, đặt trong khu vực có mái che.	Ngàn	5.400	Nhật Bản
3	Dầu bôi trơn	- Hòa tan tốt cạn, muội than - Không ăn mòn máy móc, bền hóa học - Bền hóa học và sinh học, dẫn nhiệt tốt - Đóng gói: chứa trong chai bằng nhựa hoặc kim loại có nắp đậy kín	Lít	6.000	Trong nước
4	Dầu gia nhiệt	- Nhiệt độ tự bốc cháy: 420⁰C - Khối lượng riêng: 0,875 kg/l - Nhiệt dung riêng: 1,86 kJ/kg⁰C - Nhiệt độ sôi: 462⁰C - Độ nhớt: 5,2- 63,8 cSt - Chứa trong thùng phi kim loại có nắp đậy kín	Lít	1.200	Trong nước
5	Dầu DO (xe nâng, xúc)	- Chứa trong chai nhựa có nắp đậy kín - Là chất lỏng dễ cháy, có thể tự cháy	Lít	50.000	Trong nước
6	Hóa chất khử trùng Clorin (dùng cho HTXL nước thải)	Ca(ClO) ₂ Calcium hypochlorite	Kg	750	Trung Quốc

(Nguồn: Công ty TNHH PB Tín Phát)

4.2. Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở

Cơ sở sử dụng nguồn cung cấp điện từ điện lưới Quốc gia, Cơ sở cũng sử dụng 01 máy phát điện dự phòng chạy bằng dầu DO công suất 300 KVA cho thắp sáng và phòng cháy chữa cháy và cho trường hợp mất điện từ nguồn trên.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

- Hệ thống điện được thiết kế với độ an toàn cao, hệ thống đường dây không chồng chéo giữa lưới điện địa phương;
- Hệ thống đường dây được đi nổi trên các cọc điện làm bằng vật liệu BTCT có chiều cao khoảng 8m.

4.3. Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở

Nguồn cung cấp nước

Tổng lao động cơ sở hiện tại là 70 người. Tiêu chuẩn dùng nước 80 lít/người.ngày (QCVN:01/2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch Xây dựng)

$$Q_{sh} = 70 \text{ người} \times 0,08 \text{ m}^3/\text{người/ngày} = 8 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

Bảng 1.6. Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở

STT	Mục đích sử dụng	Lưu lượng (m ³ /ngày)	Ghi chú
1	Nước sinh hoạt cho 70 công nhân	5,6	Định mức tiêu thụ 80 lít/người.ngày = 0,08 m ³ /người.ngày (Theo QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, ngày 19/05/2021)
2	Nước cấp cho HTXL khí thải lò hơi	1,98	-
3	Nước tưới cây (diện tích 9.529,1 m ²)	7,15	Định mức sử dụng 3 lít/m ² (TCXDVN 33:2006: Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình – Tiêu chuẩn thiết kế, Bộ Xây dựng, 3/2006); tưới 4 ngày/lần
Tổng		14,73	-

(Nguồn: Công ty TNHH PB Tín Phát, 2024)

- Nước PCCC

Được tính toán dựa theo TCVN 2622 - 1995 (phòng cháy chống cháy cho nhà và công trình).

- + Số đám cháy xảy ra đồng thời giả thiết là 1 đám.
- + Lưu lượng nước tính toán cho mỗi đám cháy có lưu lượng $q = 10$ lít/s.
- + Tổng lượng nước cần chữa cháy liên tục trong 90 phút: $Q_{cc} = 1 \text{ đám cháy} \times 10 \text{ l/s} \times 90 \text{ phút} \times 80/1.000 = 72 \text{ m}^3$.

Cơ sở sẽ bố trí bình chữa cháy CO₂ loại T5, đặt ở mỗi cửa ra vào hệ thống báo cháy cùng tiêu lệnh chữa cháy tại nhà văn phòng, nhà xưởng sản xuất, nhà chứa chất thải,... Đồng thời, xây âm bể PCCC trong khuôn viên cơ sở.

4.5. Nhiên liệu khác

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Cơ sở sử dụng nhớt bôi trơn để bôi trơn máy móc, động cơ. Trong quá trình vận hành máy móc, thiết bị sẽ xảy ra ma sát giữa các bề mặt của chi tiết làm cho máy móc nóng lên, cản trở chuyển động và gây mài mòn dẫn đến hư hỏng máy móc. Vì vậy, dầu nhớt bôi trơn được sử dụng giúp máy móc vận hành êm ái, hạn chế rung lắc, tiếng ồn và chống han gỉ. Nhu cầu tiêu thụ dầu nhớt bôi trơn khoảng 250 lít/năm.

Bảng 1.7. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu hàng năm của cơ sở

STT	Tên nhiên liệu	Đơn vị tính	Khối lượng	Mục đích sử dụng
1	Dầu nhớt	250	Việt Nam	Bôi trơn máy móc

(Nguồn: Công ty TNHH PB Tín Phát, 2024)

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Tiến độ thực hiện

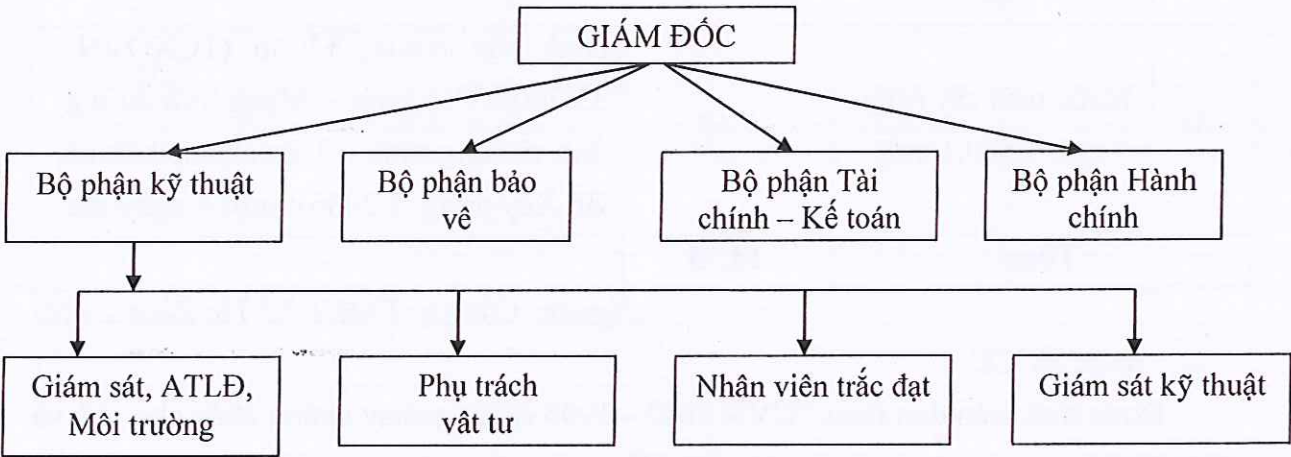
Tiến độ thực hiện được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.8. Tiến độ thực hiện cơ sở

STT	Công việc	Tiến độ thực hiện		
		Năm 2024		
		T3	T4	T5
01	Lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường	x	x	x

(Nguồn: Công ty TNHH PB Tín Phát, 2024)

5.2. Tổ chức quản lý và thực hiện cơ sở



Hình 1.7. Sơ đồ quản lý và thực hiện của cơ sở

Số lượng công nhân viên là: 70 người.

Thời gian làm việc: 1 ca/ngày tương đương 8h làm việc. Số ngày sản xuất trong năm: 300 ngày (trừ các ngày Lễ, Tết theo quy định).

Cơ sở không tổ chức nấu ăn, buổi trưa công nhân ra ngoài ăn.

Bộ phận phụ trách môi trường của cơ sở dự kiến sẽ có 1 nhân viên.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Yêu cầu: Trình độ Đại học chính quy, chuyên ngành liên quan đến môi trường, hóa chất, hoặc luật; hiểu về hóa chất, chất thải và các kiến thức chung về môi trường; có kỹ năng sử dụng các phần mềm văn phòng.

Nhiệm vụ: Quản lý môi trường sản xuất và sản phẩm; Quản lý sản xuất sạch hơn cho nhà máy; Giám sát các công trình xử lý môi trường; Giám sát an toàn lao động; được ủy quyền tiếp đoàn kiểm tra môi trường.

5.3. Nhu cầu lao động

Số lượng công nhân viên khoảng 70 nhân viên (trong đó quản lý là 1 người, nhân viên văn phòng 8 người, công nhân 60 người và bảo vệ 1 người).

5.4. Hạng mục công trình cơ sở

Cơ sở được tọa lạc trên Số 53, Đường ĐH 509, Tổ 4, Ấp 3, xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, tổng diện tích của cơ sở là 28.541,60 m² trong đó diện tích sử dụng đất là 28.500 m². Trong đó, diện tích các hạng mục xây dựng được trình bày cụ thể trong bảng sau:

Bảng 1.9. Các hạng mục công trình của cơ sở

Stt	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
A.	Đất xây dựng công trình	12.900,50	45,26
1	Nhà xưởng 01	5.000,00	17,54
2	Nhà xưởng 02	4.158,00	14,59
3	Nhà kho	3.412,50	11,97
4	Nhà văn phòng	100,00	0,35
5	Nhà ăn	80,00	0,28
6	Nhà bảo vệ	10,00	0,04
7	Trạm điện	10,00	0,04
8	Nhà xe	30,00	0,11
9	Nhà vệ sinh	20,00	0,07
10	Nhà kho chứa chất thải thông thường	20,00	0,07
11	Nhà kho chứa chất thải nguy hại	20,00	0,07
12	Hệ thống xử lý khí thải	40,00	0,14
13	Bể XLNT	-	-
14	Bể PCCC	-	-
B.	Đất sân đường nội bộ - bãi xe	6.070,40	21,30
C.	Cây xanh - mặt nước	9.529,10	33,44
D.	Tổng diện tích sử dụng đất	28.500,00	100,00
E.	Diện tích HLATĐB		41,60
F.	Tổng diện tích khu đất		28.541,60

(Nguồn: Công ty TNHH PB Tín Phát, 2024)

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án dành 9.529,10 m² diện tích đất, chiếm khoảng 33,44% tổng diện tích của toàn dự án để bố trí cây xanh, thảm cỏ. Như vậy, diện tích cây xanh tại dự án tuân thủ đúng theo quy định của QCVN 01:2021/BXD về tỷ lệ diện tích cây xanh trong dự án ($\geq 20\%$).

(Bản vẽ mặt bằng tổng thể với các hạng mục được đính kèm tại phụ lục)

**CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH,
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

❖ Khu dân cư

Khu dân cư gần nhất cách cơ sở khoảng 1,2 km.

❖ Các đối tượng tự nhiên

Suối Nước Trong cách cơ sở khoảng 10m về phía Đông.

❖ Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật xung quanh

Hạ tầng về giao thông khu vực dự án tương đối hoàn chỉnh. Dự án được kết nối với đường giao thông liên tỉnh ĐT 741 bởi đường ĐH 507 và ĐH 509, đây là hai trục đường liên xã kết nối 4 xã Vĩnh Hòa, Tân Hiệp, An Linh và xã Phước Sang của huyện Phú Giáo. Đường có chiều rộng trung bình khoảng 6m, mặt đường được rải nhựa thuận tiện cho việc vận chuyển nguyên liệu cũng như sản phẩm của dự án.

Hạ tầng cấp nước và thoát nước: khu vực chưa có hệ thống cấp nước thủy cục, nguồn nước được sử dụng là nước giếng khoan. Khu vực chưa có hệ thống thoát nước mưa, nước thải. Nước mưa khu vực dự án chủ yếu thoát tự nhiên ra suối Nước Trong

❖ Các đối tượng kinh tế xã hội

- + Về khu dân cư: Vị trí cơ sở nằm xung quanh là rẫy cây cao su của người dân. Khu dân cư gần nhất cách cơ sở khoảng 1,2 km, chủ yếu tập trung 2 bên đường ĐH 507 gần khu vực Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp.
- + Về cơ sở sản xuất kinh doanh: hiện tại khu vực chưa có khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Gần cơ sở có một số cơ sở sơ chế gỗ cao su của người dân, trong khu vực chỉ có một số cơ sở nhỏ lẻ tập trung vào dịch vụ mua bán và trao đổi hàng hóa.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

- Xung quanh cơ sở đã có hạ tầng tiêu thoát nước mưa hoàn chỉnh. Nước mưa rơi xuống mái của nhà xưởng sẽ được thu gom bằng hệ thống máng thu và cuối các máng có đặt ống nhựa PVC đường kính Ø114 mm dẫn nước xuống hệ thống thoát nước mưa bằng BTCT chạy dọc các nhà xưởng

Nước mưa rơi xuống mái của nhà kho sẽ được thu gom bằng hệ thống máng thu và cuối các máng có đặt ống nhựa PVC đường kính Ø168 mm dẫn nước xuống hệ thống thoát nước mưa bằng BTCT chạy dọc các nhà kho.

Hệ thống thoát nước mưa xây dựng bằng các cống BTCT, đường kính Ø400 mm, độ dốc $i=0,2\%$. Hệ thống này độc lập và riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải. Nước mưa trong khuôn viên dự án được thu gom và thoát ra mương thoát nước đường ĐH 509 nằm phía trước công ty rồi chảy ra suối Nước Trong cách cơ sở khoảng 10m về phía Đông, sau đó chảy ra sông Bé.



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

- Nước thải sinh hoạt của công nhân viên sau bể tự hoại và nước thải sản xuất được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý. Nước thải sau khi đã xử lý sẽ chảy ra mương thoát nước phía sau công ty, sau đó chảy ra suối Nước Trong.

- Đối với môi trường không khí: Khí thải sẽ được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn xả thải trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Trong quá trình hoạt động có phát sinh chất thải rắn công nghiệp, rác sinh hoạt, bao bì nilong,... Cơ sở đã phân loại, lưu trữ và ký hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

**CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Nước mưa rơi xuống mái của nhà xưởng sẽ được thu gom bằng hệ thống máng thu và cuối các máng có đặt ống nhựa PVC đường kính Ø114 mm dẫn nước xuống hệ thống thoát nước mưa bằng BTCT chạy dọc các nhà xưởng.

Nước mưa rơi xuống mái của nhà kho sẽ được thu gom bằng hệ thống máng thu và cuối các máng có đặt ống nhựa PVC đường kính Ø168 mm dẫn nước xuống hệ thống thoát nước mưa bằng BTCT chạy dọc các nhà kho.

Hệ thống thoát nước mưa xây dựng bằng các cống BTCT, đường kính Ø400 mm, độ dốc $i=0,2\%$. Hệ thống này độc lập và riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải. Nước mưa trong khuôn viên dự án được thu gom và thoát ra mương thoát nước đường ĐH 509 nằm phía trước công ty rồi chảy ra suối Nước Trong cách cơ sở khoảng 10m về phía Đông, sau đó chảy ra sông Bé.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

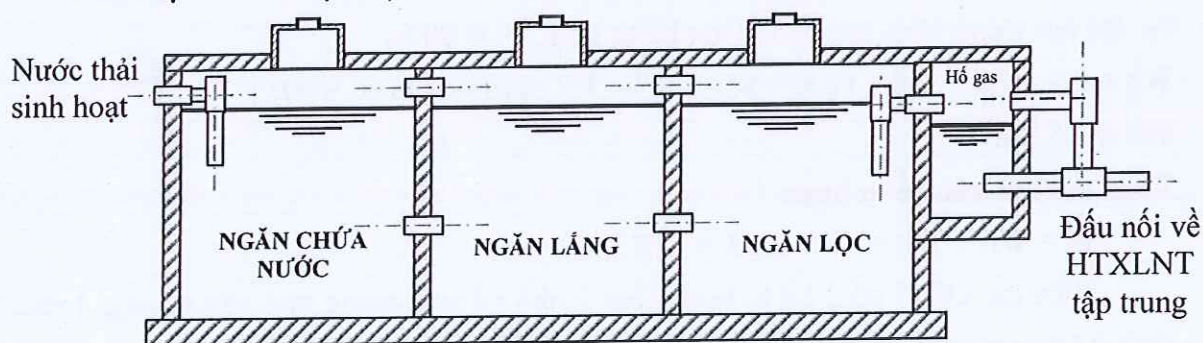
1.2.1. Đối với nước thải sinh hoạt

Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh của cơ sở là $1.680 \text{ m}^3/\text{năm} \approx 5,6 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (quy ước bằng 100% lưu lượng sử dụng).

Nước thải từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn. Bể tự hoại có chức năng lắng và phân huỷ bùn dư. Bùn dư trong bể tự hoại sau một thời gian lưu nhất định bị phân huỷ một phần và sinh khí. Nước thải sau bể tự hoại cùng với các nguồn nước thải khác được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải của công ty.

Bể tự hoại 3 ngăn xây dựng tại mỗi khu nhà vệ sinh với mục đích xử lý cục bộ nước thải sinh hoạt

Sơ đồ một kiểu bể tự hoại điển hình được đưa ra trên hình dưới đây:



Hình 3.1. Bể tự hoại 03 ngăn

Nước thải này được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn. Bể tự hoại là công trình đồng thời làm 2 chức năng: lắng và phân huỷ cặn lắng với hiệu quả xử lý từ 40 - 50%. Với thời gian lưu nước trong bể khoảng 3 ngày thì khoảng 95% các chất lơ lửng sẽ lắng xuống đáy bể. Cặn lắng giữ lại trong bể từ 3 đến 6 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi

sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân huỷ, một phần tạo thành các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Nước thải lắng trong bể với thời gian dài bảo đảm hiệu suất lắng cao sẽ chuyển qua ngăn lọc và thoát ra ngoài theo ống dẫn. Trong ngăn lọc có chứa vật liệu lọc là đá 4x6 phía dưới và phía trên là đá 1x2. Đối với mỗi bể tự hoại đều có lỗ thông hơi để giải phóng khí sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí và tác dụng thứ hai của ống này là dùng để thông các ống đầu vào và ống đầu ra khi bị nghẹt.

Khi qua bể tự hoại, nồng độ các chất hữu cơ trong nước thải giảm khoảng 30% riêng các chất lơ lửng hầu như được giữ lại hoàn toàn.

Bùn dư sau thời gian lưu thích hợp sẽ được Công ty thuê xe hút chuyên dùng (loại xe hút hầm cầu) hút bùn đưa đi xử lý theo đúng quy định.

Tính toán thể tích bể tự hoại cần thiết đáp ứng nhu cầu cơ sở

Thể tích phần nước: $W_n = K \times Q$

K: hệ số lưu lượng, $K = 2,5$

Q: lưu lượng nước thải sinh hoạt trung bình ngày đêm, $Q = 5,6 \text{ m}^3/\text{ngày}$

$$W_n = 2,5 \times 5,6 = 14 \text{ m}^3$$

Thể tích phần bùn:

$$W_b = a \times N \times t \times (100 - P_1) \times 0,7 \times 1,2 : [1000 (100 - P_2)]$$

Trong đó:

a: Tiêu chuẩn cặn lắng cho một người, $a = 0,4 - 0,5 \text{ lít/ngày.đêm}$

N: Số công nhân viên của cơ sở, $N = 70 \text{ người}$

t: Thời gian tích lũy cặn trong bể tự hoại, $t = 180 - 365 \text{ ngày}$

0,7: Hệ số tính đến 30 % cặn đã phân huỷ

1,2: Hệ số tính đến 20 % cặn được giữ trong bể tự hoại đã bị nhiễm vi khuẩn cho cặn tươi.

P_1 : Độ ẩm của cặn tươi, $P_1 = 95 \%$

P_2 : Độ ẩm trung bình của cặn trong bể tự hoại, $P_2 = 90 \%$

$$W_b = 0,4 \times 70 \times 300 \times (100 - 95) \times 0,7 \times 1,2 : [1000 \times (100 - 90)]$$

$$W_b \approx 3,53 \text{ m}^3$$

Tổng thể tích các bể tự hoại:

$$W = W_n + W_b = 14 + 3,53 = 17,53 \text{ m}^3$$

Hiện tại, cơ sở có 2 bể tự hoại gồm 1 nhà vệ sinh trong nhà văn phòng, 1 nhà vệ sinh ở khu vực nhà xưởng sản xuất.

Bảng 3.1. Kích thước bể tự hoại của cơ sở

STT	Vị trí	Kích thước (m)	Số lượng (bể)	Thể tích (m ³)
1	Bể tự hoại khu văn phòng	2 x 2.5 x 2	1	10
2	Bể tự hoại khu vực xưởng	3 x 2.5 x 2	1	15
TỔNG				25

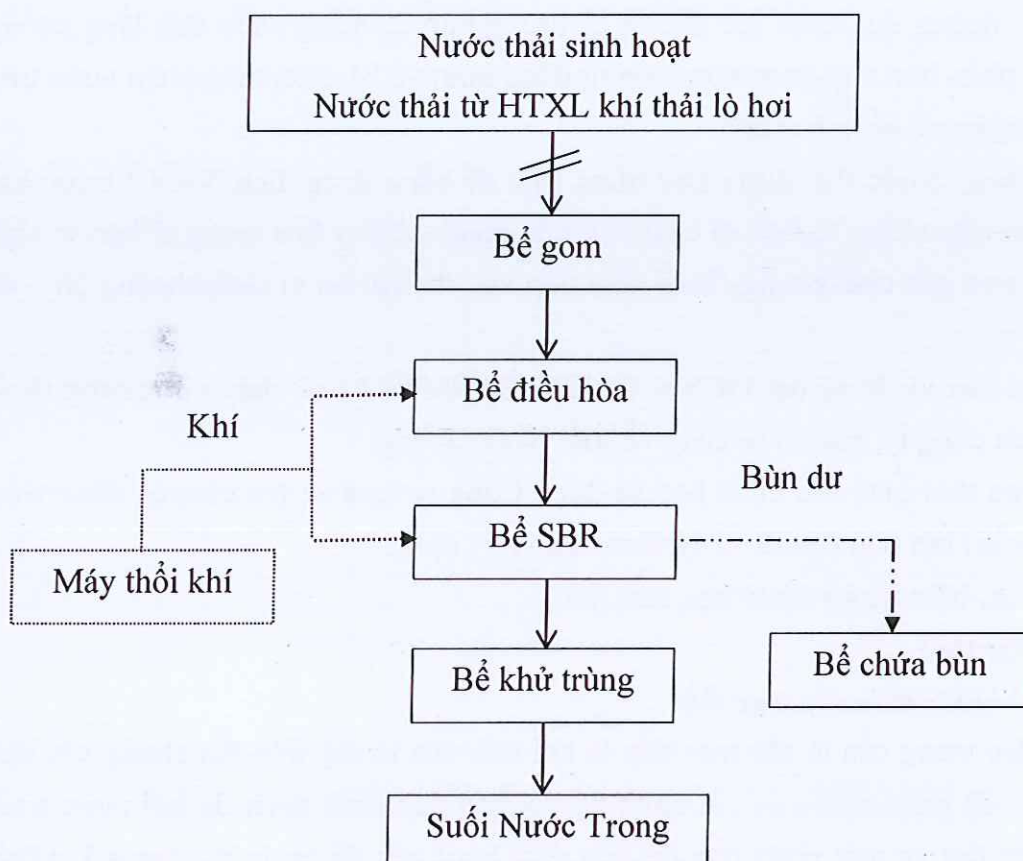
(Nguồn: Công ty TNHH PB Tín Phát, 2023)

Như vậy, tổng thể tích 2 bể tự hoại đáp ứng đủ khả năng xử lý tốt lượng nước thải phát sinh khi cơ sở đi vào hoạt động ổn định. Đây là công trình vệ sinh kiên cố, sử dụng xuyên suốt trong quá trình hoạt động của cơ sở.

1.2.2. Đối với nước thải sản xuất

Tổng lưu lượng nước thải công nghiệp phát sinh của cơ sở là $595 \text{ m}^3/\text{năm} \approx 1,98 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (quy ước bằng 100% lưu lượng sử dụng)

Hệ thống xử lý nước thải của nhà máy hoạt động theo quy trình công nghệ như sau:



Hình 3.2. Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải

Hồ thu gom: Nước thải từ các nguồn phát sinh theo mạng lưới thu gom nước thải chảy vào hồ thu của trạm xử lý. Tại đây, để bảo vệ thiết bị hệ thống đường ống công nghệ, song chắn rác thô được lắp đặt để loại bỏ các tạp chất có kích thước lớn ra khỏi nước thải. Sau đó nước thải sẽ được bơm lên bể điều hòa.

Bể điều hòa: Nước thải tại các hồ thu nước thải được bơm về bể điều hòa. Tại bể điều hòa, hệ thống ống dẫn khí đặt ngầm trong bể sẽ cung cấp khí để hòa trộn đồng đều nước thải trên toàn diện tích bể, ngăn ngừa hiện tượng lắng cặn ở bể sinh ra mùi khó chịu. Ngoài việc xáo trộn nước thải, bể điều hòa có chức năng điều hòa lưu lượng và nồng độ nước thải trước khi vào bể SBR, giúp cho quá trình xử lý sinh hoạt tại bể SBR được nâng cao do không bị hoặc giảm đến mức thấp nhất “shock” tải trọng, các chất ảnh hưởng đến quá trình xử lý có thể được pha loãng, pH có thể được trung hòa và ổn định.

[Signature]

Bể SBR: Nước từ bể điều hòa được bơm vào bể SBR để tiếp tục xử lý triệt để các chất ô nhiễm: BOD, COD, nitơ, photpho,... Tại bể SBR, hệ thống ống cung cấp khí được bố trí trong lòng bể cung cấp không khí cho quá trình hiếu khí, quá trình xử lý nitơ photpho và các chất ô nhiễm trong nước thải diễn ra mạnh mẽ. Bể SBR sẽ hoạt động theo nguyên lý hiếu khí – kỵ khí – thiếu khí. Trước tiên, khí được thổi liên tục trong một thời gian nhất định (trong một mẻ), từ dưới lên theo một hệ thống sục khí khuếch tán và hòa tan oxy vào nước. Trong điều kiện sục khí liên tục, vi khuẩn hiếu khí sẽ oxy hóa hầu hết các hợp chất hữu cơ có trong nước thải. Sau khi kết thúc thời gian sục khí, ngừng quá trình sục khí và để lượng bùn có trong nước thải lắng xuống đáy bể. Một phần bùn này được bơm bùn tự động bơm về bể chứa bùn, phần nước trên bể SBR được thu về bể khử trùng.

Bể khử trùng: Nước thải được khử trùng triệt để bằng dung dịch NaOCl trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. NaOCl là chất oxy hóa mạnh sẽ oxy hóa màng tế bào vi sinh vật gây bệnh và giết chết chúng. Thời gian tiếp xúc để loại bỏ vi sinh khoảng 20 – 40 phút.

Nước thải sau xử lý sẽ đạt QCVN 40:2011/BTNMT (A) sẽ chảy về mương thoát nước phía sau công ty, sau đó sẽ chảy về suối Nước Trong.

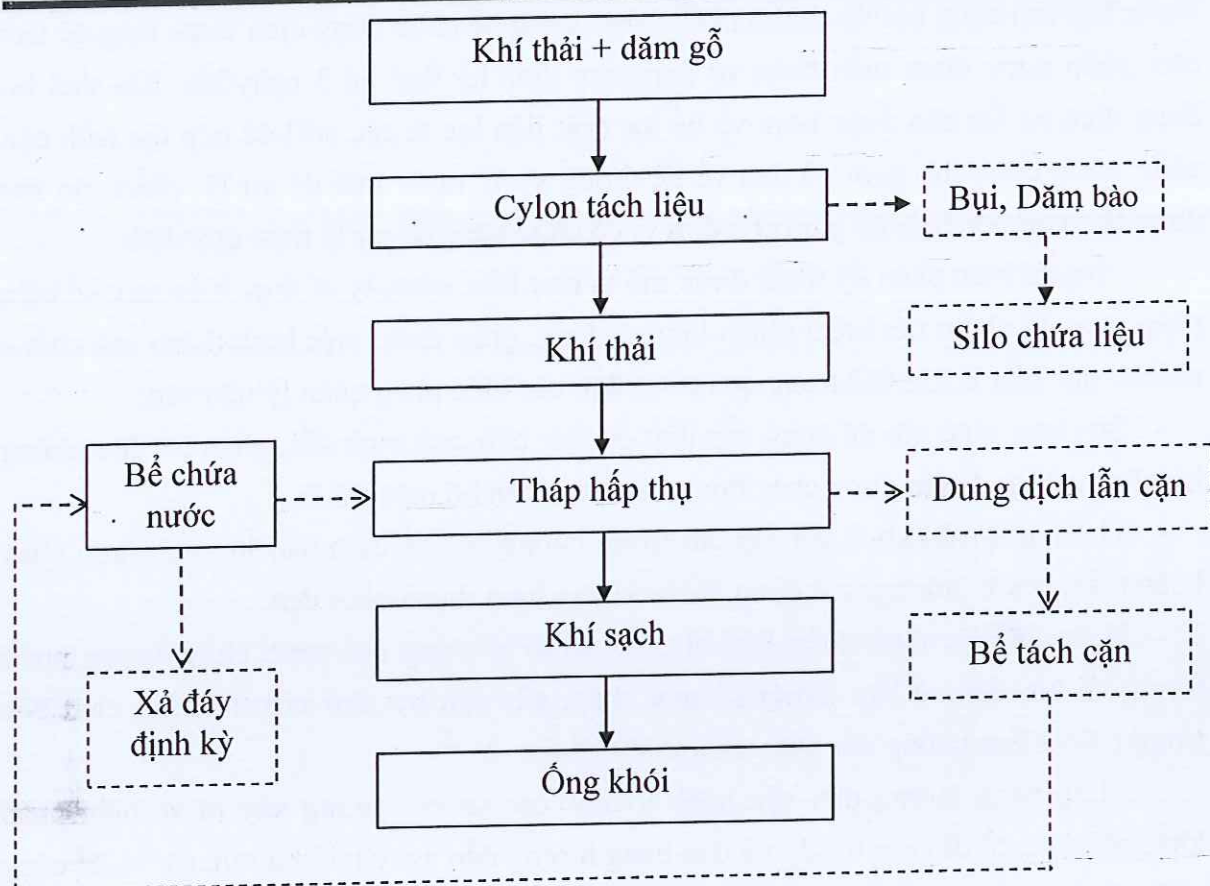
Bùn dư sau thời gian lưu thích hợp sẽ được Công ty thuê xe hút chuyên dùng (loại xe hút hầm cầu) hút bùn đưa đi xử lý theo đúng quy định.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Xử lý khí thải

❖ Xử lý khí thải lò sấy trực tiếp

Do đặc trưng của lò sấy trực tiếp là khí thải của lò sấy trộn lẫn chung với dăm bào có nhiệt độ giảm nhiều so với nhiệt độ đốt ban đầu (mất nhiệt do hơi nước trong dăm bào hấp thu và một phần hấp thu bởi dăm bào) nên để xử lý bụi trong khí thải, công ty sẽ thực hiện theo quy trình sau:



Hình 3.3. Quy trình xử lý khí thải lò sấy

Thuyết minh quy trình:

Dòng khí thải lẫn dăm bào có nhiệt độ thấp khoảng 50-60oC sẽ được quạt hút đưa vào vít tải liệu theo đường ống dẫn đến sẽ theo dòng khí hút dăm bào đi vào cyclon để tách liệu (dăm bào và bụi) ra khỏi dòng khí. Dòng khí đi vào cyclon theo phương tiếp tuyến với ống trụ và chuyển động xoáy tròn đi xuống phía dưới, khi gặp phễu dòng không khí bị đẩy ngược lên chuyển động xoáy trong ống và thoát ra ngoài. Trong quá trình chuyển động xoáy ốc lên và xuống trong các dăm bào và bụi dưới tác dụng của lực ly tâm va vào thành, mất động năng và rơi xuống dưới. Ở đáy Cyclon được lắp thêm van xả, quạt hút và ống dẫn để xả dăm bào và bụi, sau đó hút qua silo chứa liệu.

Phần khí có lẫn ít bụi thoát ra khỏi cyclon sẽ được dẫn qua hệ thống tháp hấp thụ. Toàn bộ dòng khói theo đường ống dẫn vào vào tháp hấp thụ bằng nước để xử lý triệt để bụi và NOx, SO2 trong dòng khói. Trong tháp hấp thụ gồm 1 dàn phun nước được lắp đặt phía trên tháp và bể chứa nước ở phía dưới. Dòng khí sẽ đi vào tháp hấp thụ theo phương từ dưới lên, nước được phun từ trên xuống tiếp xúc với dòng khí sẽ kéo theo tro bụi và các chất ô nhiễm trong dòng khí xuống máng nước phía dưới. Dòng khí sau khi qua khỏi màng nước sẽ giảm được 20% lượng SO2, NOx và 90% bụi, đạt quy chuẩn cho phép trước khi phát tán ra môi trường qua ống khói. Ngoài vai trò hấp thụ, dung dịch còn có vai trò giảm nhiệt độ của khí thải trước khi thải ra môi trường.

(Signature)

Nước hấp thụ chứa bụi và chất ô nhiễm rơi xuống bể chứa dung dịch được lắng để tách cặn; phần nước được tuần hoàn sử dụng lại; định kỳ thải bỏ 3 ngày/lần. Khi thải bỏ, dung dịch có lẫn cặn được bơm về bể lọc (vật liệu lọc là cát, sỏi) để tiếp tục tách cặn; phần nước được thu gom và đưa về hệ thống xử lý nước thải để xử lý; phần cặn khô được thu gom và định kỳ giao cho đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định.

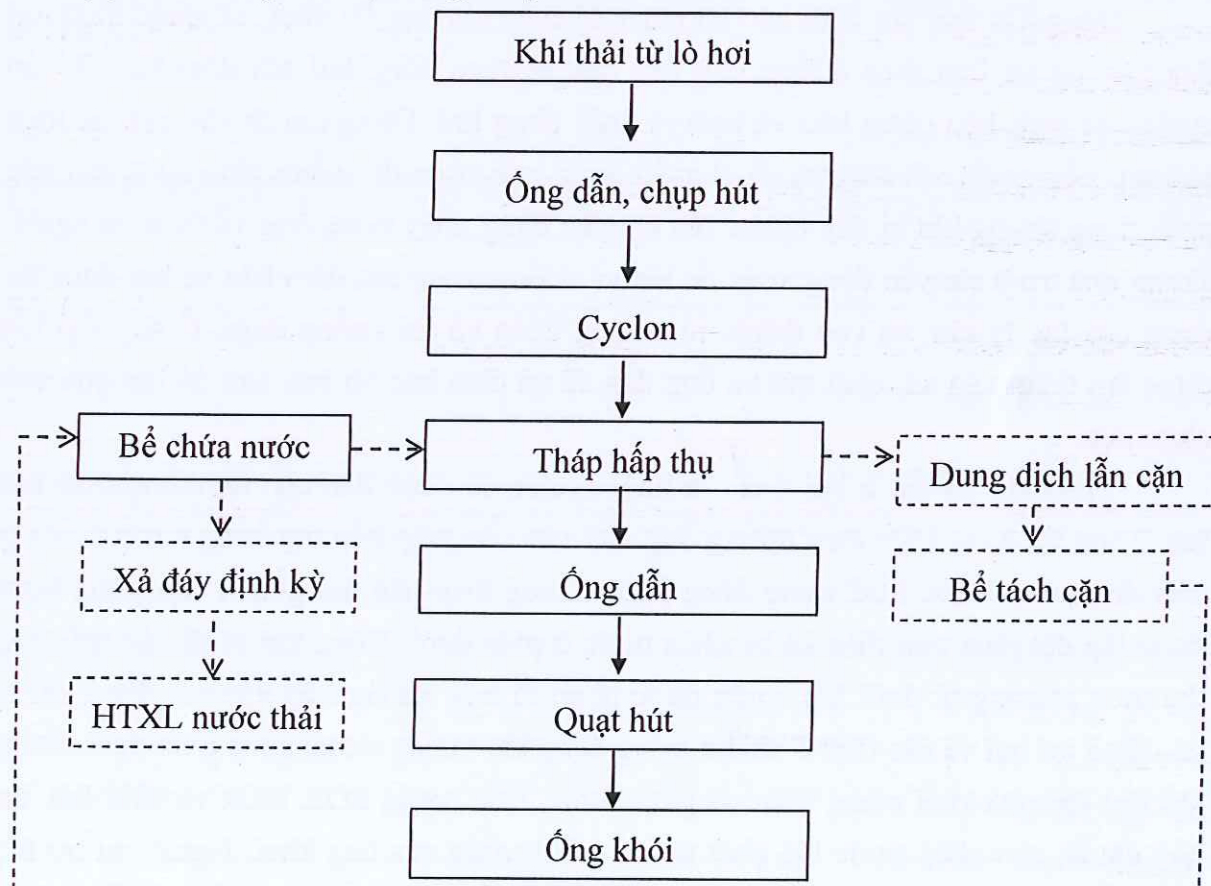
Ngoài biện pháp kỹ thuật được mô tả như trên, công ty sẽ thực hiện một số biện pháp quản lý nhằm tiết kiệm nhiên liệu sử dụng, giảm thiểu việc hình thành các chất ô nhiễm, đặc biệt là khí CO trong quá trình đốt, các biện pháp quản lý như sau:

- Sử dụng quạt gió để cung cấp đầy đủ oxy cho quá trình đốt, phân bố đều không khí dưới ghi lò để củi được cháy đồng đều trên toàn bộ mặt ghi lò.
- Thường xuyên khơi xới lớp củi trong buồng đốt để đảm bảo lớp củi được cháy hoàn toàn, tránh tình trạng ứ đọng, thiếu khí và hình thành khói đen.
- Hạn chế việc đưa nhiên liệu bị ướt vào lò vì trong quá trình cháy, lượng nước trong củi bay hơi sẽ làm nguội bề mặt cháy, gây cản trở cho việc bay hơi chất bốc trong củi và làm buồng đốt phát sinh nhiều khói.

Lập bảng hướng dẫn vận hành lò sấy, các sự cố thường xảy ra và biện pháp khắc phục sự cố đối với lò sấy và dán bảng hướng dẫn ngay tại khu vực đặt lò để công nhân dễ dàng đọc được khi vận hành lò.

❖ Xử lý khí thải của lò hơi đốt củi gổ:

Quy trình xử lý của hệ thống xử lý lò dầu như sau:



Hình 3.4. Quy trình xử lý khí thải lò hơi

Thuyết minh quy trình:

Khí thải, tro bụi sinh ra trong quá trình đốt cháy nhiên liệu cung cấp cho lò hơi được thu gom vào đường ống. Toàn bộ dòng khói theo đường ống dẫn vào vào thiết bị Cyclon để xử lý bụi và giảm một phần nhiệt độ trong khí thải trước khi đưa qua tháp hấp thụ.

Tiếp theo, khí thải được đưa qua tháp hấp thụ bằng nước để xử lý triệt để bụi và NOx, SO2 trong dòng khói. Trong tháp hấp thụ gồm 1 dàn phun nước được lắp đặt phía trên tháp và bể chứa dung dịch ở phía dưới. Dòng khí sẽ đi vào tháp hấp thụ theo phương từ dưới lên, nước được phun từ trên xuống tiếp xúc với dòng khí sẽ kéo theo tro bụi và các chất ô nhiễm trong dòng khí xuống máng nước phía dưới. Dòng khí sau khi qua khỏi màng nước sẽ giảm được 20% lượng SO2, NOx và 90% bụi, đạt quy chuẩn cho phép trước khi phát tán ra môi trường qua ống khói. Ngoài vai trò hấp thụ, dung dịch còn có vai trò giảm nhiệt độ của khí thải trước khi thải ra môi trường. Nước hấp thụ chứa bụi và chất ô nhiễm rơi xuống bể chứa dung dịch được lắng để tách cặn; phần nước tuần hoàn sử dụng lại; định kỳ thải bỏ 3 ngày/lần. Khi thải bỏ, nước có lẫn cặn được bơm về bể lọc (vật liệu lọc là cát, sỏi) để tiếp tục tách cặn; phần nước được thu gom và đưa về hệ thống xử lý nước thải để xử lý; phần cặn khô được thu gom và định kỳ giao cho đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định.

Xử lý bụi gỗ phát sinh từ quá trình sản xuất

Để giảm thiểu bụi gỗ phát sinh trong quá trình sản xuất, chủ cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp sau:

Đầu tư các máy móc, thiết bị có thiết kế kín như máy cắt lát, máy băm nghiền, máy sàng dầm bào, máy trộn dầm bào, máy làm nguội, máy trải dầm...và hệ thống vis tải liệu kín để hạn chế phát tán bụi.

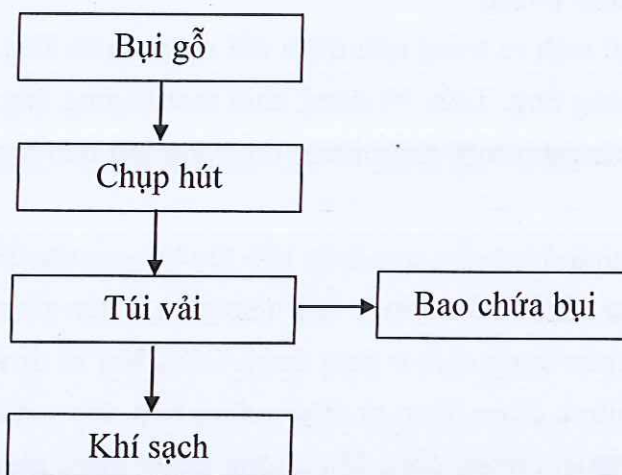
Tại cửa nạp liệu và xả liệu của máy sàng dầm bào, máy sấy được lắp đặt các tấm chắn, các vật bao bọc phễu để hạn chế bụi phát tán.

Lắp đặt các chụp hút để thu gom bụi tại cửa tiếp liệu máy băm nghiền dầm bào, máy trộn đưa về thiết bị túi vải di động xử lý. Thiết bị túi vải di động được bố trí ngay tại các máy phát sinh để thuận lợi cho quá trình thu gom.

Các máy cưa, chà nhám, máy băm nghiền dầm bào được lắp đặt các quạt hút và ống dẫn để đưa về hệ thống xử lý bụi (bunker)

❖ Nguyên lý hoạt động và cấu tạo của thiết bị lọc bụi túi vải di động

Thiết bị túi vải được sử dụng để thu gom ở các công đoạn sản xuất nhỏ như thu gom bụi tại các cửa tiếp liệu máy băm nghiền dầm bào, máy trộn. Quy trình xử lý bụi như sau:

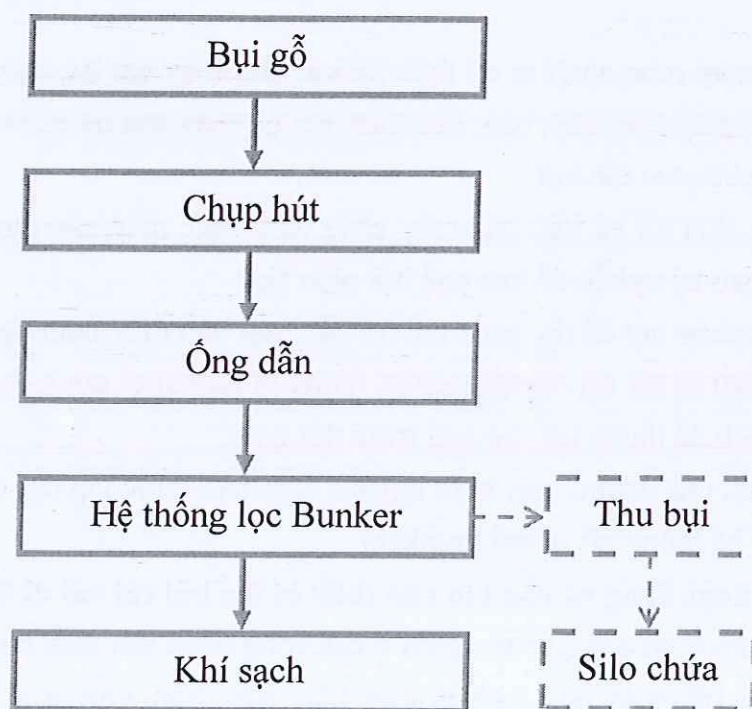


Hình 3.5. Quy trình xử lý của túi vải di động

Thuyết minh quy trình:

Bụi được thu gom ngay tại vị trí phát sinh thông qua chụp hút được dẫn vào túi vải. Túi vải có cấu tạo dạng màng vải polyeste để tách lọc bụi trong không khí bản, hiệu suất lọc bụi có thể đạt tới 98 – 99%. Khi không khí đi qua vải lọc, bụi sẽ được giữ lại và hình thành lớp bụi trên mặt vải. Túi vải sẽ được rũ bụi sau mỗi ngày sản xuất, bụi sẽ được chứa trong bao, lưu trữ và tái sử dụng làm nhiên liệu đốt cho nhà máy. Công ty đầu tư 2 thiết bị túi di động bố trí gần các máy băm nghiền, máy trộn để thuận tiện cho quá trình thu gom bụi tại cửa nạp liệu của các máy này.

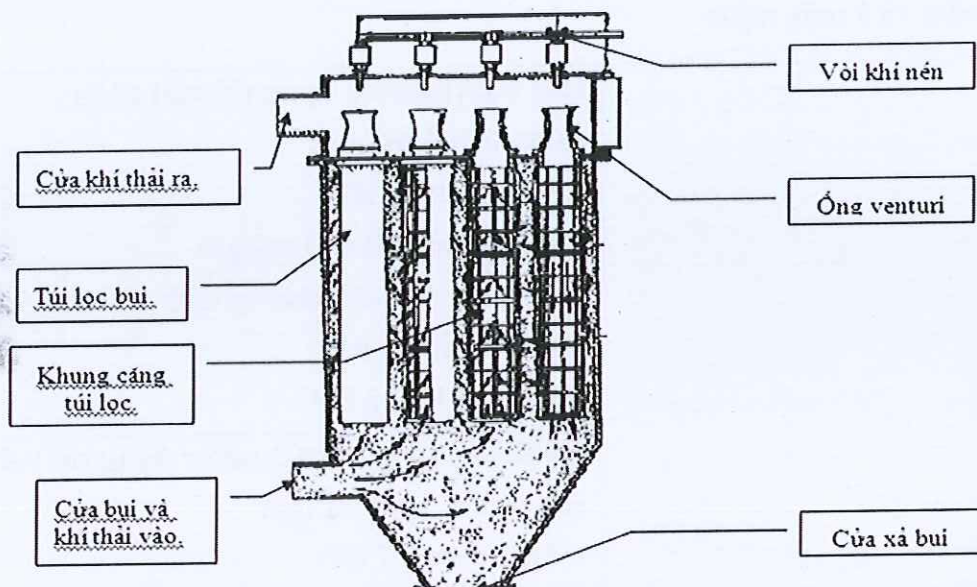
➤ **Hệ thống xử lý bụi (dạng bunker):**



Hình 3.6. Nguyên lý hoạt động của hệ thống xử lý bụi dạng bunker

❖ Mô tả vị trí đặt HTXL bụi và sự phù hợp của vị trí:

Hệ thống xử lý bụi được đặt bên ngoài nhà xưởng của dây chuyền ván dăm. Bụi phát sinh từ các khu vực bên trong nhà xưởng được chụp hút thu về các đường ống, từ các đường ống sẽ được dẫn về hệ thống xử lý bụi phía bên ngoài. Chủ dự án thiết kế khu vực đặt hệ thống xử lý sao cho: gần khu vực phát sinh bụi nhất, dễ dàng vệ sinh và thu hồi bụi từ hệ thống. Ngoài ra HTXL bụi cũng được bố trí cách xa các khu vực nhạy cảm như nhà văn phòng, khu vực làm việc của công nhân.



Hình 3.7. Cấu tạo của bunker

Thuyết minh quy trình

Bunker là hệ thống buồng thu bụi kín, phía trong được bố trí hệ thống túi lọc bằng khí nén, tùy vào kích thước của bunker mà số lượng túi lọc giao động khoảng 48-600 túi lọc/bunker. Không khí lẫn bụi được quạt hút vào qua mặt đáy hoặc mặt bên của vỏ lọc bụi và được phân bố đều đặn giữa các túi lọc. Bụi được tích tụ trên mặt ngoài của túi lọc trong không khí đi qua lớp vải lọc vào buồng khí sạch ở đỉnh vỏ trước khi thoát ra ngoài môi trường. Túi lọc được làm sạch bằng sự phun của không khí nén (6 bar) trong thời gian cực ngắn. Bụi thoát ra khỏi túi rơi trực tiếp xuống silô (bunker lọc) và được lấy ra ngoài bằng một thiết bị vận chuyển khóa khí là vít tải và van sao. Sự phun của không khí nén làm sạch lần lượt mỗi hàng túi và được tiến hành bởi một bộ điều khiển điện tử dựa trên sự giảm áp từ bên này tới bên kia túi lọc. Tất cả các thiết bị lọc bụi đều được thiết kế theo modul, do vậy việc lắp đặt bảo dưỡng đơn giản, giảm thiểu các chủng loại phụ tùng cho thay thế. Hiệu suất xử lý bụi đạt 98%. Công ty dự kiến đầu tư 4 hệ thống xử lý bụi (dạng bunker) với tổng công suất khoảng 93.000 m³/giờ, bố trí ở các khu vực máy băm, nghiền, chà nhám để thuận tiện cho quá trình thu gom và xử lý.

* Thông số các hạng mục như sau:

Bảng 3.2. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải

STT	Hệ thống	Thông số kỹ thuật	Số lượng (bộ)
01	Số lượng hệ thống tháp xử lý khí thải	Mỗi hệ thống có 1 tháp hấp thụ	2
02	Chụp hút (4 máy cưa tự động, 1 chà nhám 2 đầu, 1 chà nhám 4 đầu, 1 máy băm và 2 máy trộn)	Gắn liền với mỗi máy	9
03	Hệ thống xử lý bụi	Hút bụi (bunker dạng túi vải) công suất 40.000 m³/giờ: - Quạt hút: 20 HP - Công suất: 40.000 m³/giờ - Túi lọc: 400 cái (đường kính 100 mm, chiều dài 1,5 m) - Quạt rũ bụi: 2 HP	1
		Hệ thống xử lý bụi (Bunker dạng túi vải) công suất 3.000 m³/giờ - Quạt hút: 2,7 HP - Công suất: 3.000 m³/giờ - Túi lọc: 100 cái (đường kính 100 mm, chiều dài 1,5 m) - Quạt rũ bụi: 1 HP	1
		Hệ thống xử lý bụi (Bunker dạng túi vải) công suất 30.000 m³/giờ - Quạt hút: 30 HP - Công suất: 30.000 m³/giờ - Túi lọc: 100 cái (đường kính 100 mm, chiều dài 1,5 m) - Quạt rũ bụi: 1 HP	1

(Nguồn: Công ty TNHH PB Tín Phát, 2023)

2.2. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Rác thải sinh hoạt:

Nguồn phát sinh: từ hoạt động sinh hoạt của người lao động phục vụ tại dự án. Bao gồm: các loại rác thải phát sinh từ nhà ăn như: các loại bao bì, vỏ lon đựng nước giải khát, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,...

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt ước tính trên số lượng cán bộ, công nhân viên làm việc vào năm hoạt động ổn định của dự án với mức thải tính trung bình khoảng $0,65 \text{ kg/người/ngày} \times 70 \text{ người} = 45,5 \text{ kg/ngày}$ (Nguồn: Quyết định số 88/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Dương ngày 13/01/2014).

Biện pháp: CTR sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn hoạt động của cơ sở là 65 kg/ngày , với khối lượng riêng của CTR sinh hoạt khoảng 300 kg/m^3 , hệ số đầy của thùng $0,85$. Thì dung tích chất thải cần lưu chứa là:

$$\frac{65 \text{ kg}}{0,85 \times 300 \text{ kg/m}^3} = 0,25 \text{ m}^3 = 250 \text{ lít}$$

Chất thải rắn sinh hoạt

Rác sinh hoạt sẽ được công ty thu gom và chứa trong các thùng chứa rác. Khu vực văn phòng sẽ trang bị thùng chứa loại 20-50 lít, khu vực xưởng, khuôn viên và sẽ được trang bị thùng chứa loại 120 lít có nắp đậy kín. Toàn bộ lượng rác sinh hoạt sẽ được đưa về khu chứa rác sinh hoạt trong kho chứa rác tập trung của dự án. Lượng chất thải này sẽ được công ty hợp đồng với đội thu gom rác của địa phương để được vận chuyển đến khu tập trung rác của khu vực.

Chất thải rắn sản xuất

Chất thải rắn sản xuất của công ty không thuộc thành phần chất thải nguy hại gồm có bao bì nilon hỏng, giấy từ hoạt động văn phòng, tro thải từ lò đốt và bụi từ hệ thống xử lý. Phương án xử lý các loại chất thải này như sau:

Giấy vụn từ văn phòng sẽ được thu gom, lưu trữ khu chứa rác sản xuất thông thường của kho chứa rác tập trung và bán phế liệu khi khối lượng đủ lớn.

Đối với tro thải từ lò đốt cấp nhiệt, công ty sẽ đóng bao, trong khu chứa rác sản xuất thông thường và giao lại cho các đơn vị có nhu cầu sử dụng hoặc hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom và xử lý.

Bụi gỗ thu gom từ các hệ thống xử lý sẽ được lưu chứa trong bao, lưu trong khu chứa rác sản xuất thông thường. Một phần sẽ được tái sử dụng làm nguyên liệu đốt cho lò dầu, lò sấy của dự án. Phần dư sẽ được bán lại cho bên thu mua có nhu cầu.

Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại:

Bảng 3.3. Khối lượng chất thải công nghiệp không nguy hại phát sinh

STT	Tên chất thải	Đơn vị	Khối lượng phát sinh
1	Giấy vụn (các bao bì giấy, nhựa văn phòng phẩm)	kg/năm	60
2	Bụi gỗ từ quá trình thu gom ở các công đoạn sản xuất	kg/năm	918.528
3	Tro từ lò đốt cấp nhiệt cho lò dầu, lò sấy	kg/năm	28.080

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải (*)	kg/năm	564
	TỔNG	kg/năm	947.232

Ghi chú:

(*) Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải với khối lượng phát sinh khoảng 0,68 tấn/tháng, sau khi chứa trong bể chứa bùn thì bùn được chứa trong bể nén bùn để tách nước –giảm ẩm. Lượng bùn này không chứa các thành phần nguy hại nên trong thời gian hoạt động của dự án, chủ dự án cam kết định kỳ sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển đến bãi chôn lấp theo đúng quy định.

Khối lượng bùn thải được tính như sau:

Theo giáo trình tính toán thiết kế các công trình xử lý nước thải của TS Trịnh Xuân Lai (2009) ta có công thức tính :

$$G = Q \times (0,8SS + 0,3 \cdot BOD_5) \times 10^{-3} \text{ (kg/ngày)}$$

Trong đó:

Q : lưu lượng nước thải lớn nhất cần xử lý, Q= 20 (m³/ngày).

SS: hàm lượng cặn lơ lửng , SS= 92 (mg/l);

BOD₅ lượng ôxi cần thiết để oxi hóa hữu cơ, BOD₅= 68 (mg/l);

$$G = 20 \times \{ (0,8 \times 92) + (0,3 \times 68) \} \times 10^{-3} = 1,88 \text{ (kg/ngày)} = 564 \text{ kg/năm}$$

2.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Theo thống kê năm 2022, thành phần và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất như sau:

Bảng 3.4. Thành phần và khối lượng chất thải nguy hại

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại(rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Sơn và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại	Lỏng	72	08 01 01
2	Hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại	Rắn	6	08 02 04
3	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	12	19 06 01
4	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	15	16 01 06
5	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	29	17 02 03
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	174	18 01 03
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc	Rắn	63	18 02 01

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại(rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
	(bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại			
8	Vật thể dùng để mài đã qua sử dụng có thành phần nguy hại (đá mài, giấy nhám dính sơn...)	Rắn	98	07 03 10
Tổng khối lượng			469	

(Nguồn: Công ty TNHH PB Tín Phát, 2023)

Mã CTNH theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Chất thải nguy hại được thu gom, quản lý nghiêm ngặt và hợp đồng với đơn vị xử lý theo đúng quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Biện pháp quản lý, xử lý chất thải nguy hại phát sinh tại dự án như sau:

- Đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại với Sở Tài Nguyên và Môi Trường.
- Bố trí ô chứa chất thải nguy hại diện tích 20 m² trong kho chứa rác tập trung của dự án, thu gom toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh và đưa về ô chứa này để lưu trữ.
- Khu chứa chất thải nguy hại được thiết kế có mái che bằng tôn, nền xi măng chống thấm, có hàng rào hoặc tường bao xung quanh. Bên trong nhà kho được thiết kế có đường rãnh và hố thu để thu gom nước hoặc chất thải nguy hại bị tràn đổ khi có sự cố. Trong nhà kho chứa có dán các bảng phân khu vực chứa chất thải nguy hại như khu chứa “giẻ lau”, khu chứa “dầu nhớt thải”, khu chứa “bóng đèn huỳnh quang, pin”...
- Trang bị các thùng chứa riêng cho từng loại chất thải; dán nhãn, dấu hiệu nhận biết, dấu hiệu cảnh báo nguy hại trên từng loại thùng chứa chất thải.
- Hướng dẫn công nhân cách thức phân loại, lưu chứa đúng loại chất thải theo nhãn và dấu hiệu nhận biết dán trên các thùng chứa.
- Hợp đồng với đơn vị chức năng có chức năng để thu gom và mang đi xử lý chất thải nguy hại này theo quy định.

2.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Quá trình hoạt động của Cơ sở phát sinh nhiều tiếng ồn do hoạt động của máy móc thiết bị sản xuất. Để hạn chế ảnh hưởng của tiếng ồn tới môi trường và sức khỏe của công nhân trực tiếp sản xuất, chủ đầu tư sẽ áp dụng các biện pháp như sau:

- Thực hiện các biện pháp kỹ thuật và quản lý giảm thiểu tác động của tiếng ồn, bố trí thời gian lao động thích hợp tại các khâu gây ồn, lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su để giảm ồn, rung.
- Trong quá trình sản xuất thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra độ cân bằng của máy, độ mài mòn của các chi tiết, tra dầu mỡ và thay thế các chi tiết bị mài mòn
- Huấn luyện công nhân lưu ý trong thao tác quá trình làm việc hạn chế để các kim loại va chạm gây tiếng ồn.
- Áp dụng biện pháp bóc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý.
- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi chặt chẽ quá trình thực hiện.

2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

2.5.1. Sự cố của bể tự hoại

Thường xuyên kiểm tra các chỗ có khả năng rò rỉ khí như đường ống, van khí, chỗ nối,... Khu vực hầm cầu phải được vệ sinh, bơm hút thường xuyên để hạn chế khí sinh học tích tụ nhiều tạo môi trường nguy hiểm cháy, nổ.

Các khu vực phát sinh khí sinh học đều phải sử dụng các thiết bị điện phòng nổ phù hợp. Nghiêm cấm tuyệt đối bất kỳ nguồn lửa, nguồn nhiệt nào (cắm lửa, hút thuốc, sóng điện từ) ở khu vực bể tự hoại, ở những nơi có khí thoát ra ngoài do đường ống hở.

2.5.2. Sự cố của hệ thống xử lý khí thải

Để ngăn ngừa và giảm thiểu các tác động do các sự cố dẫn đến hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải không đạt, chủ cơ sở đang thực hiện các biện pháp sau:

- + Tuân thủ các yêu cầu thiết kế.
- + Nhân viên vận hành được tập huấn chương trình vận hành và bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải.
- + Tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành.
- + Thiết lập chương trình kiểm tra thích hợp cho hệ thống xử lý khí thải.
- + Thường xuyên kiểm tra, bảo trì và giám sát hoạt động của hệ thống, kiểm tra tình trạng hoạt động của các thiết bị trong hệ thống để kịp thời phát hiện hư hỏng của bộ phận và có phương án sửa chữa thay thế kịp thời, đảm bảo hệ thống luôn được vận hành liên tục xử lý chất thải hiệu quả.
- + Khi các sự cố xảy ra, nhân viên vận hành và bảo trì tại nhà máy sẽ nhanh chóng đánh giá mức độ hư hỏng. Nếu mức độ hư hỏng nhẹ thì các nhân viên sẽ nhanh chóng khắc phục để hệ thống được hoạt động bình thường, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất.

Nếu mức độ hư hỏng nặng thì nhân viên sẽ thông báo với ban giám đốc nhà máy để liên hệ với đơn vị chức năng đến sửa chữa và khắc phục sự cố

2.5.3. Sự cố của kho lưu giữ chất thải rắn

Cơ sở giao cho người chịu trách nhiệm thu gom chất thải phải thống kê lượng chất thải phát sinh hàng ngày.

Trong trường hợp kho chứa bị quá tải cơ sở sẽ tăng tần suất thu gom vận chuyển chất thải.

Đối với sự cố thùng chứa chất thải lỏng bị rò rỉ, tràn đổ: cần sử dụng các biện pháp như dùng cát khô, bột, các dụng cụ bao gói phù hợp để ngăn cản sự phát tán của chất thải ở khu vực đó rồi thông báo ngay cho cơ quan chức năng xử lý.

Người phụ trách thu gom chất thải phải được đào tạo để phân loại đúng chất thải không để xảy ra sai sót trong quá trình phân loại và phải được đào tạo biết kiểm tra an toàn kho chứa chất thải, dự báo được trước sự cố để có biện pháp phòng ngừa kịp thời.

Cơ sở thuê đơn vị có đầy đủ chức năng để vận chuyển chất thải xử lý theo đúng quy định, giám sát nhà thầu thực hiện các biện pháp an toàn trong vận chuyển và yêu cầu nhà thầu trang bị các biện pháp ứng phó phòng trường hợp xảy ra các sự cố.

2.5.4. Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước:

- + Đường ống cấp, thoát nước phải có đường cách ly an toàn.
- + Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.
- + Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.
- **Đối với hệ thống xử lý nước thải:**

Chủ dự án có kế hoạch 6 tháng/1 lần sẽ duy tu, bảo dưỡng tổng thể HTXL nước thải; Đối với sự cố: Các trường hợp sự cố có thể xảy ra tại hệ thống xử lý nước thải và biện pháp phòng chống sự cố tương ứng:

+ Hệ thống xử lý nước thải quá tải, không xử lý hết lượng nước thải phát sinh. Máy bơm nước thải hỏng hóc, không hoạt động được.

• Chủ dự án đã tính toán và thiết kế công suất hệ thống xử lý nước thải ứng với trường hợp lưu lượng nước thải cao nhất.

• Bố trí máy bơm dự phòng công suất tương đương để thay thế bơm xử lý nước thải khi có sự cố.

+ Phòng chống lưu lượng nước thải tăng lên do mưa lớn: khu vực xử lý nước thải phải có đường thoát nước mưa riêng, không để nước mưa xả vào hệ thống xử lý nước thải.

+ Thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc xử lý, tình trạng hoạt động của các bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời.

+ Các máy móc, thiết bị đều có dự phòng để phòng trường hợp hư hỏng cần sửa chữa.

+ Những người vận hành hệ thống xử lý nước thải phải được đào tạo các kiến thức về:

- Hướng dẫn lý thuyết vận hành hệ thống xử lý nước thải.
- Hướng dẫn bảo trì bảo dưỡng thiết bị: cách xử lý các sự cố đơn giản và bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.

• Hướng dẫn an toàn vận hành hệ thống xử lý: trong giai đoạn này, những người tham dự khóa huấn luyện sẽ được đào tạo các kiến thức về an toàn khi vận hành hệ thống xử lý nước thải. Đây là một trong những bài học quan trọng không thể thiếu đối với người trực tiếp vận hành hệ thống xử lý nước thải.

• Hướng dẫn thực hành vận hành hệ thống: thực hành các thao tác vận hành hệ thống xử lý nước thải và thực hành xử lý các tình huống sự cố.

Yêu cầu đối với cán bộ vận hành trong trường hợp sự cố thường gặp:

• Phải lập tức báo cáo cấp trên khi có các sự cố xảy ra và tiến hành giải quyết các sự cố. Nếu sự cố không tự khắc phục được tại chỗ thì tìm cách báo cáo cho cấp trên để nhận sự chỉ đạo trực tiếp.

• Nếu đã thực hiện theo chỉ đạo của cấp trên mà chưa thể khắc phục sự cố thì được phép xử lý theo hướng ưu tiên: 1- Bảo đảm an toàn về con người; 2- An toàn tài sản; 3- An toàn công việc.

2.5.5. Sự cố cháy nổ

Sự cố cháy nổ có thể xảy ra trong các trường hợp:

- Vận chuyển và tồn chứa nhiên liệu, dự trữ các loại nguyên nhiên liệu không đúng quy định.
- Vứt bừa tàn thuốc hay những nguồn lửa khác vào khu vực chứa nhiên liệu dễ cháy.
- Sự cố về các thiết bị điện.
- Sự cố sét đánh có thể dẫn đến cháy nổ.
- Công đoạn hàn.

Có thể xác định các nơi có thể gây ra sự cố cháy nổ như sau:

- Khu vực chứa nhiên liệu chạy máy và bảo trì máy móc.
- Khu vực kho chứa nguyên liệu gỗ, hóa chất.
- Khu vực kho chứa thành phẩm.
- Khu chứa các vật liệu điện, các thiết bị có sử dụng điện.
- Khu vực hàn.

Để phòng tránh sự cố cháy nổ, Cơ sở sẽ tiến hành thực hiện một số biện pháp sau:

Nhà xưởng sẽ được thiết kế hệ thống PCCC về mặt kiến trúc công trình xây dựng và các hạng mục kỹ thuật cấp nước chữa cháy, chống sét theo đúng yêu cầu và quy định của các cơ quan quản lý chức năng.

Đường nội bộ đảm bảo phương tiện cứu hỏa đến được tất cả các vị trí nhỏ nhất trong từng khu vực của nhà xưởng, đảm bảo tia nước phun từ vòi rồng của xe cứu hỏa có thể không chế được lửa phát sinh ở bất kỳ vị trí nào trong các kho, xưởng. Kho cũng được bố trí cửa thông gió và tường cách ly để tránh tình trạng cháy lan theo tường hoặc theo mái.

Trong khu sản xuất, kho chứa được lắp đặt hệ thống báo cháy. Các phương tiện phòng chống cháy luôn được kiểm tra thường xuyên và luôn trong tình trạng sẵn sàng.

Hệ thống cấp nước chữa cháy luôn được đảm bảo, hệ thống máy bơm chữa cháy sẽ lắp đặt đúng theo thiết kế kỹ thuật được duyệt. Trang bị thêm dụng cụ chữa cháy xách tay để chủ động ứng cứu sự cố.

Đối với các loại nhiên liệu dễ cháy phải được bảo quản nơi thoáng mát, có khoảng cách ly hợp lý để ngăn chặn sự cháy tràn lan khi có sự cố. Định kỳ kiểm tra các dụng cụ chứa, lượng lưu trữ phải có giới hạn. Sắp xếp bố trí các máy móc thiết bị đảm bảo trật tự, gọn và khoảng cách an toàn.

2.5.6. Tai nạn lao động

Một số nguyên nhân gây tai nạn lao động như:

- Tai nạn lao động do bất cẩn trong quá trình vận chuyển, lưu trữ và sử dụng hóa chất, nhiên liệu và máy móc, thiết bị.
- Sự cố bất cẩn do bốc xếp nguyên vật liệu, sản phẩm dễ hàng hóa rơi vào người; quá trình sản xuất trong khu vực nhiệt độ cao dễ dẫn tới tình trạng mất nước của công nhân khi làm việc trực tiếp. Do đó, dễ dẫn tới tai nạn đặc biệt là đối với công nhân có thể trạng yếu dẫn đến sự cố choáng ngất trong quá trình làm việc.
- Khả năng xảy ra tai nạn lao động có thể do công nhân không tuân thủ nghiêm ngặt những quy định khi vận hành máy móc, thiết bị trong dây chuyền sản xuất; do sự bất cẩn về điện dẫn đến sự cố điện giật; không thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp.

Xác suất xảy ra các sự cố này tùy thuộc vào việc chấp hành nội quy và quy tắc an toàn lao động của người công nhân. Mức độ tác động có thể gây ra thương tật hay thiệt mạng của người lao động.

Vì vậy, để đảm bảo thực hiện tốt nhất về an toàn lao động, Cơ sở áp dụng những biện pháp sau:

- Đối với các máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, được kiểm tra bảo trì thường xuyên nhằm đảm bảo mức độ an toàn cao khi vận hành.
- Có chương trình kiểm tra sức khỏe định kỳ cho người công nhân.
- Cung cấp thiết bị bảo hộ lao động: mũ, găng tay, khẩu trang... Ở những khu vực cần thiết cần trang bị thêm quạt thông gió để làm thoáng mát cục bộ. Các điều kiện về ánh sáng, tốc độ gió và tiếng ồn cần được tuân thủ chặt chẽ.

- Những công nhân lao động trực tiếp tại khu vực có nhiều bụi được trang bị khẩu trang đặc biệt nhằm tránh các tác hại tiêu cực cho sức khỏe.
- Các dụng cụ và thiết bị cũng như những địa chỉ cần thiết liên hệ khi xảy ra sự cố cần được trang bị và cập nhật như tủ thuốc, điện thoại cấp cứu, cứu hỏa.
- Đào tạo định kỳ về an toàn lao động.
- Đảm bảo các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động không ảnh hưởng đến sức khỏe người công nhân.

3. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Không có

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1. Nguồn phát sinh nước thải

Nước thải phát sinh tại cơ sở là nước thải sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại cơ sở và nước thải sản xuất tại nhà xưởng.

Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt của nhân viên tại khu vực nhà vệ sinh trong văn phòng

Nguồn số 02: nước thải sinh hoạt của công nhân viên tại khu vực nhà vệ sinh bên ngoài nhà xưởng.

Nguồn số 03: nước thải sản xuất sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

1.2. Lưu lượng xả thải

Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt của nhân viên văn phòng (10 người) là $0,8 \text{ m}^3$

Nguồn số 02: nước thải sinh hoạt của công nhân tại khu vực nhà vệ sinh bên ngoài nhà xưởng (60 người) là $4,8 \text{ m}^3$

Nguồn số 03: nước thải sản xuất sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi là $1,98 \text{ m}^3$

1.3. Dòng nước thải

Chủ dự án đề nghị cấp phép 1 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải của cơ sở. HTXL nước thải công suất $20 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Dòng nước thải của dự án được đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải như sau:

Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A
1	pH	-	6 – 9
2	BOD ₅	mg/L	30
3	TSS	mg/L	50
4	COD	mg/L	75
5	Nitơ tổng	mg/L	20
6	Photpho tổng	mg/L	4
7	Coliform	MPN/100mL	3.000

1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận

- Vị trí xả thải: Tọa độ vị trí xả nước thải (tọa độ VN 2000; kinh tuyến trực

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

105 °45', múi chiều 3°): X= 1251188.704, Y=607784.197.

- Phương thức xả thải: Bơm xả liên tục bằng đường ống PVC D300

- Nguồn tiếp nhận: Nước thải sau khi xử lý đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT sẽ chảy ra mương nước phía sau công ty, rồi đổ ra suối Nước Trong.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

2.1. Nguồn phát sinh, lưu lượng xả khí thải

Bảng 4.2. Nguồn phát sinh khí thải và lưu lượng xả thải

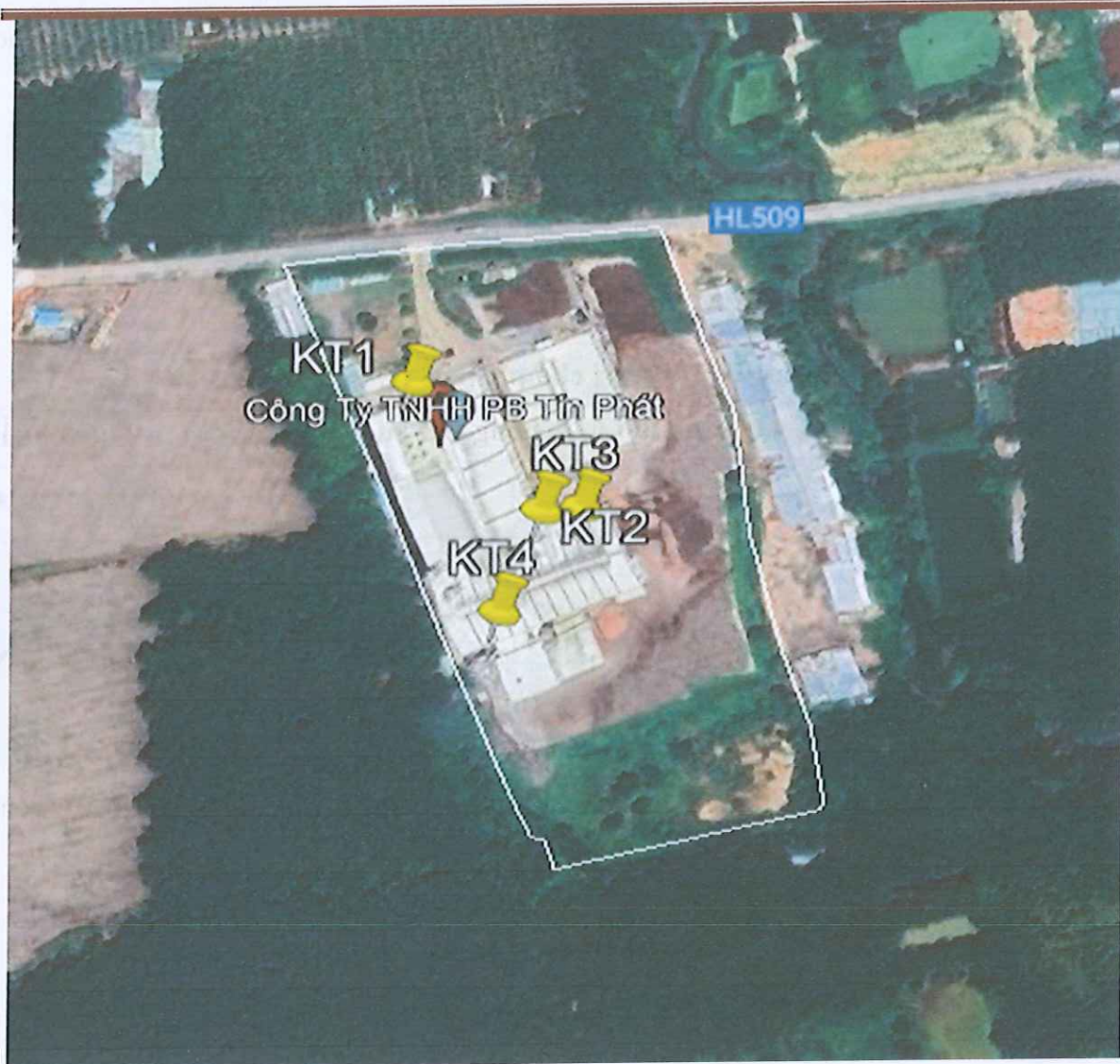
STT	Nguồn phát sinh	Dòng khí thải	Tọa độ nguồn thải		Lưu lượng xả thải
			X	Y	
1	Khí thải từ công đoạn cưa, cắt	Nguồn thải số 01	1251454.175	607686.859	3.000m ³ /h
2	Khí thải từ công đoạn chà nhám	Nguồn thải số 02	1251380.745	607780.817	30.000m ³ /h
3	Khí thải từ HTXL lò hơi	Nguồn thải số 03	1251379.443	607759.289	30.000m ³ /h
4	Khí thải từ HTXL lò sấy	Nguồn thải số 04	1251321.302	607740.077	30.000m ³ /h

2.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải được áp dụng theo QCVN 19:2009/BTNMT (Kp= 0,9; Kv= 1,0) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ đối với các thông số ô nhiễm

và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT
1	Lưu lượng	mg/Nm ³	-
2	Bụi	mg/Nm ³	200



Hình 4.1. Vị trí xả khí thải

2.3. Phương thức xả thải và vị trí xả thải

Bảng 4.4. Phương thức xả thải và vị trí xả thải

TT	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Tọa độ dòng thải		Phương thức xả khí thải
			X	Y	
1	Dòng khí thải 01	Ống thải sau HTXL khí thải 01	1251454.175	607686.859	Xả liên tục
2	Dòng khí thải 02	Ống thải sau HTXL khí thải 02	1251380.745	607780.817	Xả liên tục
3	Dòng khí thải 03	Ống thải sau HTXL khí thải 03	1251379.443	607759.289	Xả liên tục
4	Dòng khí thải 04	Ống thải sau HTXL khí thải 04	1251321.302	607740.077	Xả liên tục

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn

3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn

Tiếng ồn thường phát sinh từ hoạt động của các máy móc thiết bị, do va chạm hoặc chấn động, chuyển động qua lại, do sự ma sát của các thiết bị

- Nguồn số 01: Tiếng ồn từ động cơ của HTXL khí thải 01
- Nguồn số 02: Tiếng ồn từ động cơ của HTXL khí thải 02
- Nguồn số 03: Tiếng ồn từ động cơ của HTXL khí thải 03
- Nguồn số 04: Tiếng ồn từ động cơ của HTXL khí thải 04

3.2. Giá trị giới đối với tiếng ồn, độ rung:

Bảng 4.5. Giá trị cho phép về tiếng ồn phát sinh

Thông số	Khu vực sản xuất	Không khí xung quanh	Quy chuẩn
Tiếng ồn (dBA)	85	-	QCVN 24:2016/BYT
	-	55 (từ 21 giờ đến 6 giờ) 70 (từ 6 giờ đến 21 giờ)	QCVN 26:2010/BTNMT

Ghi chú:

QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc

QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

Bảng 4.6. Giá trị giới hạn cho phép về độ rung

Thông số	Khu vực thông thường	Quy chuẩn
Độ rung (dB)	60 (từ 21 giờ đến 6 giờ) 70 (từ 6 giờ đến 21 giờ)	QCVN 27:2010/BTNMT

Ghi chú:

QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Cơ sở không thực hiện quan trắc nước thải định kỳ

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

Cơ sở không thực hiện quan trắc bụi, khí thải định kỳ

3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo

Cơ sở không thực hiện quan trắc định kỳ do vậy để đánh giá được chất lượng môi trường nơi thực hiện cơ sở, Chủ cơ sở kết hợp với đơn vị phân tích thực hiện đo đạc lấy mẫu phân tích chất lượng khí thải sau hệ thống xử lý như sau:

Bảng 5.1. Vị trí lấy mẫu của cơ sở

STT	Ký hiệu Mẫu	Mô tả vị trí lấy mẫu	Thời gian lấy mẫu	Điều kiện lấy mẫu
Khí thải sau hệ thống xử lý bụi gỗ				
1	KT1	Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò sấy	- Ngày 29/03/2022 - Ngày 12/09/2022 - Ngày 22/11/2022	Trời nắng, gió nhẹ, công ty hoạt động bình thường
2	KT2	Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò dầu	- Ngày 29/03/2022 - Ngày 12/09/2022 - Ngày 22/11/2022	
Mẫu chất lượng nước thải				
3	NT	Nước thải sau hệ thống xử lý	- Ngày 29/03/2022 - Ngày 12/09/2022 - Ngày 22/11/2022	Trời nắng, gió nhẹ

(Nguồn: Công ty TNHH PB Tín Phát, 2023)

❖ Thời gian, điều kiện lấy mẫu

Thời gian lấy mẫu:

Thời gian lấy mẫu đợt 1: Ngày 29/03/2022. Điều kiện lấy mẫu: trời nắng, công ty hoạt động bình thường.

Thời gian lấy mẫu đợt 2: Ngày 12/09/2022. Điều kiện lấy mẫu: trời nắng, công ty hoạt động bình thường.

Thời gian lấy mẫu đợt 3: Ngày 22/11/2022. Điều kiện lấy mẫu: trời nắng, công ty hoạt động bình thường:

⚡ **Kết quả quan trắc chất lượng khí thải**

(Chữ ký)

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Bảng 5. 2. Kết quả chất lượng khí thải

ST T	Ký hiệu mẫu	Vị trí	Chỉ tiêu		
			CO (mg/Nm ³)	NO _x (mg/Nm ³)	SO ₂ (mg/Nm ³)
Ngày 29/03/2022					
1	KT1	Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò sấy	127	51,8	17,3
	KT2	Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò dầu	152	112	64,8
Ngày 12/09/2022					
2	KT1	Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò sấy	96,9	71,4	13,1
	KT2	Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò dầu	144	126	62,8
Ngày 22/11/2022					
3	KT1	Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò sấy	74,1	60,2	5,24
	KT2	Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò dầu	160	179	26,2
QCVN 19:2009/BTNMT			1.000	850	500

(Nguồn: Trung tâm nghiên cứu và tư vấn môi trường - REC)

Ghi chú:

QCVN 19:2009/BTNMT Cột B: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Nhận xét:

Dựa vào kết quả quan trắc cho thấy các chỉ tiêu phân tích khí thải tại các vị trí quan trắc đều thấp hơn Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/ BTNMT, Cột B.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

↓ Kết quả quan trắc chất lượng nước thải

Bảng 5.3. Chất lượng nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 40:2011/BT NMT, cột A
			Ngày 29/03/2022	Ngày 12/09/2022	Ngày 22/11/2022	
1	pH	--	7,21	6,84	6,94	6-9
2	TSS	mg/L	28	38	31	50
3	BOD ₅	mg/L	18	24	22	30
4	COD	mg/L	62	61	57	75
5	Tổng N	mg/L	11,4	10,9	5,27	20
6	Tổng P	mg/L	1,08	1,04	0,95	4
7	Coliforms	MPN/ 100mL	2.100	-	-	3.000

Nhận xét: Kết quả phân tích chất lượng nước thải cho thấy, nước thải của cơ sở sau khi xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi thoát ra môi trường.

Ghi chú: QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Bảng 6.1. Danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải

STT	Tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được so với hoạt động chính thức
1	Nước thải sinh hoạt	Xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại và sau đó dẫn nước thải về HTXL nước thải	Sau khi xây dựng, hoàn thành lắp đặt các công trình bảo vệ môi trường của dự án	Sau 90 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm	30%
2	Nước mưa	Bố trí hệ thống thoát nước mưa	Sau khi xây dựng, hoàn thành lắp đặt các công trình bảo vệ môi trường của dự án	Sau 90 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm	30%
3	Chất thải nguy hại	Bố trí khu vực nhà chứa chất thải, trang bị đầy đủ dụng cụ lưu trữ chất thải. Lập sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH, hợp đồng thu gom xử lý CTR, CTNH.	Sau khi xây dựng, hoàn thành lắp đặt các công trình bảo vệ môi trường của dự án	Sau 90 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm	30%
4	Chất thải thông thường	Bố trí khu vực thu gom, lưu trữ tại khu vực nhà chứa sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.	Sau khi xây dựng, hoàn thành lắp đặt các công trình bảo vệ	Sau 90 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm	30%

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

			môi trường của dự án		
5	Chất thải sinh hoạt	Trang bị thùng nhựa chứa chất thải, xây dựng khu vực lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt	Sau khi xây dựng, hoàn thành lắp đặt các công trình bảo vệ môi trường của dự án	Sau 90 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm	30%
6	Bụi, khí thải	Hệ thống xử lý khí thải lò hơi. Hệ thống xử lý khí thải lò sấy Hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn cura, cắt Hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn chà nhám	Sau khi xây dựng, hoàn thành lắp đặt các công trình bảo vệ môi trường của dự án	Sau 90 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm	30%

2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

❖ Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp

➤ Giám sát không khí

- Vị trí: 02 điểm ở đầu và cuối cơ sở.
- Chỉ tiêu: độ ồn, nhiệt độ, bụi, CO, NO₂, SO₂.
- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần

➤ Giám sát chất lượng khí thải tại nguồn

Vị trí: 1 điểm tại HTXL khí thải tại công đoạn cura, cắt; 1 điểm tại HTXL khí thải tại công đoạn chà nhám; 1 điểm tại HTXL khí thải lò hơi và 1 điểm tại HTXL khí thải lò sấy.

Chỉ tiêu: lưu lượng, bụi

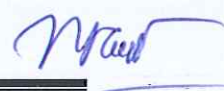
Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT.

Tần suất giám sát: 06 tháng/lần

➤ Giám sát nước thải

Vị trí: 01 điểm sau hệ thống xử lý nước thải

Chỉ tiêu: pH, TSS, BOD₅, COD, tổng N, tổng P, Coliform



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, cột A

Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

➤ **Chất thải rắn và chất thải nguy hại**

Cơ sở sẽ giám sát khối lượng và thành phần các loại chất thải rắn và thực hiện các biện pháp thu gom, phân loại tại nguồn theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

2. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Bảng 6.2. Kinh phí giám sát môi trường giai đoạn hoạt động

STT	Chương trình giám sát	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Tần suất (lần/năm)	Thành tiền (VNĐ/năm)
1	Khí thải	4	1.800.000	2	14.400.000
2	Nước thải	1	2.000.000	2	4.000.000
3	Không khí	2	1.500.000	2	3.000.000
4	Chất thải rắn và chất thải nguy hại	1	1.500.000	2	3.000.000
5	Thuê người, phương tiện và thiết bị đo mẫu	1	1.000.000	2	2.000.000
6	Viết báo cáo công tác bảo vệ môi trường	1	3.000.000	1	3.000.000
7	In ấn và nộp báo cáo	2	200.000	1	400.000
Tổng cộng					29.800.000

(Nguồn: Công ty TNHH PB Tín Phát, 2023)

CHƯƠNG VII. CAM KẾT CỦA CƠ SỞ

Cơ sở cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính xác thực của các hồ sơ cung cấp sử dụng trong báo cáo.

Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo nội dung quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

Cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường theo giấy phép môi trường đã đăng ký và thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Báo cáo kết quả hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường và thực hiện quan trắc chất thải định kỳ với tần suất 6 tháng/lần (được tích hợp trong báo cáo các công tác bảo vệ môi trường định kỳ), bảo đảm nước thải, khí thải phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải, cụ thể:

Đối với chất thải rắn: cơ sở sẽ Thu gom, lưu giữ, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý các loại chất thải rắn phát sinh trong quá trình thực hiện đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Đối với chất thải nguy hại: thực hiện theo đúng Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Đối với khí thải: xử lý đạt QCVN 05:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 19:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 26:2016/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc, QCVN 03:2019/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc, QCVN 02:2019/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc

Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống, khắc phục các sự cố do cháy nổ, các rủi ro và các sự cố môi trường khác

Báo cáo với Ủy ban nhân dân huyện Phú Giáo khi có những thay đổi, điều chỉnh nội dung giấy phép môi trường và chỉ được thực hiện khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Cam kết xây dựng đầy đủ các nội dung đã đăng ký trong giấy phép môi trường. Đồng thời trong quá trình xây dựng các hạng mục công trình sẽ báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương để kiểm tra, giám sát.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

Như

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3702422551

Đăng ký lần đầu: ngày 11 tháng 12 năm 2015

Đăng ký thay đổi lần thứ: 6, ngày 16 tháng 01 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PB TÍN PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TIN PHAT PB COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TIN PHAT PB CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 53, Đường ĐH 509, Tổ 4, Ấp 3, Xã Tân Hiệp, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274. 3688939

Fax: 0274.3688979

Email: pbtinphat@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ : 60.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	ĐOÀN VĂN TÌNH	Việt Nam	Số 18A/88, Khu phố 3, Phường Hồ Nai, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	19.200.000.000	32,000	035070008693	

[Signature]

2	NGUYỄN QUỐC HÙNG	Việt Nam	110/1, Khu phố 2, Phường Tân Hòa, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	15.000.000.000	25,000	075068010458	
3	NGUYỄN VĂN HIỆP	Việt Nam	95/13, Hưng Đạo Vương, Khu phố 1, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	15.000.000.000	25,000	075072008624	
4	VÕ MINH ĐIỆP	Việt Nam	Tổ 1, Khu phố 3, Phường Uyên Hưng, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	6.000.000.000	10,000	051082018044	
5	ĐOÀN VĂN TỊNH	Việt Nam	Số 29/36 khu phố 5, Phường Hồ Nai, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	4.800.000.000	8,000	271860871	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN HIỆP

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 07/07/1972

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 075072008624

Ngày cấp: 18/08/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 95/13, Hưng Đạo Vương, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 95/13, Hưng Đạo Vương, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Lâm Ngọc Thịnh

Số: 172/QĐ-STNMT

Bình Dương, ngày 27 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường

Dự án “Nhà máy sản xuất ván ép, công suất 500.000 m²/năm; sản xuất ván dăm gỗ, công suất 1.000.000 m²/năm” tại ấp 3, xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH MDF Tín Phát

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

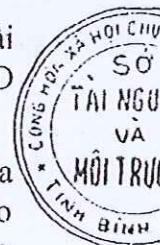
Căn cứ Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương tại Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản; kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường và hoàn thành phương án cải tạo phục hồi môi trường đối với các dự án nằm ngoài khu công nghiệp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Nhà máy sản xuất ván ép, công suất 500.000 m²/năm; sản xuất ván dăm gỗ công suất 1.000.000 m²/năm” của Công ty TNHH MDF Tín Phát họp ngày 16 tháng 12 năm 2016 tại hội trường Chi cục Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất ván ép, công suất 500.000 m²/năm; sản xuất ván dăm gỗ công suất 1.000.000 m²/năm” tại ấp 3, xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản số 01/CVCS ngày 29 tháng 01 năm 2017 của Công ty TNHH MDF Tín Phát;



[Handwritten signature]

Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại tờ trình số: 59 /TTr-CCBVMT ngày 21 tháng 02 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất ván ép, công suất 500.000 m²/năm; sản xuất ván dăm gỗ công suất 1.000.000 m²/năm” tại ấp 3, xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH MDF Tín Phát với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

1.1 Vị trí thực hiện: ấp 3, xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

1.2 Ngành nghề hoạt động: sản xuất ván ép, sản xuất ván dăm gỗ.

1.3 Quy mô: sản xuất ván ép, công suất 500.000 m²/năm; sản xuất ván dăm gỗ, công suất 1.000.000 m²/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1 Các yêu cầu về xử lý chất thải:

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa, nước thải riêng biệt; nước thải phải được thu gom, xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, K_q = 0,9; K_f = 1,2) trước khi thải ra môi trường;

- Khí thải phải được xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (QCVN 20:2009/BTNMT) trước khi thải ra môi trường;

- Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT) và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT);

- Các chất thải rắn phải được thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

- Chất thải nguy hại phải được quản lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

2.2 Các yêu cầu về phòng chống và khắc phục sự cố:

Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố do cháy, nổ, các rủi ro và sự cố môi trường khác.

2.3 Các yêu cầu về chế độ kiểm tra, giám sát nguồn thải:

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường theo đúng quy định tại Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2016 về bảo vệ môi trường

cum công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ.

- Lắp đặt thiết bị quan trắc lưu lượng nước thải theo quy định tại Điều 71 và xây dựng điểm quan trắc nguồn nước thải đúng yêu cầu kỹ thuật tại Điều 72 của Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án trên cơ sở báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt gửi cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức.

4. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 4. Ủy nhiệm Chi cục Bảo vệ môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Công Thương;
- UBND huyện Phú Giáo;
- Công ty TNHH MDF Tín Phát;
- Lưu: VT, CCBVMT, Nhieen8.



GIÁM ĐỐC

Phạm Danh

(Handwritten signature)

The first part of the paper discusses the importance of the study and the objectives of the research. It also outlines the methodology used in the study and the results obtained. The second part of the paper discusses the implications of the study and the conclusions drawn from the research. It also outlines the limitations of the study and the areas for further research.

The study was conducted in a laboratory setting and the results were compared with those obtained from field studies. The study found that the results of the laboratory studies were in good agreement with those obtained from field studies. This suggests that the laboratory studies are a valid method for studying the effects of the treatment on the response.

The study also found that the treatment had a significant effect on the response. This suggests that the treatment is effective in improving the response. The study also found that the treatment had no effect on the response in the control group. This suggests that the treatment is specific to the response.

The study was limited by the small sample size and the lack of a control group. Future studies should include a larger sample size and a control group to confirm the results of this study.

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 12 tháng 11 năm 2019

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG CÓ THỜI HẠN
Số: 5001/GPXD

1. Cấp cho: Công ty TNHH PB Tín Phát.

Địa chỉ trụ sở chính: Ấp 3, xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

2. Được phép xây dựng công trình thuộc dự án: Nhà kho mở rộng của Công ty TNHH PB Tín Phát.

- Theo hồ sơ thiết kế xây dựng do Công ty TNHH Kiến trúc Xây dựng I.A.Design lập, đã được Sở Xây dựng thẩm định thiết kế xây dựng tại Văn bản số 4978/SXD-QLXD ngày 10/12/2019.

- Đơn vị lập thiết kế: Công ty TNHH Kiến trúc Xây dựng I.A.Design.

- Đơn vị thẩm tra: Công Ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Trường Lũy.

- Đơn vị thẩm định: Sở Xây dựng Bình Dương.

- Gồm các nội dung sau đây:

+ Địa điểm xây dựng công trình: Ấp 3, xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

+ Chỉ giới đường đỏ: 16,0 m tính từ trục đường ĐH-509 nhựa (rộng 6m).

+ Chỉ giới xây dựng: 16,0 m tính từ trục đường ĐH-509 nhựa (rộng 6m).

+ Vị trí xây dựng công trình: định vị công trình theo mặt bằng tổng thể.

+ Mật độ xây dựng: 44,1 %.

+ Hệ số sử dụng đất: 0,44.

2.1. Nhà kho mở rộng:

Loại, cấp công trình: Công trình công nghiệp; Cấp công trình: cấp II.

Cốt nền công trình ($\pm 0,00$ m): cao hơn cốt sân 0,2 m.

Tổng chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 14,90 m.

Số tầng: 01 tầng.

Diện tích xây dựng (diện tích chiếm đất của công trình): 3.412,5 m².

Cấu trúc chịu lực chính: Móng đơn, dầm kiềng bằng bê tông cốt thép. Phần thân sử dụng kết cấu thép bao gồm cột, khung kèo thép I tổ hợp, chịu toàn bộ tải trọng đứng và tải trọng ngang công trình.

2.2. Các nội dung khác: dự án còn có các hạng mục hạ tầng kỹ thuật khác như Hệ thống Cấp điện, chiếu sáng tổng thể; Hệ thống Cấp thoát nước; PCCC,...

3. Giấy tờ về đất đai:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 840788 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày



Handwritten signature

13/12/2016 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK. 690269 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 02/02/2018 cho Công ty TNHH MDF Tín phát (đã đổi tên thành Công ty TNHH PB Tín Phát).

4. Thời hạn tồn tại của công trình: Theo Khoản 7 Điều 1 Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 27/6/2016 của UBND tỉnh Bình Dương.

Lý do cấp phép xây dựng có thời hạn: căn cứ Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 20/3/2013 của UBND huyện Phú Giáo thì vị trí khu đất xây dựng được quy hoạch là đất ở và đất trồng cây lâu năm.

5. Chủ đầu tư phải tự dỡ bỏ công trình, không được đòi hỏi bồi thường phần công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn khi Nhà nước thực hiện quy hoạch theo thời hạn ghi trong giấy phép được cấp.

6. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND huyện Phú Giáo (p/h);
- Thanh tra SXD (p/h);
- Lưu: VT, P. QLXD; Tín.

GIÁM ĐỐC



Võ Hoàng Ngân

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 37/BS Quyển số: 01 SCT/BS

18-03-2021

CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG HỘI NGHĨA



Phạm Thị Thúy Hồng



CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kế.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.



Handwritten signature

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1569 /QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 27 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Xét báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 207/BC-SKHĐT ngày 09 tháng 6 năm 2016 về việc Quyết định chủ trương đầu tư dự án của Công ty TNHH MDF Tín Phát,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp thuận nhà đầu tư:

Nhà đầu tư: CÔNG TY TNHH MDF TÍN PHÁT.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702422551, chứng nhận lần đầu ngày 11 tháng 12 năm 2015 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Địa chỉ trụ sở chính: ấp 3, xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông NGUYỄN VĂN HIỆP, quốc tịch Việt Nam, sinh ngày 07 tháng 07 năm 1972, Chứng minh nhân dân số 272099429 do Công an Đồng Nai cấp ngày 27 tháng 12 năm 2006; địa chỉ thường trú tại số 95/13 đường Hưng Đạo Vương, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở hiện nay số 95/13 đường Hưng Đạo Vương, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Chức vụ Giám đốc.

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án: NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÁN NHÂN TẠO.

2. Mục tiêu dự án: Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế, ván nhân tạo.

3. Quy mô dự án: sản lượng 500.000 sản phẩm/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: ấp 3, xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

5. Diện tích mặt đất sử dụng: 10.000 m²

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 8.000.000.000 đồng Việt Nam.

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án là: 4.000.000.000 đồng Việt Nam, chiếm tỷ lệ 100% vốn đầu tư.

Tiến độ, tỷ lệ và phương thức góp vốn:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VNĐ	Tương đương USD	
1	CÔNG TY TNHH MDF TÍN PHÁT	4.000.000.000		100

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 (năm mươi) năm kể từ ngày ký quyết định chủ trương đầu tư.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

- Hoàn thành thủ tục chủ trương : 02 tháng.
- Xây dựng nhà xưởng : 06 tháng.
- Lắp ráp máy móc, thiết bị : 02 tháng.
- Vận hành thiết bị : 01 tháng.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Doanh nghiệp được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 03 tháng 6 năm 2008, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013 và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Doanh nghiệp được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

3. Ưu đãi về miễn giảm tiền thuê đất:

Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định về thu tiền sử dụng đất và Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Điều 3. Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

- Nhà đầu tư có trách nhiệm tuân thủ theo các quy định về bảo vệ môi trường của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

- Nhà đầu tư phải thực hiện việc xử lý các nguồn gây ô nhiễm môi trường trong quá trình hoạt động, đảm bảo không ảnh hưởng tới môi trường sống và có phương án cụ thể đáp ứng các yêu cầu về phòng chống cháy nổ tại địa điểm thực hiện dự án trong quá trình hoạt động theo đúng quy định pháp luật Việt Nam hiện hành;

- Nhà đầu tư có trách nhiệm tiến hành các thủ tục để được giao đất hoặc thuê đất của Nhà nước trước khi triển khai thực hiện dự án và có nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất cho Nhà nước kể từ khi hoàn thành thủ tục giao đất hoặc thuê đất đối với diện tích đất sử dụng tại địa điểm dự án theo quy định của pháp luật hiện hành;

Điều 4. Thời hạn hiệu lực của Quyết định chủ trương đầu tư: 12 (mười hai) tháng kể từ ngày ký Quyết định chủ trương đầu tư;

Điều 5. Quyết định này được lập thành 03 (ba) bản. Một bản cấp cho Nhà đầu tư. Một bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và một bản được lưu tại Ủy ban nhân dân tỉnh;

Nơi nhận: *✓*

- CT và các PCT;
- Như Điều 5;
- Các Sở: TC, TNMT, XD, CT;
- UBND huyện Phú Giáo;
- LĐVP (Nh, Lg), Tạo, KTN, TH;
- Lưu: VT_{rc} 3

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Thanh Liêm

Wlat

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GÁN LIÊN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MDT TÍN PHÁT
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên mã số doanh nghiệp: 3702422551
Đăng ký lần đầu ngày 11/12/2015
Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 14/7/2017
do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.
Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 359, tờ bản đồ 27, ấp 3, xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

CK 690269

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



258731802022

Handwritten signature

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- Thửa đất số: 402, tờ bản đồ số: 27
- Địa chỉ: xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
- Diện tích: 18500m², (bằng chữ: Mười tám nghìn năm trăm mét vuông)
- Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
- Thời hạn sử dụng: Đến ngày 27/06/2066
- Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Nhà xưởng mở rộng

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sản (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà xưởng mở rộng	5000	5000	Sở hữu riêng	2	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

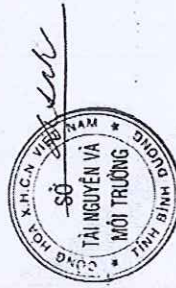
6. Ghi chú:

Cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 690296 ngày 18/9/2017 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp và chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng.



Bình Dương, ngày 22 tháng 02 năm 2018

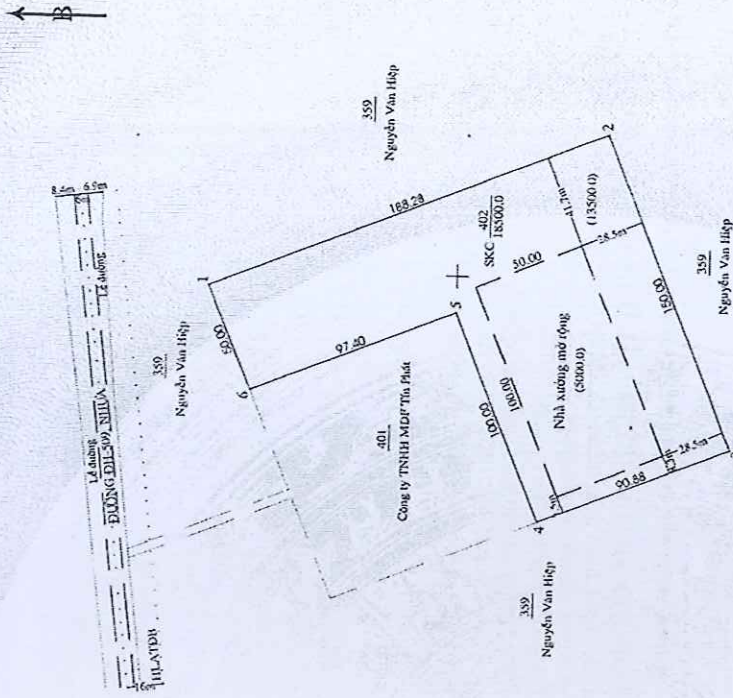
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH DƯƠNG
GIAM ĐỐC



Phạm Danh

Số vào sổ cấp GCN: CT24082

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

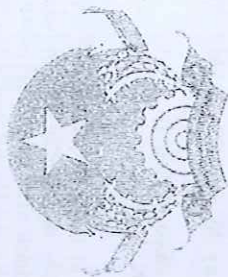
Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

8819/2018
PHÓ GIÁM ĐỐC

Công ty trách nhiệm hữu hạn MDF Tin Phát đổi tên thành Công ty TNHH PB Tin Phát và cấp nhật thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 370242255 thay đổi lần thứ 5 ngày 25/6/2018 do phòng Đăng ký doanh nghiệp - Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, số 01953./

Nguyễn Văn Hiệp

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

LYG GMD is HENNO

SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

L. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MĐTÍN PHÁT

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 3702422551 đăng ký lần đầu ngày 11/12/2015 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 23/05/2016 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Địa chỉ trụ sở chính: Ấp 3, xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

CH 118969

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Là nhận của cơ quan có thẩm quyền
------------------------------------	--------------------------------------

Kèm theo Giấy chứng nhận này có Trang bổ sung
số: 01

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



742587317019914

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- Thửa đất số: 401, tờ bản đồ số: 27
- Địa chỉ: xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
- Diện tích: 10.041,6m² (bằng chữ: Mười nghìn không trăm bốn mươi một phẩy sáu mét vuông)
- Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
- Thời hạn sử dụng: đến ngày 27/06/2066
- Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Nhà xưởng

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà xưởng	4.158	4.158	Sở hữu riêng	3	-/-

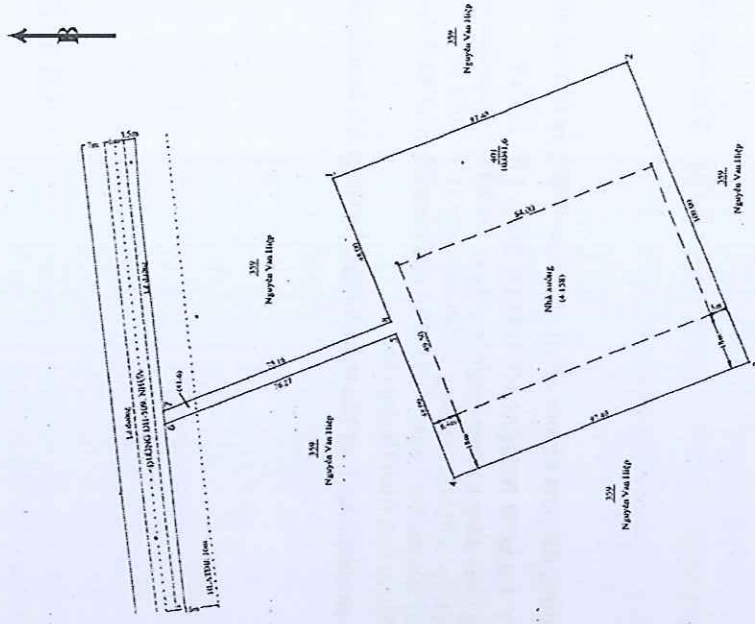
4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

- Tổng diện tích thửa đất: 10.041,6m² (trong đó có 41,6m² đất thuộc hành lang an toàn đường bộ; việc quản lý, sử dụng thực hiện theo quy định hiện hành về bảo vệ hành lang an toàn đường bộ).
- Diện tích nộp tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê: 10.000m².
- Cấp đổi từ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 840788, ngày 13/12/2016 và chứng nhận bổ sung quyền sở hữu tài sản trên thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận.

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Bình Dương, ngày 14 tháng 4 năm 2017

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC



Phạm Danh

Số vào sổ cấp GCN: CT18105

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Công ty TNHH MDF Tín Phát đổi tên thành Công ty TNHH PB Tín Phát theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên mã số doanh nghiệp: 3702422551 đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 25/6/2018 - theo hồ sơ số 190119000445.

04/4/2019



TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 401

Tờ bản đồ số: 27

Số phát hành GCN: CH 118969

Số vào sổ cấp GCN: CT18105

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Thế chấp bằng quyền sử dụng đất (diện tích: 10.000m²) tại sản gắn liền với đất tại Ngân hàng TMCP A Châu Á chi nhánh Đồng Nai (Đ/c: 220 Hà Huy Giáp, Khu phố 10 phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) theo hồ sơ số 432/quyển số 01/2017. Nội dung đã đăng ký thế chấp ngày 30/5/2017 theo quy định của pháp luật về thế chấp và pháp luật về đất đai. Thay đổi tên bên thế chấp thành Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ theo hồ sơ số 318/quyển số 01/2019. Chứng thực bản sao đúng với bản chính. Số chứng thực: 01/2019 Ngày: 01/06/2019 Công chứng viên văn phòng công chứng Di An VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG DI AN T.Đ. ANH - K.Đ. ANH CCV. Phạm Thị Mỹ Lệ	QUỐC GIA ĐỒNG 04/4/2019 QUỐC GIA ĐỒNG 04/4/2019

Trong hồ sơ này luôn kèm theo bản sao đúng với bản chính của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Giấy chứng nhận quyền thế chấp.

1. The first part of the report deals with the general situation of the country and the progress of the work during the year. It also mentions the results of the various expeditions and the collections made.

2. The second part of the report deals with the results of the various expeditions and the collections made. It mentions the names of the expeditions and the names of the collectors. It also mentions the results of the expeditions and the collections made.

3. The third part of the report deals with the results of the various expeditions and the collections made. It mentions the names of the expeditions and the names of the collectors. It also mentions the results of the expeditions and the collections made.

4. The fourth part of the report deals with the results of the various expeditions and the collections made. It mentions the names of the expeditions and the names of the collectors. It also mentions the results of the expeditions and the collections made.



Mã số: 22.03.29-...9695.../QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 05 tháng 04 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY TNHH TM & DV HƯỚNG XANH
- Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PB TÍN PHÁT
- Địa chỉ: Ấp 3, xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
- Tên mẫu: Khí thải Số lượng: 03 mẫu.
- Ngày lấy mẫu: 29/03/2022
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN	QUY CHUẨN SO SÁNH
I	0329/KT/H-HX-TP/001: Sau HTXL khí thải lò sấy					
1	Lưu lượng ^(c)	m ³ /h	US EPA Method 2	3.201	--	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B
2	Bụi ^(c)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	58,6	200	
3	CO ^(a)	mg/Nm ³	HDKT – 01	127	1.000	
4	NO _x ^(a)	mg/Nm ³		51,8	850	
5	SO ₂ ^(a)	mg/Nm ³		17,3	500	
II	0329/KT/H-HX-TP/002: Sau HTXL khí thải lò dầu					
1	Lưu lượng ^(c)	m ³ /h	US EPA Method 2	2.605	--	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B
2	Bụi ^(c)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	51,5	200	
3	CO ^(a)	mg/Nm ³	HDKT – 01	152	1.000	
4	NO _x ^(a)	mg/Nm ³		112	850	
5	SO ₂ ^(a)	mg/Nm ³		64,8	500	
III	0329/KT/H-HX-TP/003: Sau HTXL hơi keo					
1	Formaldehyt ^(c)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	<3	20	QCVN 20:2009/BTNMT

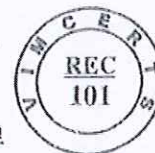
* Ghi chú: Dấu (--): Không quy định
P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Minh Thiện



Nguyễn Thị Thúy Vân

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimeerts.
- Dấu (c): Chỉ tiêu đo nhà thầu phụ có số Vimeerts số 117 thực hiện.
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm



Mã số: 22.03.29-...9694.../QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 05 tháng 04 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY TNHH TM & DV HƯỚNG XANH

2. Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PB TÍN PHÁT

3. Địa chỉ: Ấp 3, xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

4. Tên mẫu: Nước thải Số lượng: 01 mẫu.

5. Kí hiệu mẫu: 0329/NT/H-HX-TP/001: Sau HTXL nước thải

6. Ngày lấy mẫu: 29/03/2022

7. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/BTNMT, CỘT A
1.	pH ^{(a)(b)}	--	TCVN 6492:2011	7,21	6 – 9
2.	Độ màu ^(a)	Pt – Co	TCVN 6185:2015	28,2	50
3.	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	28	50
4.	COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	62	75
5.	BOD ₅ ^(a)	mg/L	SMEWW 5210B:2017	18	30
6.	N _{NH₄⁺} ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	2,74	5
7.	Tổng P ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2017	1,08	4
8.	Tổng N ^(a)	mg/L	TCVN 6638:2000	11,4	20
9.	Coliforms ^(c)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	2.100	3.000

* Ghi chú: Dấu (--): Không quy định.

P. Phòng thí nghiệm

Giám Đốc

Nguyễn Minh Thiện



Nguyễn Thị Thúy Vân

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
2. Dấu (a): Chỉ tiêu được chứng nhận Vincerts.
3. Dấu (c): Chỉ tiêu do nhà thầu phụ có số Vincerts số 117 thực hiện.
4. Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.



Mã số: 12.09.22/07093/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 19 tháng 09 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY TNHH TM & DV HƯƠNG XANH
- Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PB TÍN PHÁT
- Địa chỉ: Ấp 3, xã Tân Hiệp, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương.
- Tên mẫu: Khí thải Số lượng: 02 mẫu.

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	KT4.120922	0912/KT/H-HX-PBTP/1: Sau HTXL khí thải lò sấy
2	KT5.120922	0912/KT/H-HX-PBTP/2: Sau HTXL khí thải lò dầu

5. Ngày lấy mẫu: 12/09/2022

6. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ		QCVN 19:2009/BTNMT CỘT B
				KT4.120922	KT5.120922	
1	CO (a)(c)	mg/Nm ³	HDKT – 01	96,9	144	1.000
2	NO _x (a)(c)	mg/Nm ³		71,4	126	850
3	SO ₂ (a)(c)	mg/Nm ³		13,1	62,8	500

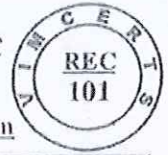
P. Phòng thí nghiệm

Phạm Trúc Linh

Giám đốc

Nguyễn Thị Thúy Vân

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimecerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu được Vilas công nhận; Dấu (c): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường.
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.



Mã số: 22.11.22/12827/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 29 tháng 11 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY TNHH TM & DV HƯƠNG XANH
- Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY TNHH PB TÍN PHÁT
- Địa chỉ: Ấp 3, xã Tân Hiệp, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương.
- Tên mẫu: Nước thải Số lượng: 01 mẫu.

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NT25.221122	1122/NT/H-HX-PBTP/1: Sau HTXL nước thải

5. Ngày lấy mẫu: 22/11/2022

6. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/BTNMT CỘT A
				NT25.221122	
1.	pH(a)(b)(c)	--	TCVN 6492:2011	6,94	6 – 9
2.	Độ màu (a)(b)	Pt – Co	TCVN 6185:2015	18,5	50
3.	TSS(a)(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	31	50
4.	COD (a)(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	57	75
5.	BOD ₅ (a)(b)	mg/L	SMEWW 5210B:2017	22	30
6.	N-NH ₄ ⁺ (a)(b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	2,18	5
7.	Tổng P (a)(b)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2017	0,95	4
8.	Tổng N (a)(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	5,27	20

Ghi chú: Dấu (--): Không quy định.

P. Phòng thí nghiệm

Phạm Trúc Linh

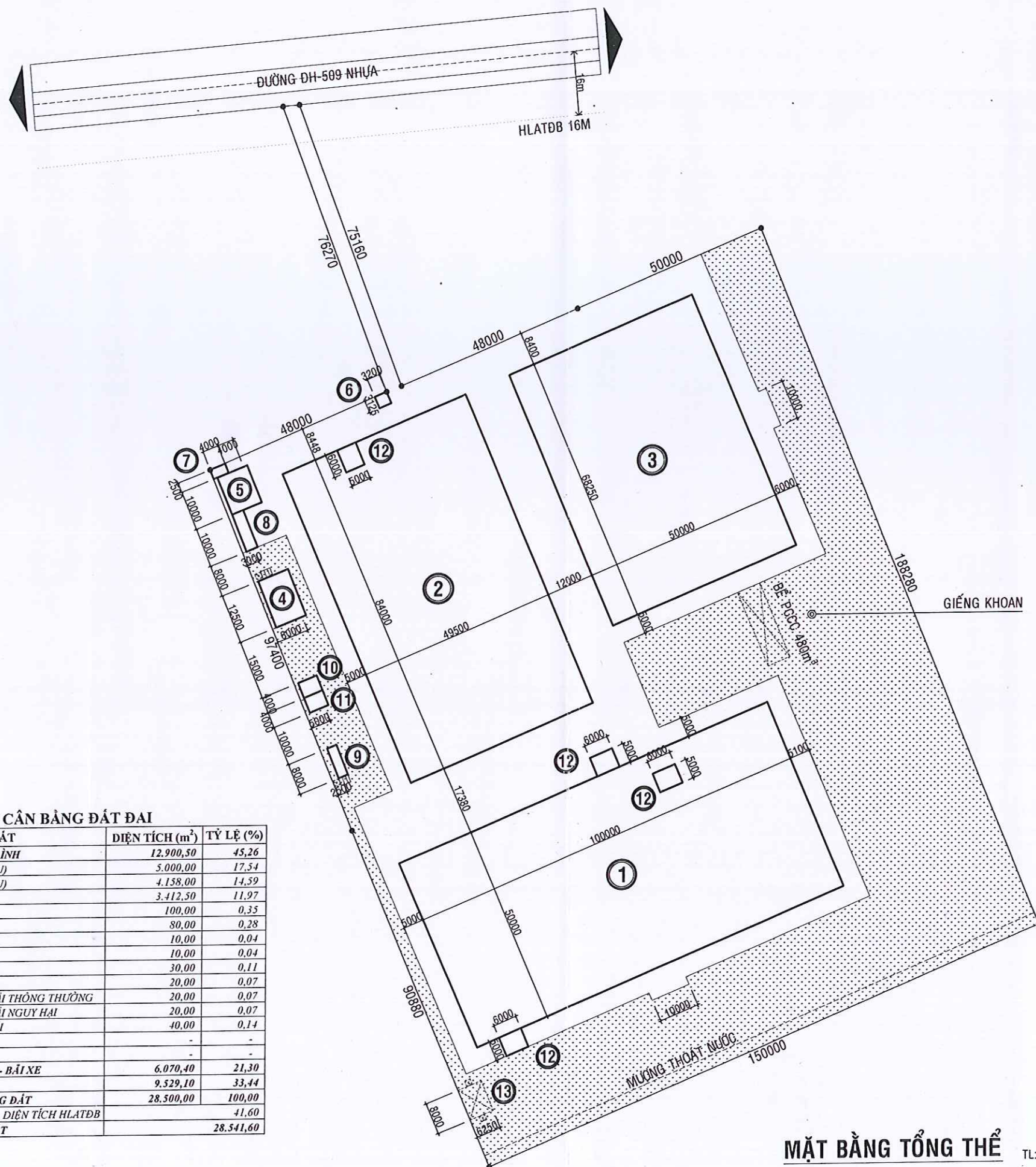


Giám đốc

Nguyễn Thị Thúy Vân

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimeerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu được Vilas công nhận; Dấu (c): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường.
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (m ²)	TỶ LỆ (%)
A.	ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	12.900,50	45,26
1	NHÀ XƯỞNG 01 (HIỆN HỮU)	5.000,00	17,54
2	NHÀ XƯỞNG 02 (HIỆN HỮU)	4.158,00	14,59
3	NHÀ KHO (XÂY MỚI)	3.412,50	11,97
4	NHÀ VẤN PHÒNG	100,00	0,35
5	NHÀ ĂN	80,00	0,28
6	NHÀ BẢO VỆ	10,00	0,04
7	TRẠM ĐIỆN	10,00	0,04
8	NHÀ XE	30,00	0,11
9	NHÀ VỆ SINH	20,00	0,07
10	NHÀ KHO CHỨA CHẤT THẢI THÔNG THƯỜNG	20,00	0,07
11	NHÀ KHO CHỨA CHẤT THẢI NGUY HẠI	20,00	0,07
12	HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI	40,00	0,14
13	BỂ XLNT	-	-
14	BỂ PCCC	-	-
B.	ĐẤT SÂN ĐƯỜNG NỘI BỘ - BÃI XE	6.070,40	21,30
C.	CÂY XANH - MẶT NƯỚC	9.529,10	33,44
D.	TỔNG DIỆN TÍCH SỬ DỤNG ĐẤT	28.500,00	100,00
E.	DIỆN TÍCH HŁATĐB	41,60	
F.	TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT	28.541,60	



MẶT BẰNG TỔNG THỂ

TL:1/500

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH PB TÍN PHÁT

Địa chỉ: Kp 3, xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



NGUYỄN VĂN HIỆP

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HƯỚNG XANH



Địa chỉ: Số 1332, lô 8, khu phố 8, đường Hùng Vương, P. Phú Mỹ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 093 103 33 66
Điện thoại: (0274) 3616 120

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN



CHỦ NHIỆM DỰ ÁN

KTS. HÀ QUỐC BÌNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KTS. HÀ QUỐC BÌNH

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KS. PHÒNG VĂN THẾ

TÊN CÔNG TRÌNH

NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÁN NHÂN TẠO

Địa chỉ: Kp 3, xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

HẠNG MỤC: TỔNG THỂ

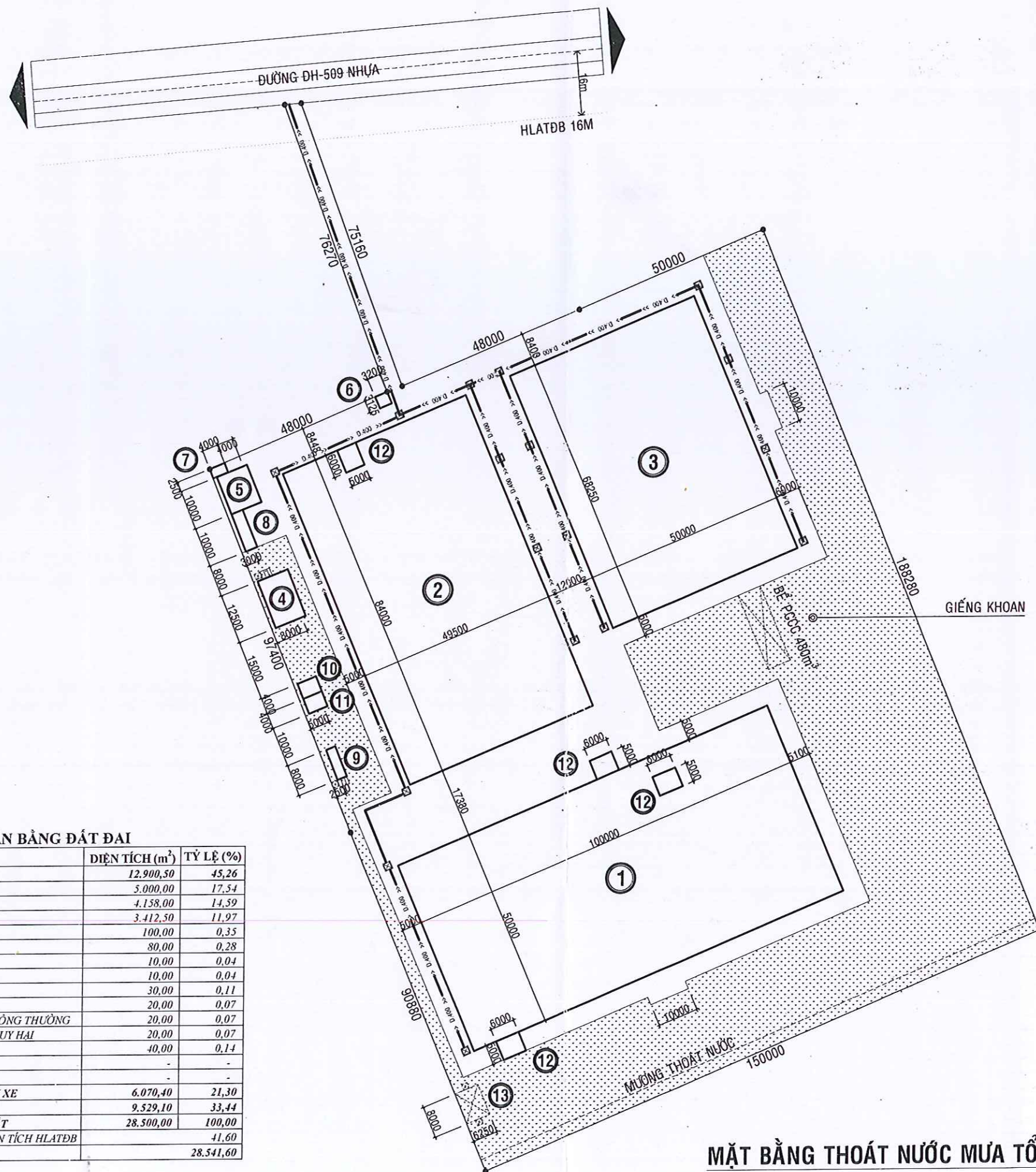
TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

NGÀY HOÀN THÀNH: HỒ SƠ XÂY DỰNG HỒ SƠ ĐƠN THỊ

08/2023

TT : 01 / 03



BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT ĐẠI

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (m ²)	TỶ LỆ (%)
A.	ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	12.900,50	45,26
1	NHÀ XƯỞNG 01 (HIỆN HỮU)	5.000,00	17,54
2	NHÀ XƯỞNG 02 (HIỆN HỮU)	4.158,00	14,59
3	NHÀ KHO (XÂY MỚI)	3.412,50	11,97
4	NHÀ VĂN PHÒNG	100,00	0,35
5	NHÀ ẮN	80,00	0,28
6	NHÀ BẢO VỆ	10,00	0,04
7	TRẠM ĐIỆN	10,00	0,04
8	NHÀ XE	30,00	0,11
9	NHÀ VỆ SINH	20,00	0,07
10	NHÀ KHO CHỨA CHẤT THẢI THÔNG THƯỜNG	20,00	0,07
11	NHÀ KHO CHỨA CHẤT THẢI NGUY HẠI	20,00	0,07
12	HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI	40,00	0,14
13	BỂ XLNT	-	-
14	BỂ PCCC	-	-
B.	ĐẤT SÂN ĐƯỜNG NỘI BỘ - BÃI XE	6.070,40	21,30
C.	CÂY XANH - MẶT NƯỚC	9.529,10	33,44
D.	TỔNG DIỆN TÍCH SỬ DỤNG ĐẤT	28.500,00	100,00
E.	DIỆN TÍCH HŁATĐB	41,60	
F.	TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT	28.541,60	

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA TỔNG THỂ

TL: 1/500

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH PB TÍN PHÁT

Địa chỉ: Kp 3, xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



NGUYỄN VĂN HIỆP

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HƯƠNG XANH



Địa chỉ: Số 1332, tổ 8, khu phố 8, đường Hùng Vương, P. Phú Mỹ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương.
Điện thoại: 093 103 33 66
Điện thoại: (0274) 3616 120

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN



ĐANG THANH HẢI

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN

KTS. HÀ QUỐC BÌNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KTS. HÀ QUỐC BÌNH

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KS. PHÙNG VĂN THẾ

TÊN CÔNG TRÌNH

NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÁN NHÂN TẠO

Địa chỉ: Kp 3, xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

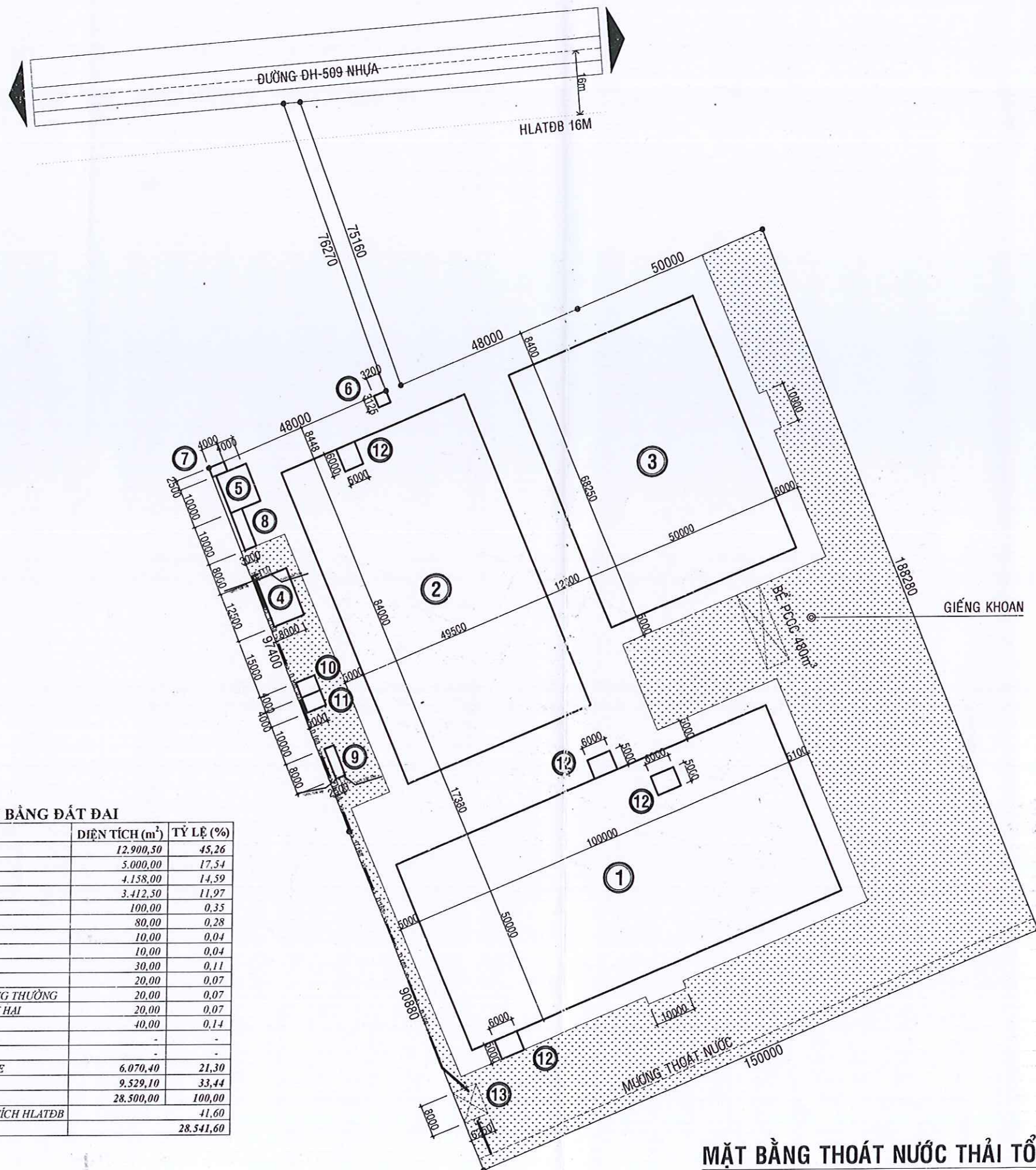
HẠNG MỤC: TỔNG THỂ

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA TỔNG THỂ

NGÀY HOÀN THÀNH: 08/2023

TT : 02 / 03

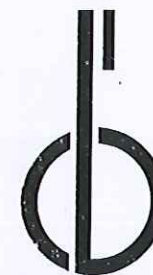


BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT ĐAI

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (m ²)	TỶ LỆ (%)
A.	ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	12.900,50	45,26
1	NHÀ XƯỞNG 01 (HIỆN HỮU)	5.000,00	17,54
2	NHÀ XƯỞNG 02 (HIỆN HỮU)	4.158,00	14,39
3	NHÀ KHO (XÂY MỚI)	3.412,50	11,97
4	NHÀ VÁN PHÒNG	100,00	0,35
5	NHÀ ẮN	80,00	0,28
6	NHÀ BẢO VỆ	10,00	0,04
7	TRẠM ĐIỆN	10,00	0,04
8	NHÀ XE	30,00	0,11
9	NHÀ VỆ SINH	20,00	0,07
10	NHÀ KHO CHỨA CHẤT THẢI THÔNG THƯỜNG	20,00	0,07
11	NHÀ KHO CHỨA CHẤT THẢI NGUY HẠI	20,00	0,07
12	HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI	40,00	0,14
13	BỂ XLNT	-	-
14	BỂ PCCC	-	-
B.	ĐẤT SÂN ĐƯỜNG NỘI BỘ - BÃI XE	6.070,40	21,30
C.	CÂY XANH - MẶT NƯỚC	9.529,10	33,44
D.	TỔNG DIỆN TÍCH SỬ DỤNG ĐẤT	28.500,00	100,00
E.	DIỆN TÍCH HLATĐB	41,60	
F.	TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT	28.541,60	

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI TỔNG THỂ

TL:1/500



CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH PB TÍN PHÁT

Địa chỉ: Số 3, xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



NGUYỄN VĂN HIỆP

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HƯỚNG XANH



Địa chỉ: Số 1332, tổ 8, khu phố 8, Đường Hùng Vương, P. Phú Mỹ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương.
Điện thoại: 093 103 33 66
Điện thoại: (0274) 3616 120

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN



DƯƠNG THANH HẢI

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN

KTS. HÀ QUỐC BÌNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KTS. HÀ QUỐC BÌNH

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KS. PHÙNG VĂN THỨC

TÊN CÔNG TRÌNH

NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÁN NHÂN TẠO

Địa chỉ: Số 3, xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

HẠNG MỤC:

TÊN BẢN VẼ:

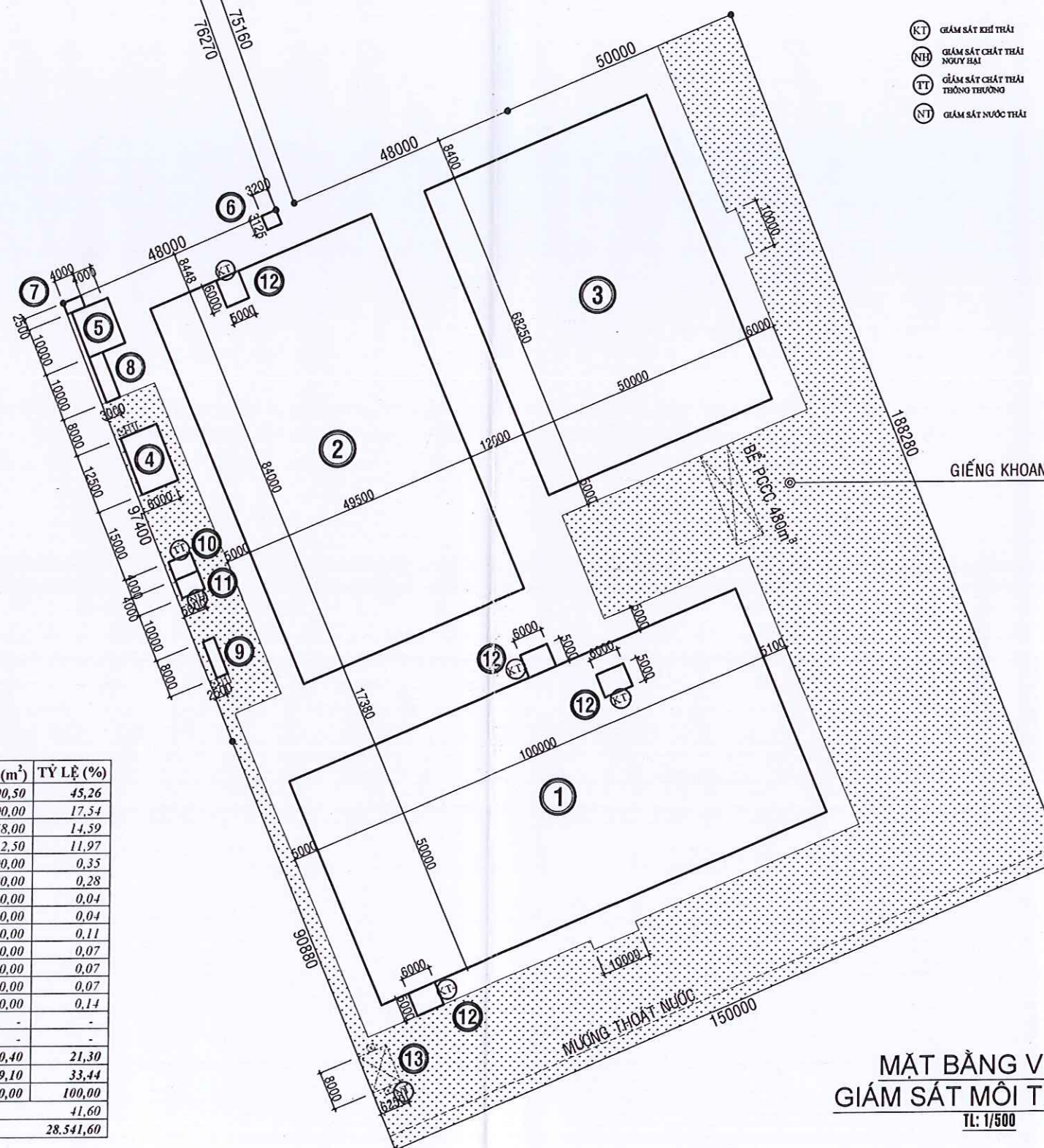
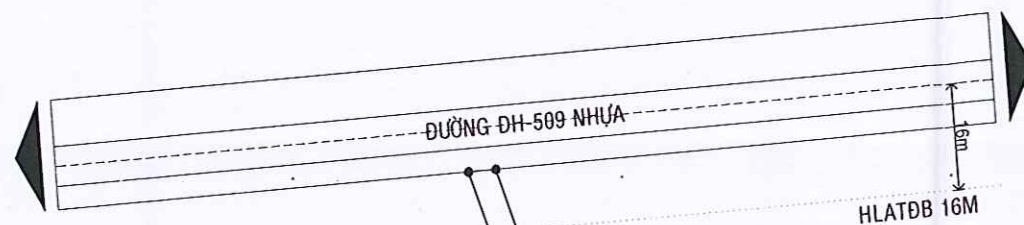
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI

NGÀY HOÀN THÀNH:

HỒ SƠ XÂY DỰNG

08/2023

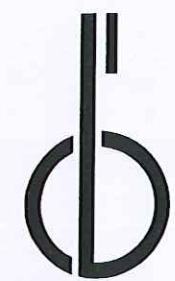
TT : 03 / 03



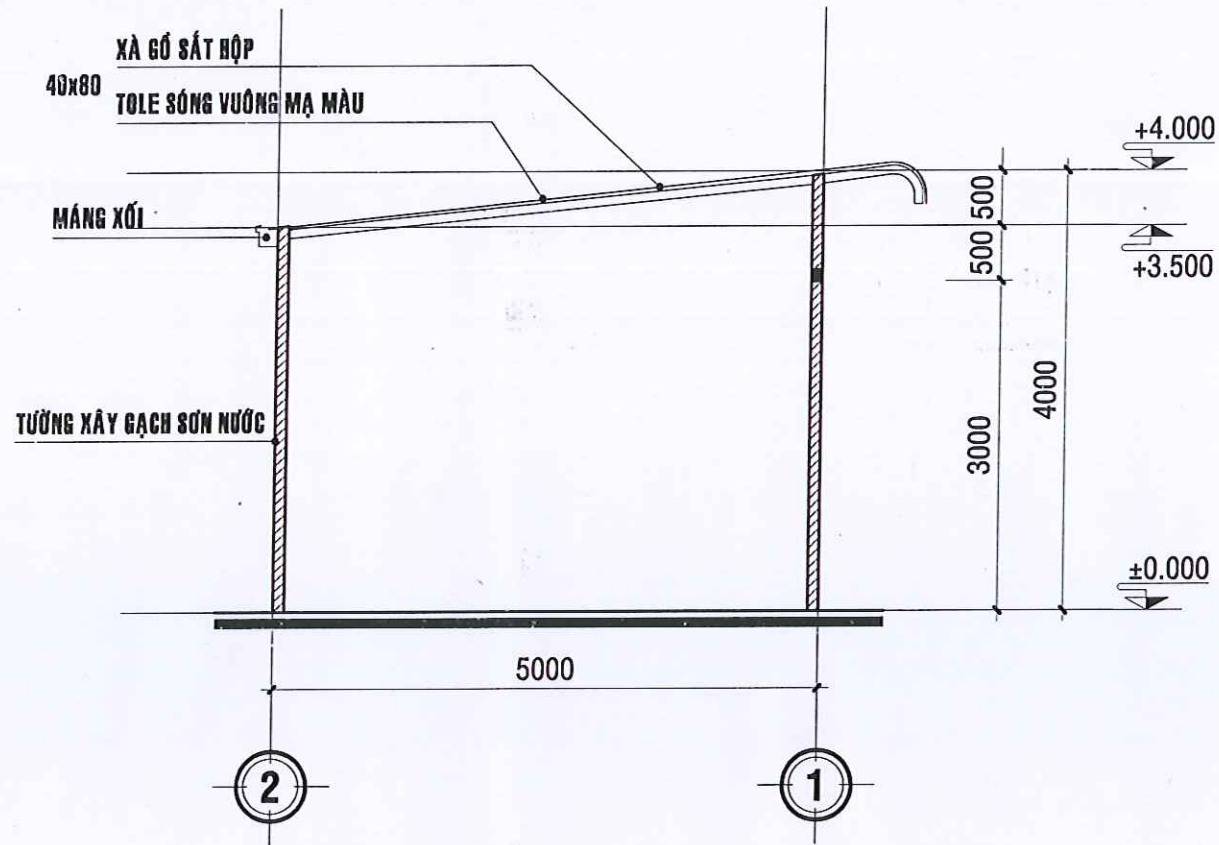
- (KT) GIÁM SÁT KHÍ THẢI
- (NH) GIÁM SÁT CHẤT THẢI NGUY HẠI
- (TT) GIÁM SÁT CHẤT THẢI THÔNG THƯỜNG
- (NT) GIÁM SÁT NƯỚC THẢI

BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT ĐẠI			
STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (m ²)	TỶ LỆ (%)
A.	ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	12.900,50	45,26
1	NHÀ XƯỞNG 01 (HIỆN HỮU)	5.000,00	17,54
2	NHÀ XƯỞNG 02 (HIỆN HỮU)	4.158,00	14,59
3	NHÀ KHO (XÂY MỚI)	3.412,50	11,97
4	NHÀ VÁN PHÒNG	100,00	0,35
5	NHÀ ĂN	80,00	0,28
6	NHÀ BẢO VỆ	10,00	0,04
7	TRẠM ĐIỆN	10,00	0,04
8	NHÀ XE	30,00	0,11
9	NHÀ VỆ SINH	20,00	0,07
10	NHÀ KHO CHỨA CHẤT THẢI THÔNG THƯỜNG	20,00	0,07
11	NHÀ KHO CHỨA CHẤT THẢI NGUY HẠI	20,00	0,07
12	HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI	40,00	0,14
13	BỂ XLNT	-	-
14	BỂ PCCC	-	-
B.	ĐẤT SÂN ĐƯỜNG NỘI BỘ - BÃI XE	6.070,40	21,30
C.	CÂY XANH - MẶT NƯỚC	9.529,10	33,44
D.	TỔNG DIỆN TÍCH SỬ DỤNG ĐẤT	28.500,00	100,00
E.	DIỆN TÍCH HLATĐB	-	41,60
F.	TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT	-	28.541,60

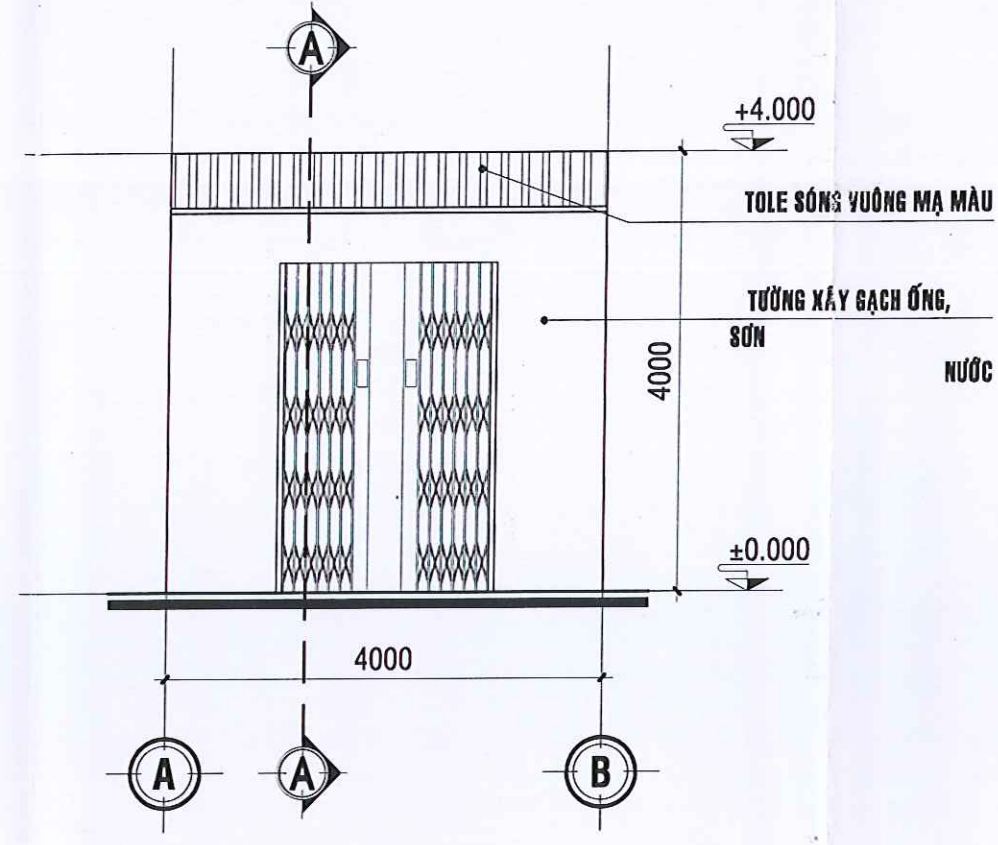
MẶT BẰNG VỊ TRÍ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG
TL: 1/500



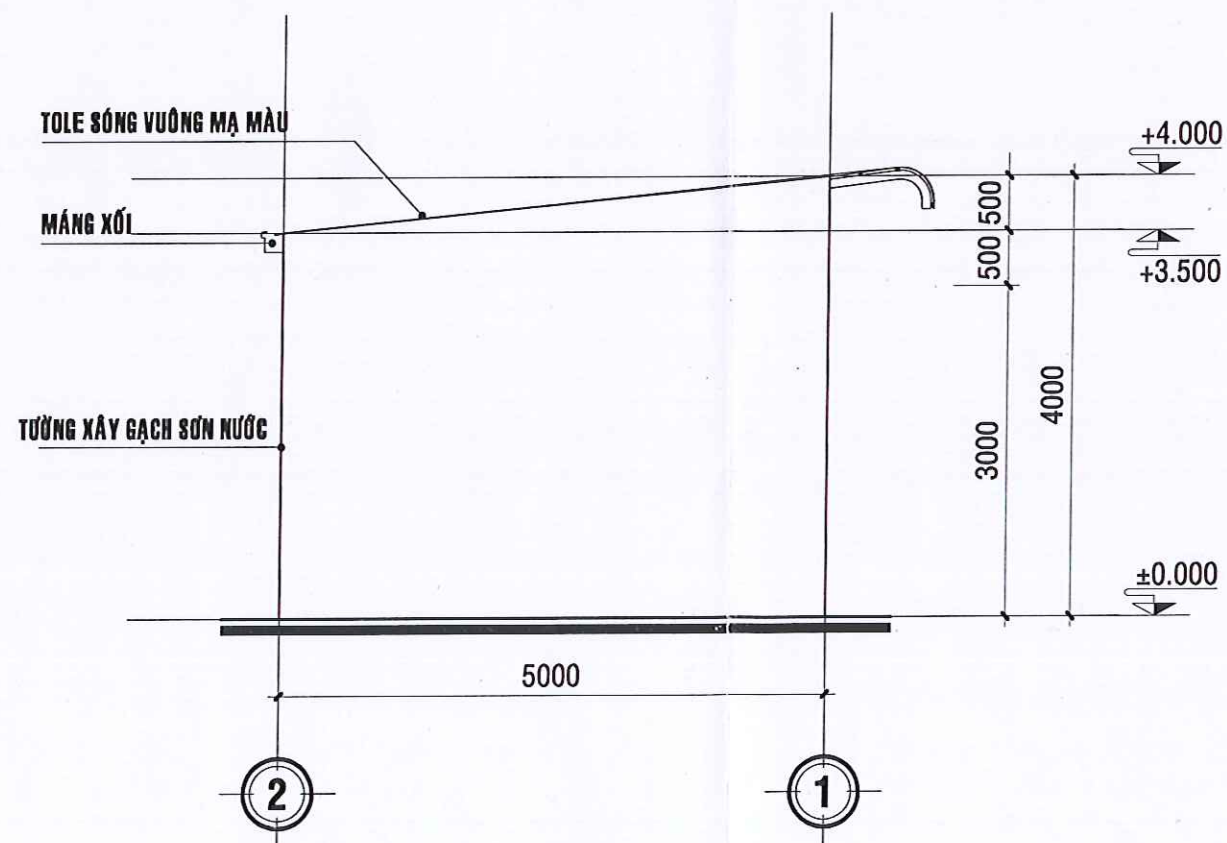
CHỦ ĐẦU TƯ		
CÔNG TY TNHH PB TÍN PHÁT		
Địa chỉ: Số 3, xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương		
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ		
NGUYỄN VĂN HIỆP		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN		
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HƯỚNG XANH		
Địa chỉ: Số 1332, tổ 8, khu phố 8, đường Hùng Vương, P. Phú Mỹ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh		
Điện thoại: 093 103 33 66		
Điện thoại: (0274) 3616 120		
ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN		
DƯƠNG THANH HẢI		
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN		
KTS. HÀ QUỐC BÌNH		
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ		
KTS. HÀ QUỐC BÌNH		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT		
KS. PHÙNG VĂN THẾ		
TÊN CÔNG TRÌNH		
NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÁN NHÂN TẠO		
Địa chỉ: Số 3, xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương		
HẠNG MỤC:		
TÊN BẢN VẼ:		
MẶT BẰNG VỊ TRÍ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG		
NGÀY HOÀN THÀNH:	HỒ SƠ VẼ	HỒ SƠ DNYKT
08/2023	TT : 01/03	



MẶT CẮT A - A TL 1/100



MẶT ĐỨNG TRỰC 1 - 2 TL 1/100



MẶT ĐỨNG TRỰC B - A TL 1/100

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH PB TÍN PHÁT

Địa chỉ: Kp 3, xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH PB TÍN PHÁT
NGUYỄN VĂN HIỆP
ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HƯƠNG XANH

HX

Địa chỉ: Số 1332, tổ 8, khu phố 8, đường Hùng Vương, P. Phú Mỹ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 093 103 33 66
Điện thoại: (0274) 3616 120

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HƯƠNG XANH
ĐANG THANH HẢI

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN

KTS. HÀ QUỐC BÌNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KTS. HÀ QUỐC BÌNH

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KS. PHÙNG VĂN THẾ

TÊN CÔNG TRÌNH

NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÁN NHÂN TẠO

Địa chỉ: Kp 3, xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

HẠNG MỤC:

TÊN BẢN VẼ:

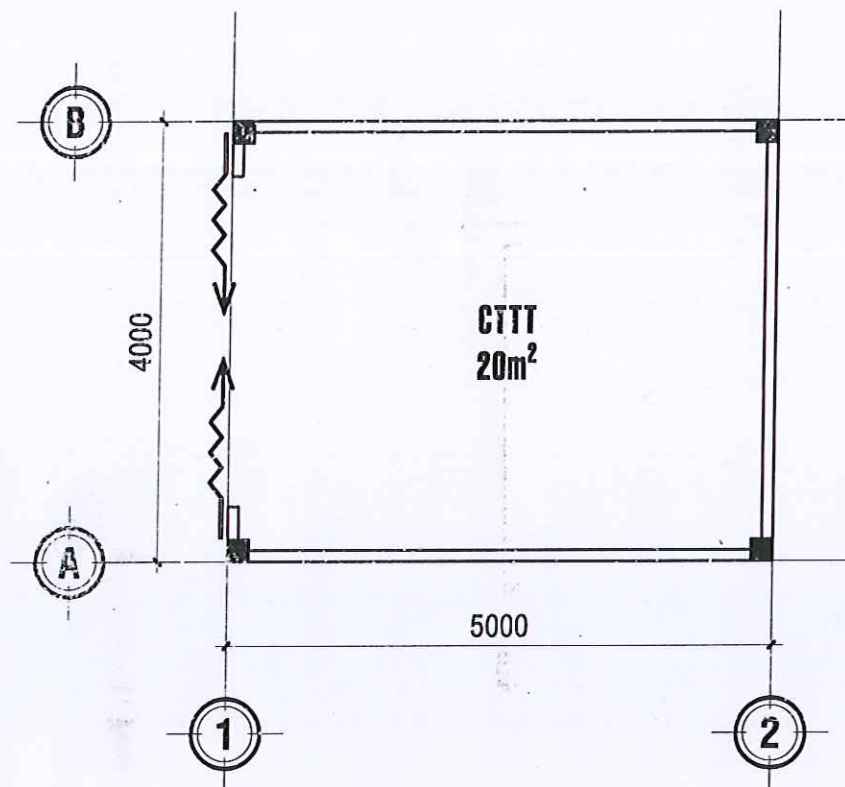
KHO CHỨA CHẤT THẢI THÔNG THƯỜNG

NGÀY HOÀN THÀNH:

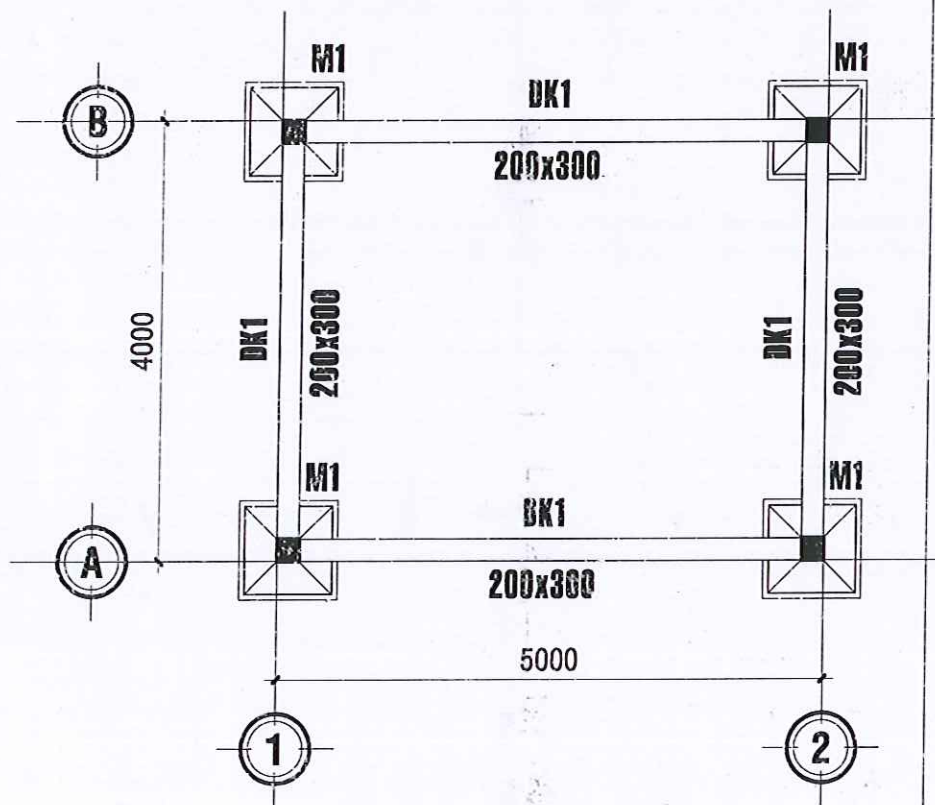
HỒ SƠ XÂY DỰNG

08/2023

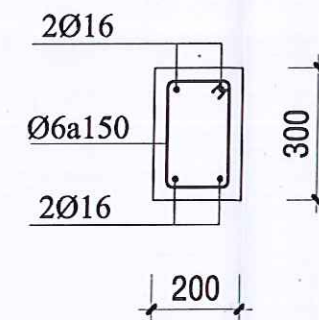
TT : 06 / 14



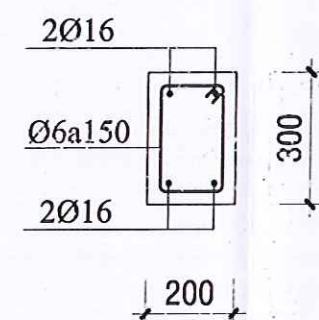
MẶT BẰNG TRỆT TL 1/100



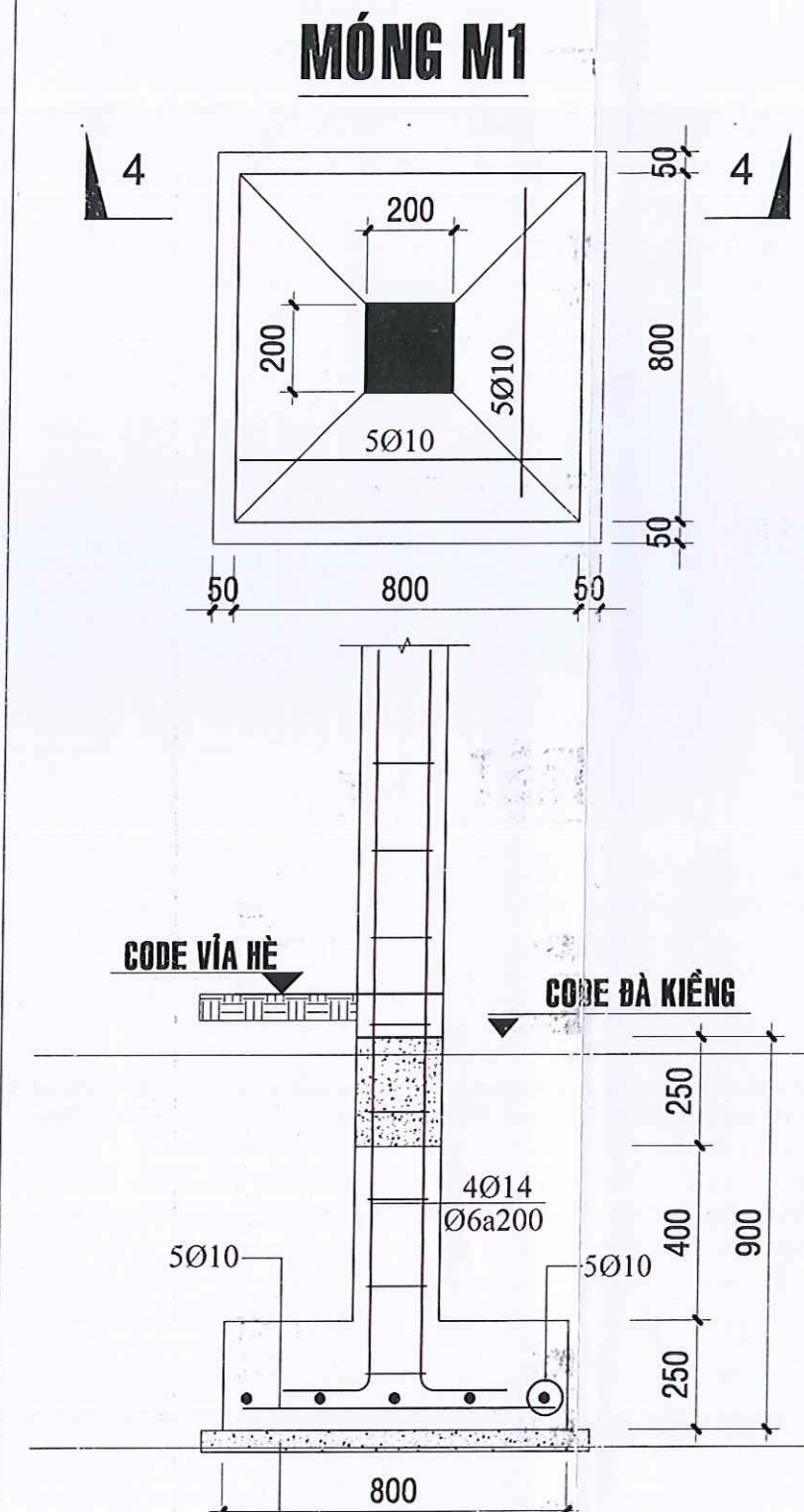
**MẶT BẰNG MÓNG,
ĐÀ KIỀNG** TL 1/100



DK1
TL 1/25

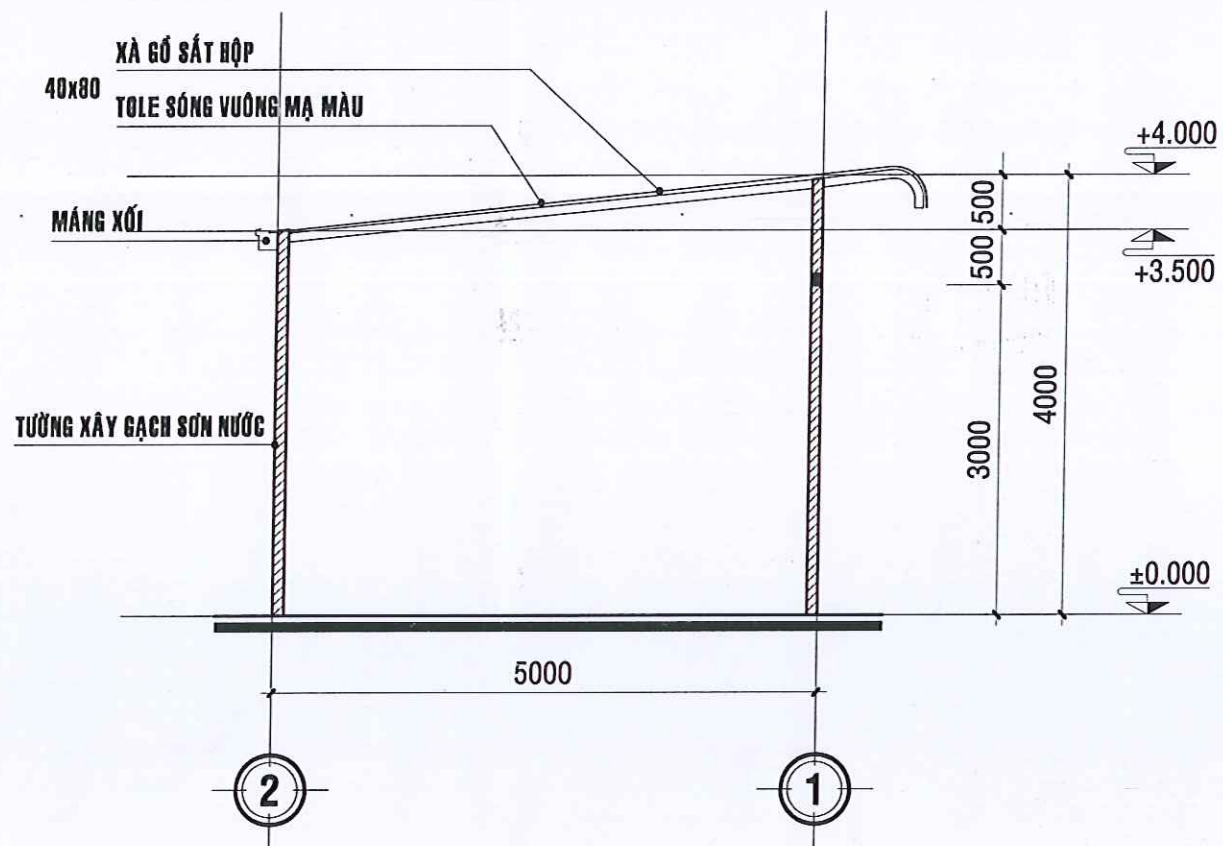


DẦM D1
TL 1/25

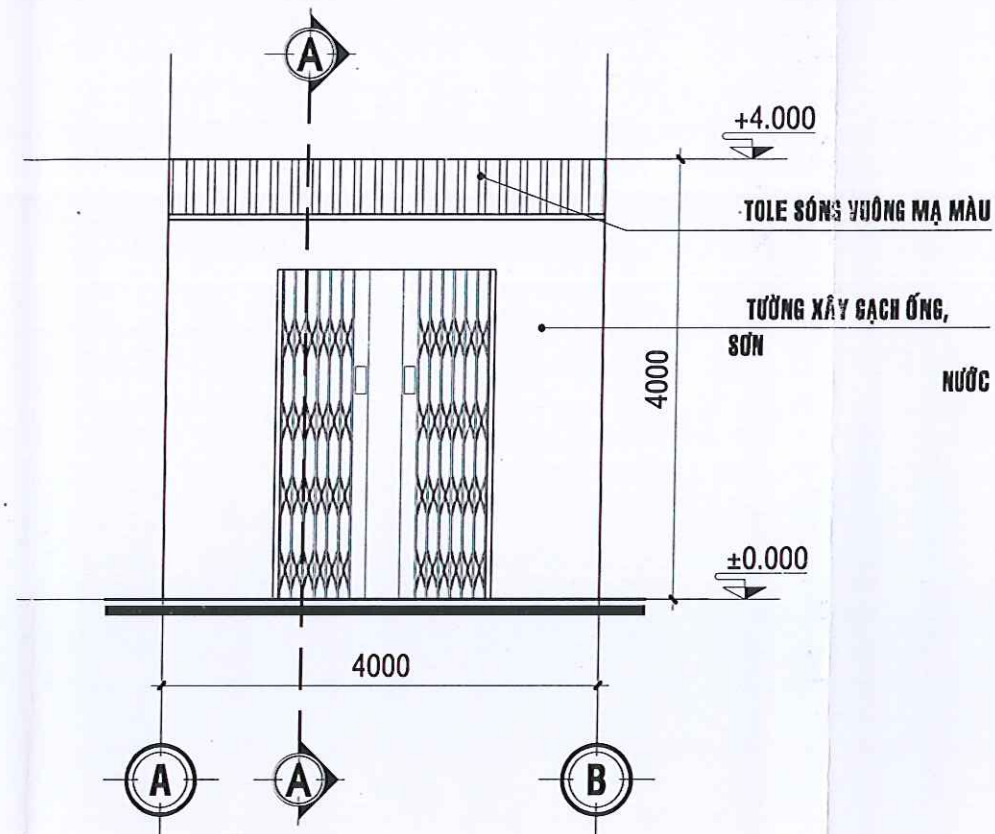


MẶT CẮT 4 - 4 TL 1/25

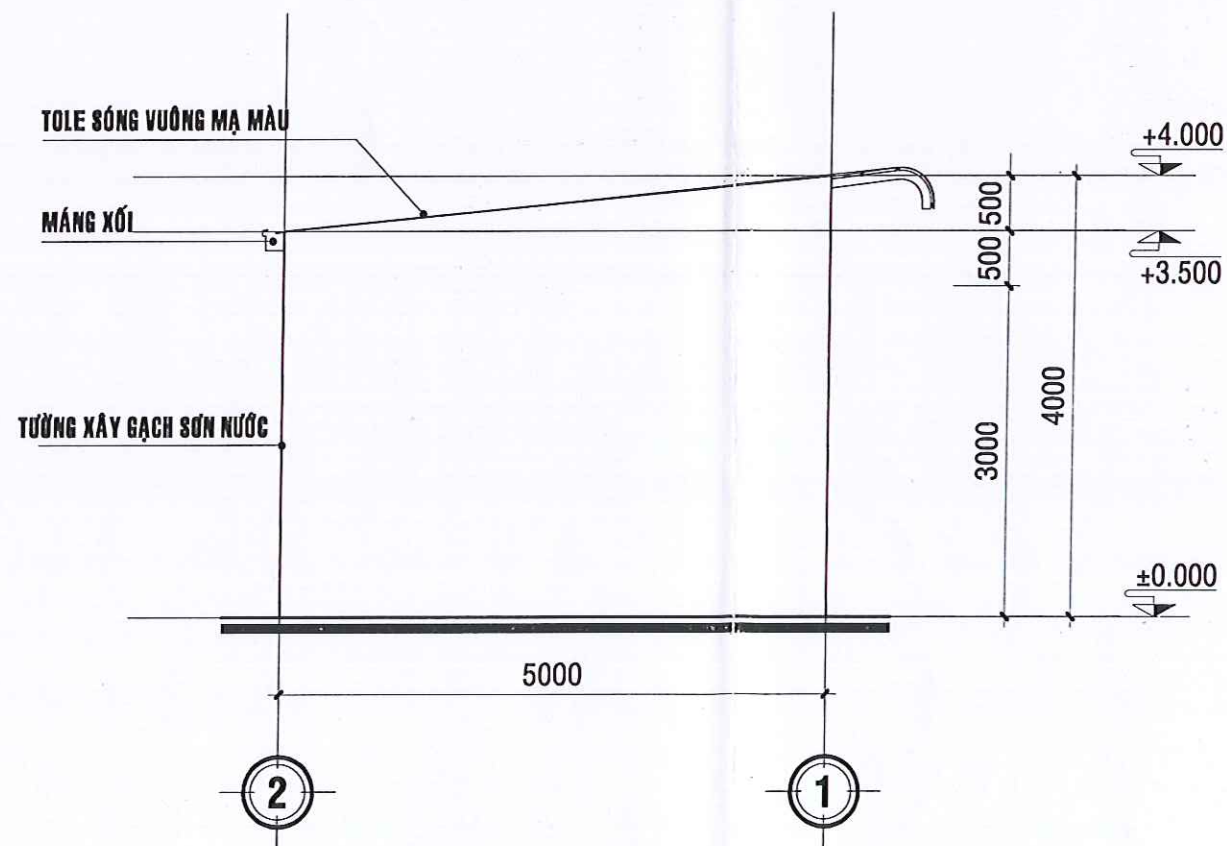
CHỦ ĐẦU TƯ		
CÔNG TY TNHH PB TÍN PHÁT		
Địa chỉ: 3, xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương		
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ		
CÔNG TY TNHH PB TÍN PHÁT		
NGUYỄN VĂN HIỆP		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN		
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HƯỚNG XANH		
HX		
Địa chỉ: Số 1332, tổ 8, khu phố 8, đường Hùng Vương, P. Phú Mỹ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương. Điện thoại: 093 103 33 68 Điện thoại: (0274) 3616 120		
ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN		
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HƯỚNG XANH		
ĐẶNG THANH HẢI		
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	KTS. HÀ QUỐC BÌNH	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	Ks. PHÙNG VĂN THẾ	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	Ks. PHÙNG VĂN THẾ	
TÊN CÔNG TRÌNH		
NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÁN NHÂN TẠO		
Địa chỉ: 3, xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương		
HẠNG MỤC:		
TÊN BẢN VẼ:		
KHO CHỨA CHẤT THẢI THÔNG THƯỜNG		
NGÀY HOÀN THÀNH:	HỒ SƠ XÂY DỰNG	HỒ SƠ ĐĂNG KÝ
09/2023	KC : 07 / 14	



MẶT CẮT A - A TL 1/100



MẶT ĐỨNG TRỤC 1 - 2 TL 1/100



MẶT ĐỨNG TRỤC B - A TL 1/100

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH PB TÍN PHÁT

Địa chỉ: Số 3, xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH PB TÍN PHÁT
NGUYỄN VĂN HIỆP
ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HƯỚNG XANH

HX

Địa chỉ: Số 1332, lô 8, khu phố 8, đường Hùng Vương
P. Phú Mỹ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 093 103 33 68
Điện thoại: (0274) 3816 120

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HƯỚNG XANH
ĐẶNG THANH HẢI

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN

KTS. HÀ QUỐC BÌNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KTS. HÀ QUỐC BÌNH

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KS. PHÙNG VĂN THẾ

TÊN CÔNG TRÌNH

NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÁN NHÂN TẠO

Địa chỉ: Số 3, xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

HẠNG MỤC:

TÊN BẢN VẼ:

KHO CHỨA CHẤT THẢI NGUY HẠI

NGÀY HOÀN THÀNH:

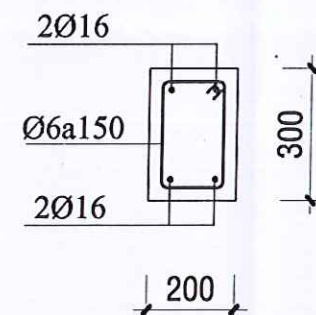
HỒ SƠ XÂY DỰNG

08/2023

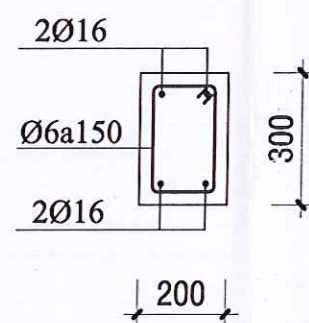
TT : 08 / 14

MẶT BẰNG TRỆT TL 1/100

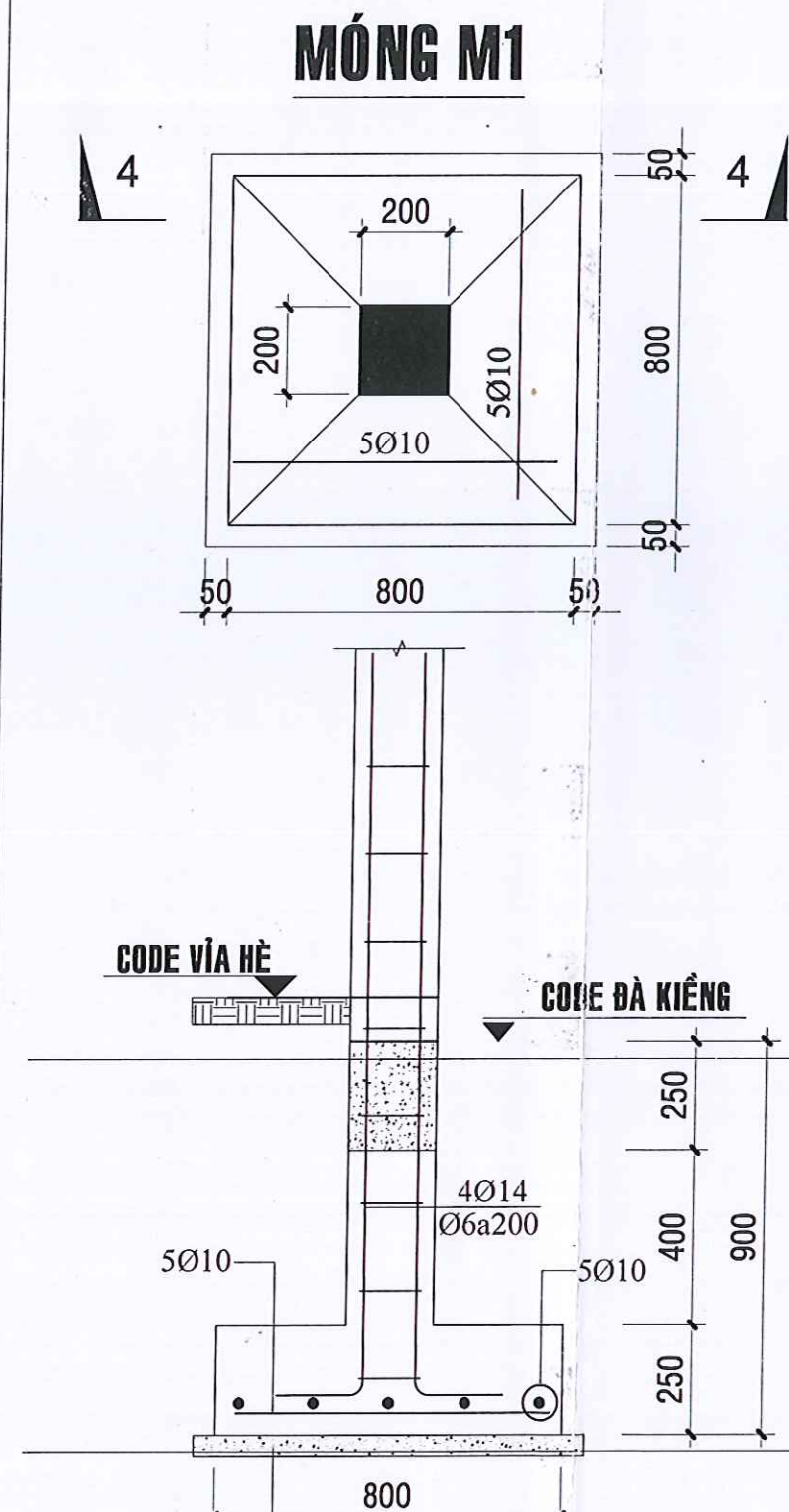
**MẶT BẰNG MÓNG,
ĐÀ KIỀNG TL 1/100**



DK1
TL 1/25



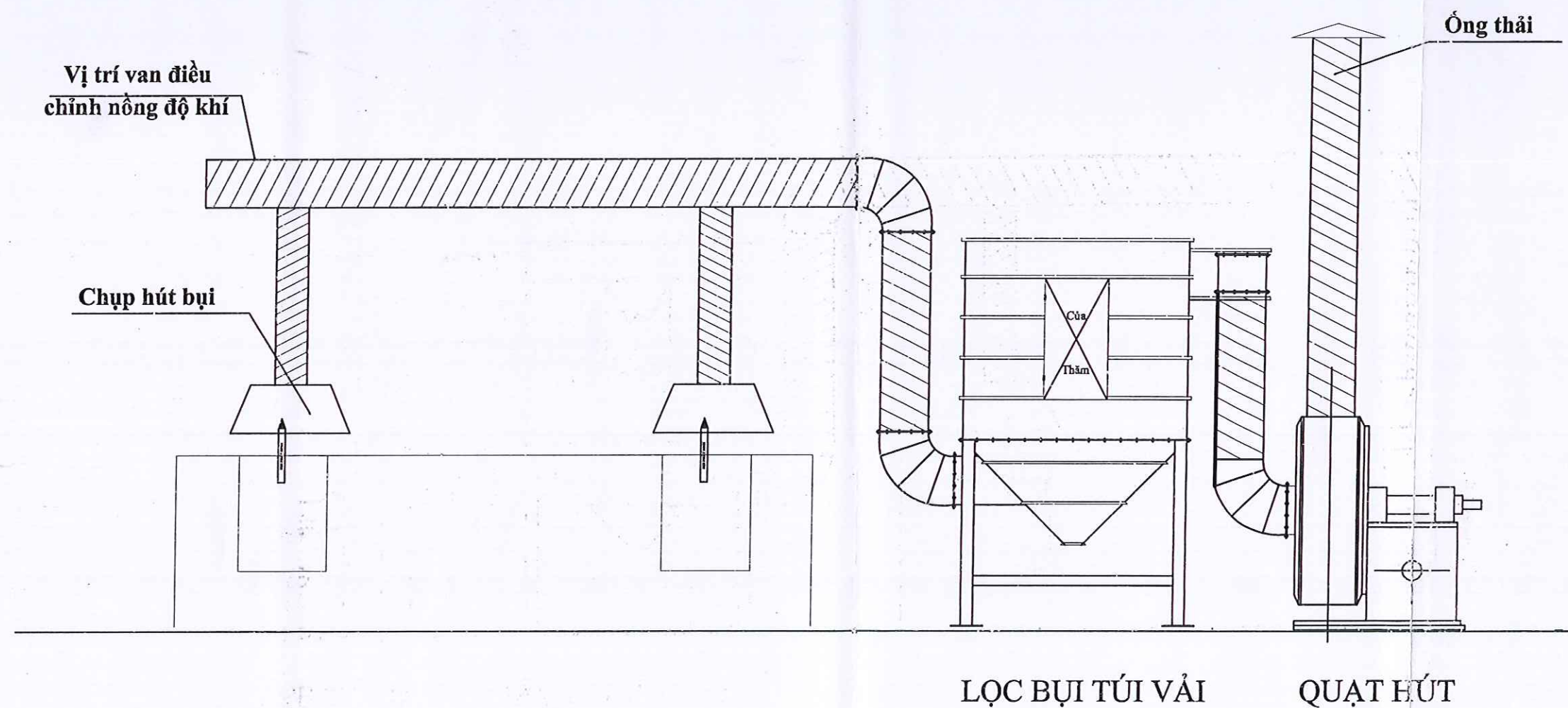
DẦM D1
TL 1/25



MẶT CẮT 4 - 4 TL 1/25

CHỦ ĐẦU TƯ		
CÔNG TY TNHH PB TÍN PHÁT		
Địa chỉ: Ấp 3, xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương		
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ		
 NGUYỄN VĂN HIỆP		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN		
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HƯỚNG XANH		
		
Địa chỉ: Số 1332, tổ 8, khu phố 8, đường Hùng Vương P. Phú Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Điện thoại: 033 103 33 66 Điện thoại: (0274) 3616 120		
ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN		
 ĐẶNG THANH HẢI		
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN		
KTS. HÀ QUỐC BÌNH		
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ		
Ks. PHÙNG VĂN THẾ		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT		
Ks. PHÙNG VĂN THẾ		
TÊN CÔNG TRÌNH		
NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÁN NHÂN TẠO		
Địa chỉ: Ấp 3, xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương		
HẠNG MỤC:		
TÊN BẢN VẼ:		
KHO CHỨA CHẤT THẢI NGUY HẠI		
NGÀY HOÀN THÀNH:	HỒ SƠ X2X0	HỒ SƠ DNHTKT
08/2023	KC : 09 / 14	

HỆ THỐNG LỌC BỤI TÚI VÀI



CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH PB TÍN PHÁT

Địa chỉ: ấp 3, xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



NGUYỄN VĂN HIỆP

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HƯỚNG XANH



Địa chỉ: Số 1332, tổ 8, khu phố 8, đường Hùng Vương, P. Phú Mỹ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương.
Điện thoại: 093 103 33 68
Điện thoại: (0274) 3818-120

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN



ĐẶNG THANH HẢI

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN

KTS. HÀ QUỐC BÌNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KTS. HÀ QUỐC BÌNH

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KS. PHÙNG VĂN THẾ

TÊN CÔNG TRÌNH

NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÁN NHÂN TẠO

Địa chỉ: ấp 3, xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

HẠNG MỤC:

TÊN BẢN VẼ:

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ XỬ LÝ BỤI

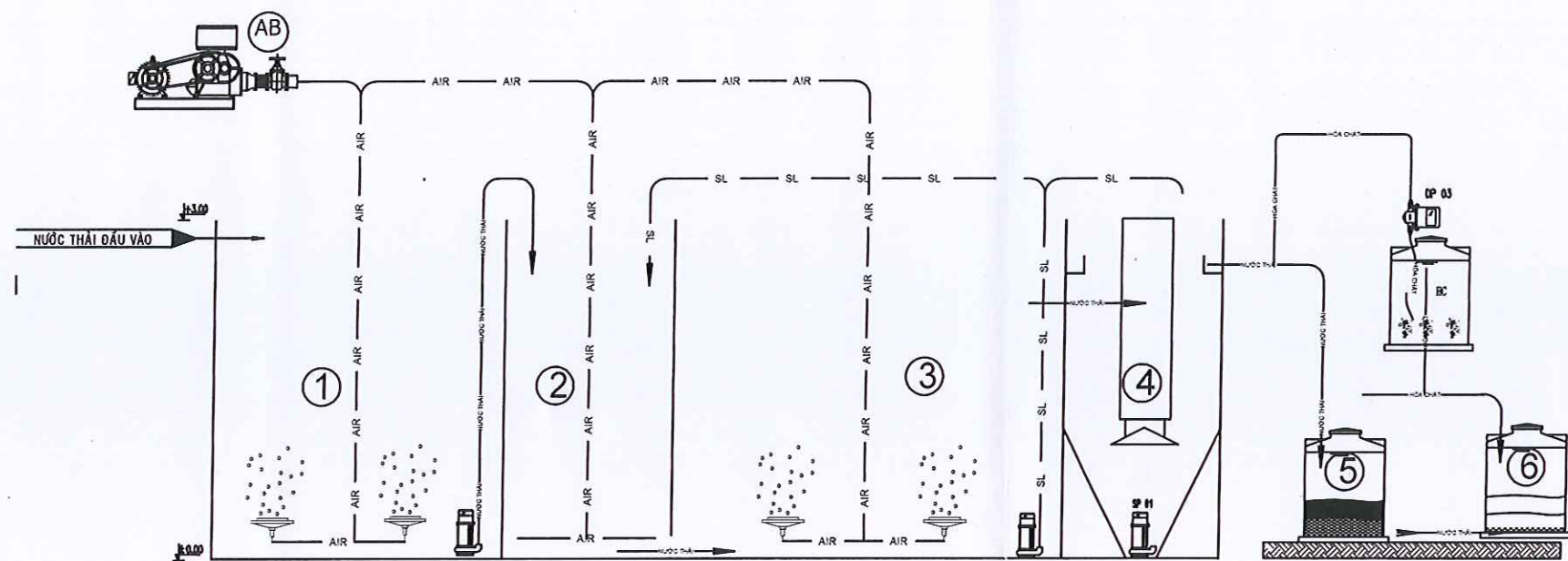
NGÀY HOÀN THÀNH:

08/2023

HỒ SƠ XÂY DỰNG

TT : /

$\pi: \quad /$



GHI CHÚ:

— LƯỚI THẢI — ĐƯỜNG DẪN NƯỚC THẢI
— AIR — AIR — ĐƯỜNG DẪN KHÍ
— SL — SL — ĐƯỜNG DẪN Bùn
— HÓA CHẤT — ĐƯỜNG DẪN HÓA CHẤT

GHI CHÚ:

1. BỂ ĐIỀU HÒA
2. BỂ ANOXIC
3. BỂ AROTANK
4. BỂ LẮNG SINH HỌC
5. BỒN LỌC ÁP LỰC
6. BỒN KHỬ TRÙNG

AB. MÁY THỜI KHÍ
WP. BƠM NƯỚC THẢI
SP. BƠM Bùn
DP. BƠM HÓA CHẤT
HC. BỒN CHỨA HÓA CHẤT
DTK. Đĩa THỜI KHÍ
SCR. SONG CHẮN RÁC

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CÔNG SUẤT: 20m³/NGÀY ĐÊM

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH PB TÍN PHÁT

Địa chỉ: ấp 3, xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



NGUYỄN VĂN HIỆP

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HƯƠNG XANH



Địa chỉ: Số 1332, tổ 8, khu phố 8, đường Hùng Vương
P. Phú Mỹ, TP. Thủ Đức, tỉnh Bình Dương.
Điện thoại: 093 103 33 66
Điện thoại: (0274) 3616 120

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN



ĐẶNG THANH HẢI

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN

KTS. HÀ QUỐC BÌNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KTS. HÀ QUỐC BÌNH

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KS. PHÙNG VĂN THẾ

TÊN CÔNG TRÌNH

NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÁN NHÂN TẠO

Địa chỉ: ấp 3, xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

HẠNG MỤC:

TÊN BẢN VẼ:

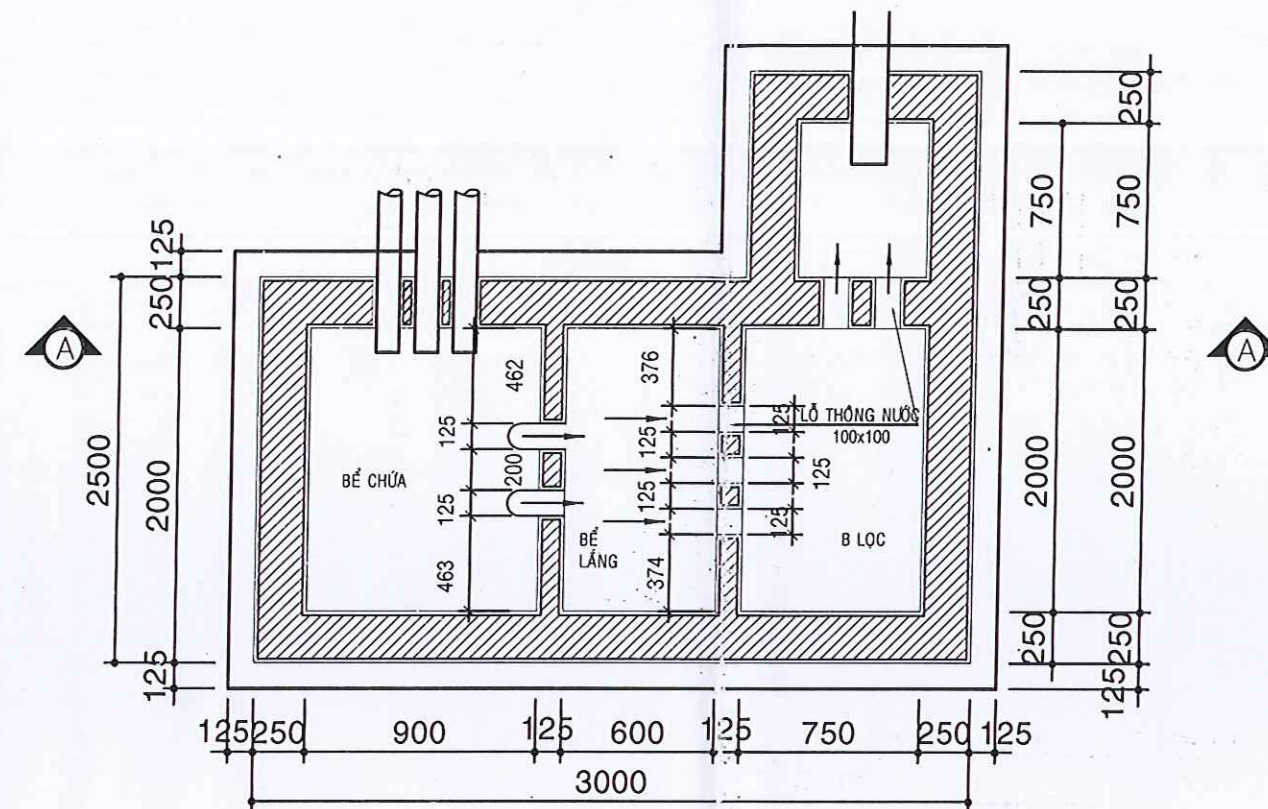
NGÀY HOÀN THÀNH:

08/2023

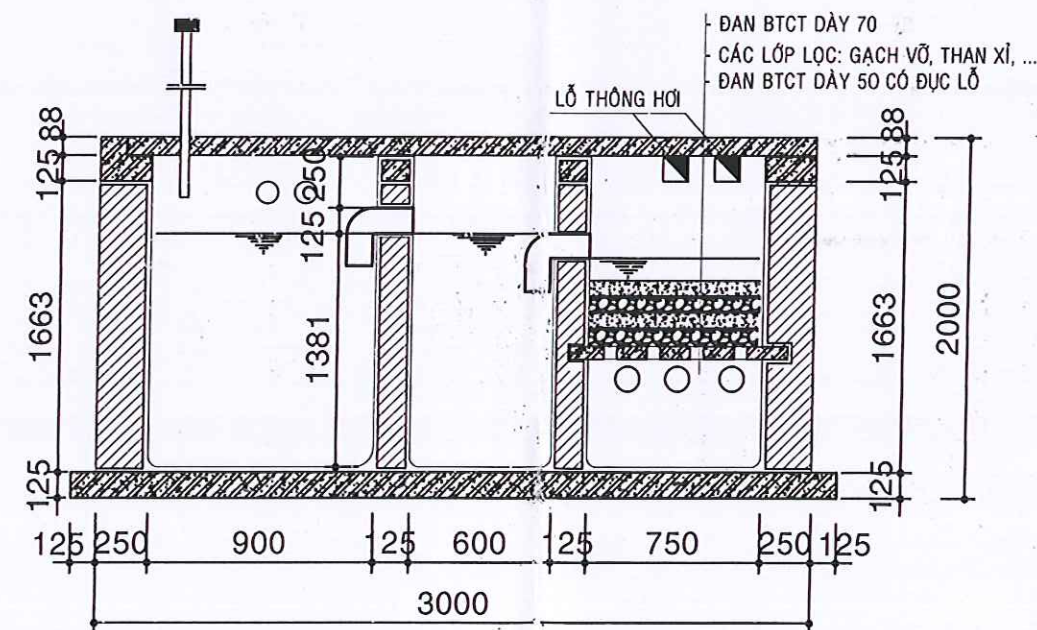
HỒ SƠ XÂY DỰNG

TT :

/

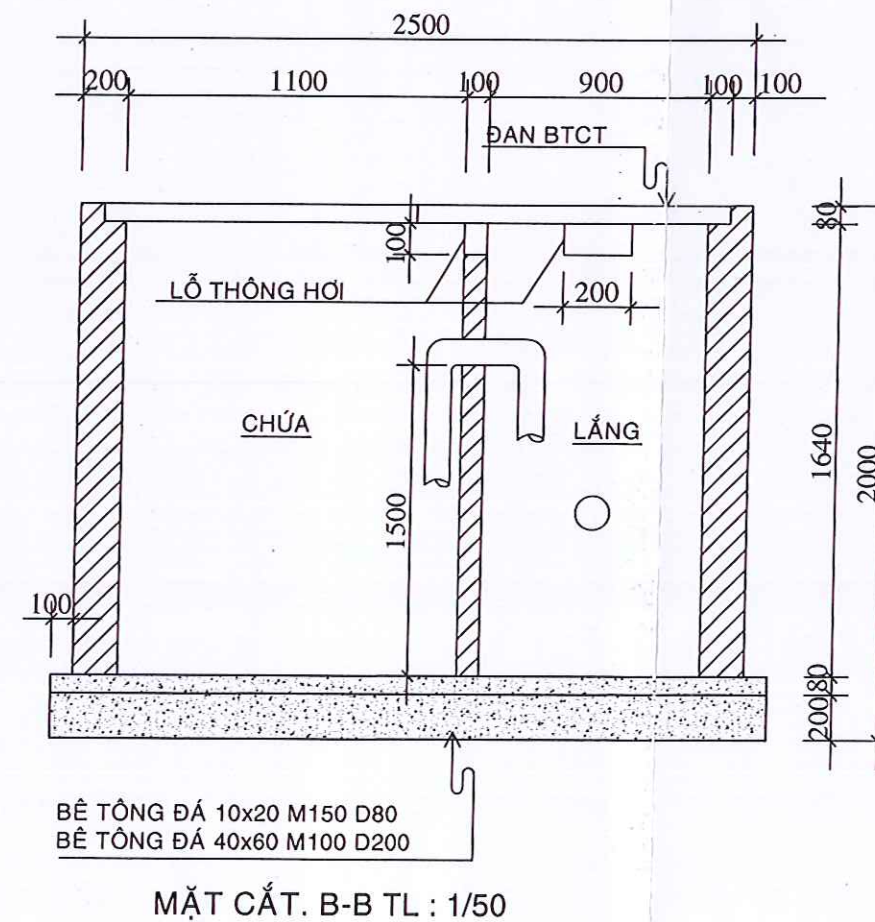
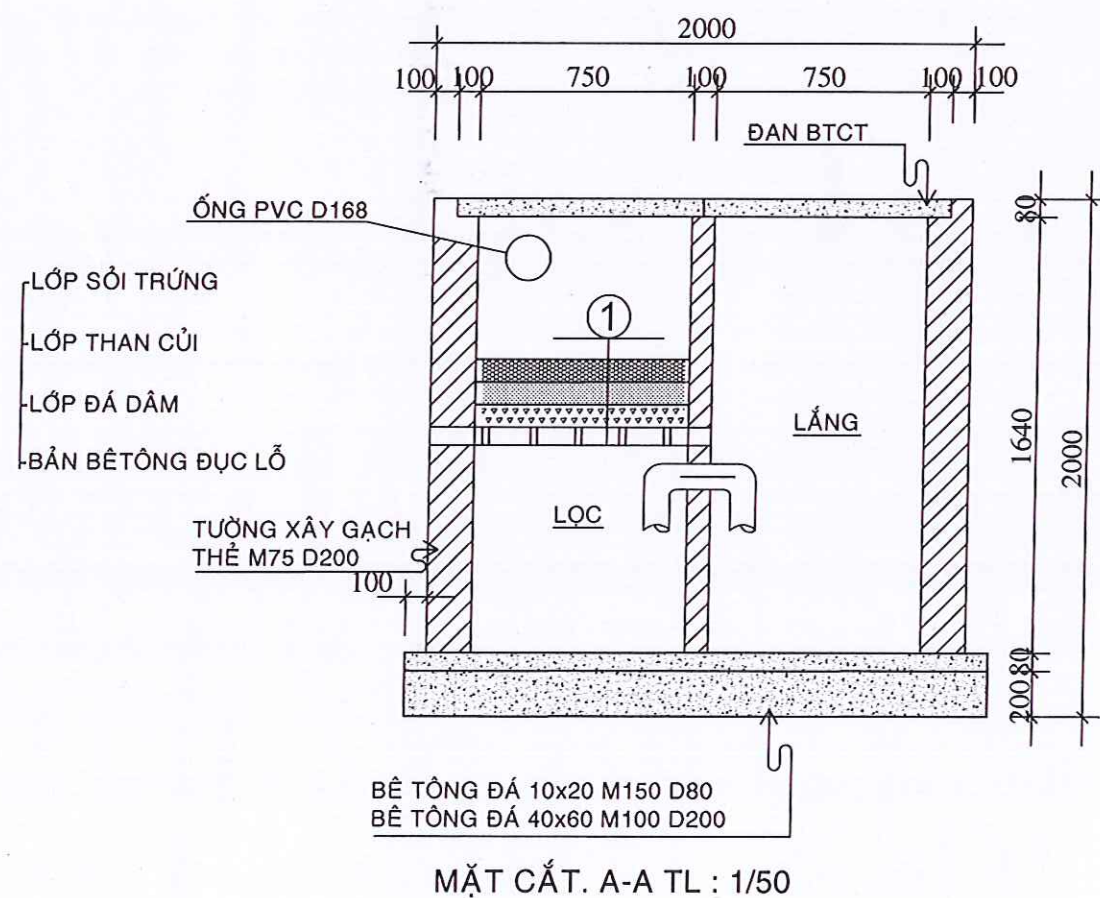
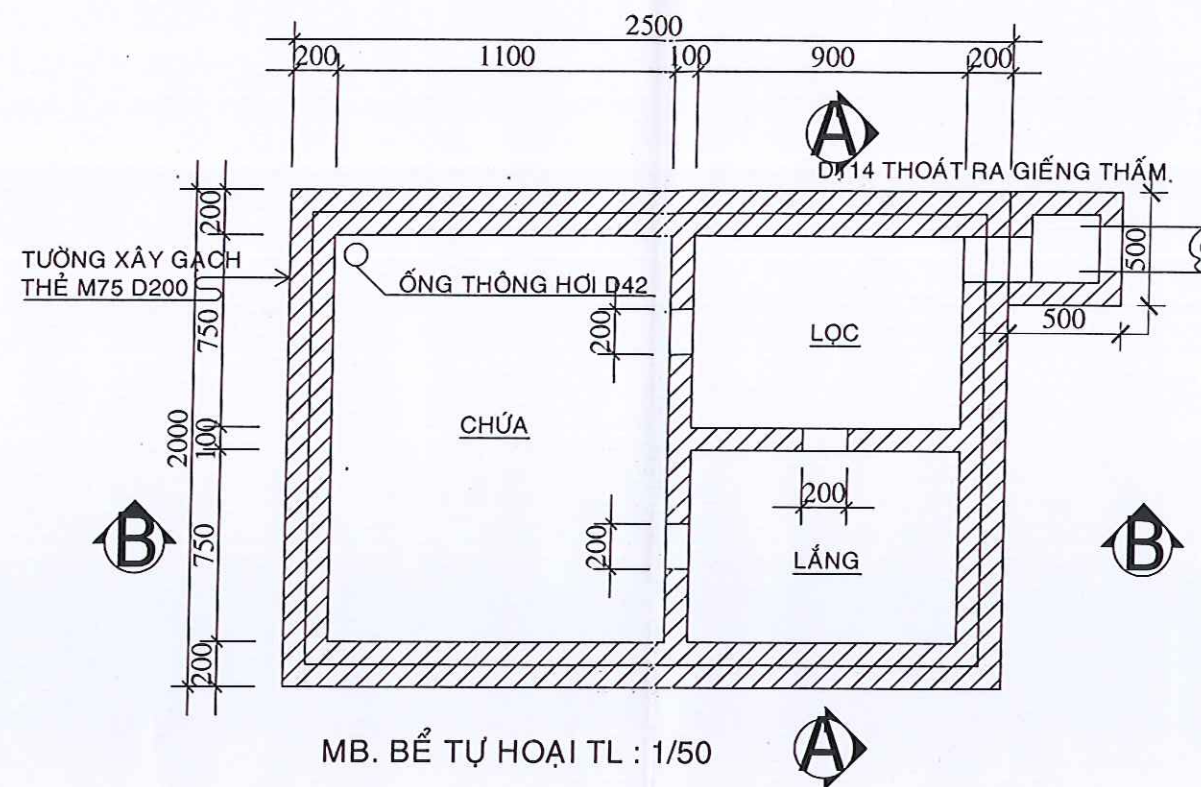


MẶT BẰNG HẦM TỰ HOẠI TL 1/50



MẶT CẮT A-A HẦM TỰ HOẠI TL 1/50

CHỦ ĐẦU TƯ		
CÔNG TY TNHH PB TÍN PHÁT		
Địa chỉ: ấp 3, xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương		
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN		
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HƯỚNG XANH		
Địa chỉ: Số 1332, tổ 8, khu phố 8, đường Hùng Vương P. Phú Mỹ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh Điện thoại: 093 103 33 68 Email: hxdm@hxdm.vn		
ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN		
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN		
KTS. HÀ QUỐC BÌNH		
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ		
KTS. HÀ QUỐC BÌNH		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT		
KS. PHÙNG VĂN THẾ		
TÊN CÔNG TRÌNH		
NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÁN NHÂN TẠO		
Địa chỉ: ấp 3, xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương		
HẠNG MỤC:		
TÊN BẢN VẼ:		
CHI TIẾT HẦM TỰ HOẠI		
NGÀY HOÀN THÀNH:	HỒ SƠ XEZD	HỒ SƠ ĐNHTKT
08/2023	TT :	01/03



CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH PB TÍN PHÁT

Địa chỉ: Xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

M.S.D.N. 302422881-C.T. CÔNG TY TNHH PB TÍN PHÁT NGUYỄN VĂN HIỆP ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HƯỚNG XANH

HX

Địa chỉ: Số 1332, tổ 8, khu phố 8, đường Hùng Vương P. Phú Mỹ, TP. Thủ Đức, tỉnh Bình Dương. Điện thoại: 093 103 33 66 Điện thoại: (0274) 3616 120

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN

M.S.D.N. 302422881-C.T. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HƯỚNG XANH ĐANG THANH HẢI

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN KTS. HÀ QUỐC BÌNH CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KTS. HÀ QUỐC BÌNH QUẢN LÝ KỸ THUẬT KS. PHÙNG VĂN THẾ

TÊN CÔNG TRÌNH

NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÁN NHÂN TẠO

Địa chỉ: Xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

HẠNG MỤC:

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT BỂ TỰ HOẠI

NGÀY HOÀN THÀNH: HỒ SƠ XÂY DỰNG HỒ SƠ ĐƠN THỊ

08/2023

TT : 01/03

